ANDRÉ GIDE

ISABELLE

VỠ MỘNG

Bửu Ý *dịch*

PHANBOOK

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

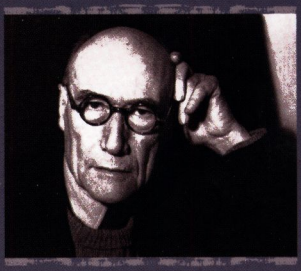

ANDRÉ GIDE (1869-1951)

Là nhà văn Pháp; nhận giải Nobel Văn học năm 1947.

André Gide sinh ra tại Paris, trong một gia đình trung lưu theo đạo Tin lành. Cha là giáo sư Luật học, mất sớm. Gide lớn lên trong một không gian khá cô lập ở vùng Normandy, với lối giáo dục khắc kỷ của người mẹ.

Sau những chuyến du hành sang Bắc Phi (từ 1893-1894), ông rơi vào cuộc dằn vặt tinh thần khi nhận ra mình đồng tính luyến ái.

André Gide ấn hành tác phẩm đầu tiên năm 22 tuổi, có tựa: *Những cuốn vở của André Walter.*

Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch ra tiếng Việt: *Bọn làm bạc giả, Dưỡng chất trần gian, Kẻ vô luân, Trường học đờn bà,...*

Tiểu thuyết *Vỡ mộng* (Isabelle) được ấn hành năm 1911

VỠ MỘNG

ANDRÉ GIDE

ISABELLE
VỠ MỘNG

Bửu Ý *dịch*

PHANBOOK

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

VỠ MỘNG

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp ISABELLE của André Gide
Xuất bản theo thỏa thuận chuyển giao bản quyền dịch
với dịch giả Bửu Ý.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức sử dụng, sao chụp, in ấn dưới dạng sách in hoặc sách điện tử mà không có sự cho phép bằng văn bản của công ty Phanbook và dịch giả đều là vi phạm pháp luật và vi phạm đến quyền sở hữu tác giả tác phẩm theo Luật Sở hữu trí tuệ và Công ước quốc tế Berne.

Tại nhà của Gérard Lacase là nơi chúng tôi gặp lại nhau hồi tháng Tám 189..., Gérard Lacase hướng dẫn Francis Jammes và tôi đi viếng lâu đài Quartfourche chẳng bao lâu nữa sẽ chỉ còn lưu lại toàn đổ nát, và khuôn viên rộng lớn bị bỏ bê, nơi đây mùa hè kiêu sa phơi trải phiêu diêu. Không còn lại cái gì ngăn đón ngõ vào: Hào bị lấp kín nửa, bờ giậu thủng, luôn cả cổng sắt không còn niêm kín xiêu vẹo ngả nghiêng theo cái ấn vai đầu tiên của chúng tôi. Không còn lối đi vào; trên các bồn cỏ phủ phê dăm con bò thong dong gặm cỏ thừa thãi hoang dại, đôi con khác tìm bóng mát trong bộng các lùm cây cảnh bị phá thủng; may ra ta phân biệt

ra đó đây, giữa cảnh trù phú hoang dã, cánh hoa hay vòm lá đặc dị nào đó, di vết gan lì của những vun trồng ngày xưa, hầu đã bị bóp chẹt vì những giống loại tầm thường hơn. Chúng tôi theo Gérard mà không lên tiếng, nghẹn lòng vì vẻ đẹp của nơi chốn, của mùa, của giờ khắc và bởi tại chúng tôi cảm nhận luôn tất cả những gì là hoang phế tang tóc được chôn giấu trong sự trù phú vô hạn này đây. Chúng tôi tới tận trước thềm lâu đài, những bực dưới cùng chìm vào trong cỏ, bực phía trên rã riêng và sứt mẻ; nhưng, trước mấy cái cửa sổ lớn sát đất, những cửa chớp bền bỉ làm chúng tôi dừng chân lại. Phải nhờ cửa sổ ở hầm nhà, chúng tôi mới vào, lách mình như kẻ cắp; một cái cầu thang dẫn lên mấy căn bếp; các cửa bên trong không có cái nào là đóng... Chúng tôi lần đi từng phòng, thận trọng vì sàn nhà nao núng nơi này nơi kia và như muốn gãy; đè ém tiếng bước chân, chẳng phải rằng như có ai ở đấy thì có thể nghe ra, nhưng trong cái im vắng mênh mang của ngôi nhà trống này, tiếng động tịnh của sự hiện diện chúng tôi vang dội sỗ sàng, dễ thường làm chúng tôi hãi sợ. Nơi mấy cửa sổ tầng trệt,

nhiều ô cửa khuyết mất; giữa những lá cửa chắn gió mọc lên một cây tử oai, trong cái bóng tranh tối tranh sáng của phòng ăn, những thân cây bụ bẫm trắng mềm.

Gérard bỏ chúng tôi lại, chúng tôi nghĩ rằng anh muốn nhìn lại một mình cái nơi chốn này mà trước đó anh đã làm quen với người nhà, và chúng tôi tiếp tục cuộc thăm viếng không có anh. Chắc anh đã đi trước chúng tôi lên tầng nhất, qua cảnh đìu hiu của mấy căn buồng trống trơn: Trong một căn buồng, một nhánh hoàng dương hãy còn lủng lẳng trên tường, đính vào một thứ kim kẹp bằng một dải lụa đã phai màu, hình như nó còn đong đưa yếu ớt ở đầu mút dây, và tôi chắc rằng Gérard vừa rồi khi ngang qua có ngắt một nhánh nhỏ.

Chúng tôi gặp lại anh ở tầng lầu thứ hai, gần bên chiếc cửa sổ không còn kính, nơi một hành lang, qua cửa sổ này người ta đã cuốn rút lên vào phía trong một sợi thừng ngã ra bên ngoài; đó là sợi thừng buộc chuông, và đang định kéo nó lên từ từ thì tôi cảm thấy tay tôi bị Gérard giữ lại; động tác của anh đã không can ngăn lại càng làm

cho động tác của tôi vung rộng thêm, đột nhiên vang lên một tiếng chuông khàn, gần chúng tôi quá, dữ dội quá khiến chúng tôi giật mình khó xử; kế đó, khi im lặng tưởng đã khởi sự bít bùng trở lại, thì hai nốt âm thanh trong trẻo vẫn còn rơi rớt lại, cách quãng, đã thấy xa xôi. Tôi quay lại phía Gérard và tôi thấy đôi môi anh rung động.

- Mình đi thôi, - anh nói. - Tôi cần thở không khí khác mới được.

Vừa ra ngoài, anh đã xin lỗi vì không thể theo gót chúng tôi; anh quen biết một người ở vùng lân cận mà anh muốn đi lấy tin tức. Nghe điệu nói của anh, chúng tôi hiểu rằng nếu cứ đi theo anh thì có vẻ tọc mạch, chúng tôi ra về, Jammes và tôi không thôi, về đến R. Tối lại Gérard về đây gặp chúng tôi.

Jammes nói ngay với anh:

- Này cậu, cậu hãy hiểu rằng tôi quyết sẽ không kể thêm một chuyện nhỏ nào nữa đâu, trước khi cậu nói ra cái câu chuyện thấy canh cánh bên lòng cậu.

Là vì những chuyện kể của Jammes gây nhiều thú vị cho chúng tôi trước khi ngủ.

- Tôi sẵn lòng kể cho các anh nghe câu chuyện truyền kỳ mà ngôi nhà các anh vừa mới thấy là cái sân khấu, Gérard mở đầu, nhưng, ngoài việc trước đây khám phá hoặc là sắp xếp lại câu chuyện chỉ được một đôi phần, tôi sợ đem ra kể lại lớp lang chỉ còn cách thuật các biến cố gột bỏ cái vỏ hấp dẫn bí ẩn đã từng khoác lên tính hiếu kỳ của tôi ngày xưa.

Jammes tiếp lời:

- Cậu cứ việc đem vào câu chuyện đủ thứ lộn xộn tùy thích.

Tôi nói:

- Tại sao phải tìm cách làm lại sự kiện theo thứ tự trước sau, sao lại không trình bày sự kiện y như cậu khám phá ra?

- Thế thì các anh cho phép tôi nói nhiều về tôi nhé, - Gérard bảo.

- Mỗi chúng mình có khi nào làm khác thế đâu! - Jammes lại nói.

ĐÂY LÀ CÂU CHUYỆN GÉRARD KỂ LẠI.

1

Ngày nay tôi hầu như khó lòng hiểu nổi sự nôn nóng đưa tôi lao mình vào cuộc sống hồi đó. Tuổi hăm lăm tôi như chẳng biết gì, chỉ nhờ sách vở là cùng; và chắc có lẽ bởi thế tôi ngỡ mình là nhà văn; vì tôi vẫn không hay biết các sự việc che mắt ta một cách tai quái như thế nào khi khuất lấp cái khía cạnh đáng lẽ bắt ta quan tâm hơn, và tôi không dè những sự việc ấy tỏa ra ít hấp dẫn đối với kẻ nào không biết khổ công.

Bấy giờ tôi đang soạn bằng cấp tiến sĩ, một luận án về biên niên các bài thuyết giáo của

Bossuet; không phải là vì tôi bị sự hùng biện của thuyết giáo đặc biệt lôi cuốn: Tôi chọn đề tài đó vì tôn trọng Albert Desnos thầy cũ của tôi, đúng lúc tác phẩm quan trọng của người, *Thân thế Bossuet*, ra xong. Ngay khi biết được dự định nghiên cứu của tôi, ông Desnos tình nguyện giúp tôi tra cứu cho dễ dàng. Một trong số bằng hữu kỳ cựu nhất của ông, Benjamin Floche, thông tín viên của Viện Hàn lâm Ký tự và Văn chương, có nhiều loại tài liệu may ra giúp cuốn *Thánh Kinh* tràn đầy lời ghi chú của chính tay Bossuet. Ông Floche ẩn cư từ mười lăm năm qua ở La Quartfourche, nơi mà người ta quen gọi là Ngã Tư, địa sản tư ở vùng Pont-l'Évêque, nơi đây ông không còn nhích mình đi nữa, nơi ông hoan hỉ tiếp tôi và cho tôi tiện dụng giấy tờ, tủ sách và cái học uyên bác của ông mà ông Desnos bảo tôi là phong phú vô tận. Giữa hai ông Desnos và Floche, thư từ qua lại nhau. Các tài liệu tỏ ra còn dồi dào hơn thầy tôi làm cho tôi mong mỏi ban đầu; thoáng chốc chỉ còn một cuộc viếng thăm

nữa thôi: Được lời giới thiệu của ông Desnos, ông Floche nhã nhặn ngỏ ý mời tôi lưu lại lâu đài La Quartfourche. Mặc dầu không có con cái, ông bà Floche không phải sống riêng hai người ở đây, dăm ba tiếng lửng lơ của ông Desnos khiến óc tưởng tượng của tôi bám vào đó, xúi tôi hy vọng tìm thấy ở nơi này những người hòa nhã thu hút được tôi ngay, hơn là những tài liệu bụi bặm của Đại Thế kỷ; thì đấy, cái luận án của tôi chỉ còn là một cái cớ; tôi nhập địa lâu đài này không còn với tư cách học sinh, mà với tư cách của Nejadanof, của Valmont; chưa chi tôi đã thêu dệt cho lâu đài đủ điều kỳ thú. La Quartfourche! Tôi nhẩm lại cái tên mầu nhiệm kia: Nơi này đây, tôi nghĩ, là nơi Hercule do dự ra tay... Tôi thừa biết cái gì chờ đợi anh hùng trên nẻo đường đức độ; nhưng còn nẻo khác?... nẻo khác...

Khoảng giữa tháng Chín, tôi thu góp bao nhiêu cái tốt nhất trong số áo xống tầm thường của tôi, đổi mới loạt cà vạt, rồi lên đường.

Khi tôi đến trạm xe lửa Breuil-Blangy, ở giữa Pont-l'Évêque và Lisieux, đêm tối đã hầu bịt bùng. Tôi là kẻ độc nhất bước xuống tàu. Một gã thứ quê mùa đi ở đợ đến đón tôi, đỡ lấy va li và đưa tôi ra xe đỗ phía bên kia nhà ga. Cái mã bên ngoài của con ngựa và chiếc xe làm tôi cụt hứng; không thể tưởng một cái gì có thể mạt hạng hơn. Tên quê mùa đánh xe lại bỏ đi lấy cái rương tôi biên gửi; dưới sức nặng này những lò xo chiếc xe ngựa bốn bánh oằn xuống. Phía bên trong, mùi chuồng gà ngạt thở... Tôi muốn vặn tấm kính cửa xe, nhưng cái tay cầm bằng da rời ra nằm trong bàn tay tôi. Trời mưa cả ngày; đường khó đi; dưới chân ngọn dốc đầu tiên, một bộ phận trong xe bị hỏng. Gã phu rút ra từ bên dưới chỗ ngồi một mẩu dây thừng và tìm thế chắp vá sợi dây kéo. Tôi đặt chân xuống đất và thân cầm chiếc đèn bão mà hắn vừa thắp lên; tôi có thể mục kích thấy áo xống của người đàn ông khốn khó, cũng như đồ trang bị cho xe, chẳng phải lần đầu tiên mới được vá víu.

Tôi ướm lời:

- Miếng da hơi cũ.

Hắn nhìn lại tôi như thể tôi đã buông lời chửi hắn, đoạn gần như thô lỗ:

- Này cậu, cũng may phước mới đi tới được đón cậu đó.

Tôi hỏi lại lựa giọng dịu dàng hơn cả:

- Có xa không, từ đây tới nhà?

Hắn không trả lời thẳng, mà:

- Cố nhiên đâu phải ngày nào cũng đi đi về về thế này!

Rồi một lát sau:

- Dễ đến sáu tháng nay không lôi nó ra, chiếc xe ngựa...

- Thảo nào!... Ông chủ bà chủ không hay đi dạo chơi sao? - Tôi lại hỏi tiếp bằng một nỗ lực vô vọng đơm chuyện.

- Cậu nói hay chưa? Không làm việc gì khác may ra!

Cái bung xung sửa sang xong, hắn ra cử chỉ mời tôi lên xe, xe lại đi.

Con ngựa vất vả khi lên, vấp váp lúc xuống và tréo trết thảm hại ở đất bằng; đôi lúc bỗng không đứng khựng lại. Cứ đà này, tôi nghĩ, chúng tôi sẽ đến Ngã Tư sau khi gia chủ đã rời bàn ăn từ lâu; và (con ngựa dừng lại phen nữa) sau khi họ đã đi ngủ hồi lâu rồi cũng nên. Tôi đói lắm; tính khí dễ dãi đâm ra bẳng nhẳng. Tôi cố nhìn xem cảnh trí: Chiếc xe đã bỏ con đường lớn lúc nào tôi không hay mà tiến vào một con đường chật hẹp hơn và ít được tu bổ hơn nhiều; mấy ngọn đèn gương bên trái bên phải soi sáng vừa vặn dãy hàng rào tiếp nối, rậm và cao như vây bọc lấy chúng tôi, như chắn lối, như vẹt ra trước mặt mỗi lúc chúng tôi đi tới rồi liền khép lại.

Đến chân một con đường dốc thẳng dựng hơn, chiếc xe ngừng lần nữa. Gã đánh xe đến bên cửa mở ra, đoạn, không phải rườm lời:

- Xin cậu bước xuống cho. Dốc hơi nhọc cho ngựa. - Và gã đích thân leo dốc vừa nắm

ở cương con ngựa thảm hại. Lưng chừng dốc gã quay lại tôi đang bước đi sau nói dịu giọng:

- Tới nơi bây giờ: Kìa, hoa viên đấy.

Và tôi nhận ra trước mặt một khối sẫm những cây cối choán lấy bầu trời mở rộng. Đó là một con đại lộ Sồi Rừng cao lớn mà cuối cùng chúng tôi bước vào, và ở đây chúng tôi bắt gặp lại con đường đầu tiên đã bỏ. Người xà ích mời tôi lên xe trở lại, không mấy chốc xe tới cổng sắt; chúng tôi vào bên trong khuôn viên.

Trời quá tối tôi không thể nhận ra mặt tiền tòa lâu đài; chiếc xe đỗ xuống trước bực thềm tam cấp, tôi bước lên, hơi chói lóa vì ngọn đèn do một người đàn bà không tuổi tác, không nhan sắc, thô mập, ăn mặc kém cỏi, cầm nơi tay và rọi ánh sáng về phía tôi. Bà chào tôi hơi lạnh lùng. Tôi thi lễ trước mặt bà, bỡ ngỡ...

- Thưa có phải bà Floche?...

- Bà Verdure thôi ạ. Ông bà Floche ngủ rồi. Ông bà xin lỗi không ở đấy tiếp cậu; nhưng ở đây ăn tối sớm sủa.

- Còn bà chị, đã phiền bà chị thức khuya.

Bà không quay lui nói:

- Ô! Tôi quen rồi.

Bà tiến lên trước vào phòng tiền.

- Chắc cậu muốn dùng một chút gì?

- Dạ, thú thật tôi chưa ăn.

Bà đưa tôi vào một phòng ăn khoảng khoát có dọn sẵn một bữa ăn khuya tươm tất.

- Giờ này lò đã nguội lạnh; với lại ở quê kiếm được cái gì phải bằng lòng cái ấy.

- Nhưng tôi thấy bấy nhiêu đây tốt quá, - tôi vừa nói vừa ngồi vào bàn trước một đĩa thịt nguội. Bà ta ngồi xéo góc xuống chiếc ghế khách cạnh cửa, và suốt thời gian tôi ăn, bà cúi mặt, đặt chéo tay trên đầu gối, rõ là thủ phận. Nhiều lượt, khi chuyện qua lại tẻ nhạt trầm xuống, tôi xin lỗi vì đã cầm giữ bà nhưng bà cho tôi hiểu rằng, bà chờ tôi xong xuôi để dọn dẹp:

- Nói thế thì làm sao tự cậu tìm cho ra cái buồng của cậu chứ?...

Tôi hối hả ăn miếng đôi thì bỗng cửa phòng tiền xịch mở: Một vị tu sĩ bước vào, tóc hoa râm, mặt khắc khổ nhưng dễ coi.

Ông bước tới tôi chìa tay ra:

- Tôi không muốn để đến ngày mai mới được cái thú tiếp khách. Tôi không đi xuống sớm hơn là tại vì tôi biết ông chuyện trò với chị Olympe Verdure, - ông vừa nói vừa hướng về phía người đàn bà một nụ cười có thể là lém lỉnh, trong khi thị bặm môi gỗ mặt ra. - Nhưng bây giờ ông đã ăn xong, - ông nói tiếp trong khi tôi đứng dậy khỏi bàn, - chúng ta để cho chị Olympe dọn dẹp đây chút đỉnh; để một người đàn ông đưa ông Lacase về phòng ngủ, thiết tưởng chị sẽ cho là phải phép hơn, và cho chị nhường việc lại ở đây.

Ông cúi rạp mình kiểu cách trước mặt bà Verdure, bà này trả lễ gọn gàng.

- Ồ! Con nhường chứ, con nhường... Trước mặt cha, cha biết mà, con luôn luôn nhường... - Rồi quay lại chúng tôi đột ngột:

- Cha suýt làm con quên hỏi ông Lacase dùng thức gì bữa điểm tâm đầu tiên.

- Kìa, gì mà chẳng được, bà chị... ở đây thường dùng gì?

- Đủ thứ. Pha trà cho các bà, cà phê cho ông Floche, cháo cho cha, bột racahout cho cậu Casimir.

- Còn bà chị không dùng gì cả sao?

- Ồ! Tôi cà phê sữa là đủ.

- Bà chị cho phép tôi dùng cà phê sữa với.

- Ê! Ê! Chị Verdure coi nhé, - ông cha vừa nói vừa nắm lấy tay tôi - ông Lacase có vẻ tán tỉnh chị lắm đấy!

Người đàn bà nhún vai, rồi chào tôi nhanh, trong khi ông cha kéo tôi đi.

Buồng tôi ở lầu nhất, gần mút hành lang. Ông cha mở cửa một gian phòng rộng thoát có ngọn lửa hồng lớn rọi sáng và nói:

- Chỗ này đây. Lạy Chúa tha tội! Họ đốt lửa cho ông!... Có lẽ ông đâu có cần thứ này... Thật ra ban đêm miệt này ẩm ướt, năm nay thời tiết lại hay mưa bất thường...

Ông lại gần bếp lửa xòe hai bàn tay rộng ra trong khi vẫn tránh né khuôn mặt, ra điều người mộ đạo xô đẩy sự cám dỗ. Ý chừng ông chực hàn huyên với tôi hơn là để cho tôi ngủ. Nom thấy cái rương cùng cái túi dạ hành của tôi, ông vào đầu:

- Có thế chứ, Gratien đã đem đồ đạc lên cho ông.

Tôi hỏi:

- Thưa, Gratien là cái ông đánh xe đón con đấy ư?

- Kiêm làm vườn nữa; bởi vì việc đánh xe hiếm khi làm bận đến ông ta.

- Quả tình ông có bảo con xe không hay ra ngoài.

- Mỗi khi xe ra là một biến cố lịch sử. Vả lại ông de Saint-Auréol, từ lâu dẹp chuồng ngựa; những dịp lớn như tối nay, thì mượn ngựa của tá điền.

Tôi ngạc nhiên nhắc lại:

- Ông de Saint-Auréol?

Ông đáp:

- Phải, tôi biết ông đến diện kiến ông Floche kia; thế nhưng đất Quartfourche thuộc sở quyền người anh rể của ông. Ngày mai ông sẽ được hân hạnh giới thiệu với ông bà de Saint-Auréol.

- Thế còn cậu Casimir? Con chỉ biết có một điều về cậu này là sáng mai cậu dùng bột racahout.

- Cháu của ông bà và là học trò của tôi. Nhờ Chúa tôi dạy cậu từ ba năm nay. - Ông cha nói mấy tiếng này nhắm mắt lại

và với vẻ tự khiêm hạ, như thể nói tới một vị hoàng thân.

Tôi hỏi:

- Cha mẹ cậu ấy không ở đây sao?

- Hiện đang đi xa.

Ông mím chặt môi rồi tiếp liền ngay:

- Thưa ông, tôi biết công cuộc nghiên cứu cao đẹp thiêng liêng biết bao đã đưa chân ông tới đây...

Tôi cười nhẹ đỡ lời ngay:

- Ồ! Cha chớ dạy quá lời về tính chất thiêng liêng, con chỉ quan tâm nghiên cứu với tư cách một sử gia.

Ông nói, khoát tay xua mọi ý tưởng làm mếch lòng:

- Mặc, môn sử vẫn có những quyền hạn của nó lắm. Ông sẽ tìm thấy ở ông Floche một con người chỉ đạo khả ái nhất và vững vàng nhất.

- Giáo sư của con, ông Desnos, cũng quả quyết như thế.

- A! Ông là học trò của Albert Desnos ư?

Ông mím môi lần nữa. Tôi vô tình hỏi:

- Cha có theo học ông?

Ông đáp gay gắt:

- Không! Những điều tôi biết về ông ta khiến tôi đề phòng... Một nhà phiêu lưu tư tưởng. Tuổi ông khá dễ bị mê hoặc vì những cái khác thường...

Và, vì tôi không trả lời gì:

- Những lý thuyết của ông ta ban đầu gây ảnh hưởng nào đó cho tuổi trẻ, nhưng thiên hạ nghe nói đã tỉnh ngộ.

Tôi rất ít thích luận bàn cho bằng ngủ. Thấy không được trả lời, ông tiếp:

- Ông Floche sẽ chỉ dẫn cho ông một cách an tâm hơn.

Sau đó, thấy tôi ngáp không che đậy chút nào.

- Đã quá khuya. Mai, nếu ông cho phép, mình sẽ thong thả tiếp tục cuộc đàm luận này. Sau chuyến đi xa ông chắc phải mệt.

- Thú thật cha, con buồn ngủ rục.

Ông bỏ đi rồi, tôi lấy củi lò ra, mở toang cửa sổ, đẩy mấy lớp cửa gỗ. Một cơn gió lớn tối tăm ẩm nước tới xô nghiêng ngọn đèn, tôi thổi tắt để nhìn ngắm đêm. Buồng tôi mở ra hoa viên, không phải mở ra mặt tiền ngôi nhà như mấy căn buồng ở hành lang lớn chắc phải được một nhãn giới bao quát hơn; cái nhìn của tôi lập tức bị chận lại vì đám cây; bên trên hàng cây, còn chỗ cho một chút xíu bầu trời nơi trăng lưỡi liềm vừa mới ló ra thì gần liền sau đó đã bị mây lấp phủ. Trời lại đã qua một cơn mưa khác; cành cây hãy còn nhỏ nước...

- Thế này chẳng gợi thú gì bao nhiêu, tôi thầm nghĩ, vừa đóng cửa kính cửa gỗ lại. Cái phút thưởng ngoạn ấy làm lạnh cóng người tôi, và lạnh cóng tâm hồn còn hơn thịt da; tôi chụm củi trở lại, nhen lửa dậy, và lấy làm

sung sướng tìm thấy trên giường một bình nước nóng mà có lẽ bà Verdure chu đáo chuồi lên đó.

Được một lát tôi nhận ra mình quên bỏ giày ngoài cửa. Tôi trở dậy ra ngoài hành lang chốc lát; ở cuối nhà phía kia, tôi thấy bà Verdure tạt qua. Buồng bà ở trên buồng tôi, theo như bước chân nặng nề của bà mách bảo cho tôi biết, bước chân ít lát sau bắt đầu rung động trần nhà. Tiếp theo là im lặng mênh mông, và trong khi tôi trầm vào giấc ngủ, tòa nhà nhổ neo băng vào đêm.

2

Tôi choàng giấc khá sớm vì tiếng động nhà bếp có cánh cửa mở ngay dưới cửa sổ tôi. Đẩy cửa gỗ ra tôi mừng rỡ trông thấy bầu trời trong veo hầu khắp; khuôn viên sáng sủa, chưa sạch nước cơn mưa mới; không khí muốn ngả màu xanh. Tôi định đóng cửa lại thì bỗng thấy từ vườn rau chạy ra về phía bếp một thiếu niên, tuổi tác khó xác định bởi khuôn mặt nó in rõ ba bốn tuổi già dặn hơn thân hình; hoàn toàn tật nguyền, nó cử động vặn vẹo, hai chân cong cho nó cái dáng khác thường: Nó nghiêng người đi tới, hay đúng

hơn bằng cách nhảy nhảy, làm như thể nếu bước đi từng bước một thì hai bàn chân sẽ phải đâm quàng vào nhau... Đúng đứa học trò của ông cha, Casimir. Một con chó kếch xù giống Terre-Neuve nhởn nhơ bên cạnh, nhảy theo phụ họa; thằng nhỏ cố cách thủ thân ngăn chừng cái khối đồ sộ xô lấn nó; nhưng lúc sắp tới nhà bếp, nó bị con chó lấn ép, tôi trông thấy nó bỗng lăn cù vào trong bùn. Một mụ diêm dúa phì nộn bổ ra, và trong khi đỡ thằng nhỏ dậy thì:

- Coi! Đẹp chưa! Được trời cho phép làm thế này mà! Bao nhiêu lần nói đi nói lại là bỏ con Terno trong nhà xe chứ phải không đâu!... Nào! Bước lại đây họ rửa cho...

Thị lôi nó vào bếp. Lúc này tôi nghe gõ cửa; một người đàn bà dọn phòng đem nước nóng vào cho tôi rửa mặt. Mười lăm phút sau chuông báo hiệu bữa ăn.

Khi tôi vào phòng ăn thì ông cha bước tới phía tôi nói:

- Thưa bà Floche, khách khả ái của chúng ta đây rồi không sai.

Bà Floche, đứng lên khỏi ghế, nhưng đứng thẳng dậy cũng không có vẻ gì cao lớn hơn ngồi; tôi nghiêng mình cúi thấp xuống trước mặt bà; bà đãi tôi bằng một cái lộn khẽ người xuống bất chợt; chắc hẳn tuổi nào đó bà đã phải nhận lãnh một số biến cố trời giáng xuống trên đầu; cái đầu bà lọt thũm vào giữa hai vai vô phương điều chỉnh; lại còn hơi quẹo về một bên nữa. Ông Floche đứng ngay bên bà chìa tay ra cho tôi. Hai con người già nhỏ thó tạc vóc nhau, phục sức như nhau, có vẻ cùng một tuổi, cùng một thể xác... Suốt một hồi trao đổi những khen lao mơ hồ, cả ba cùng nói một lượt. Kế đó là im lặng cao cách, và bà Verdure đi vào mang theo bình trà.

Sau cùng bà Floche nói, vì không xoay đầu được, bà hướng cả người về phía tôi:

- Chị Olympe bạn chúng tôi đây rất lấy làm lo không biết cậu ngủ ngon không, và giường ngủ có vừa ý cậu không.

Tôi đỡ lời rằng tôi đã nằm nghỉ trong giường khỏe khoắn tuyệt trần và cái ấm nước nóng tìm thấy được khi ngủ thật quá tốt.

Bà Verdure, sau khi chào hỏi tôi, bước trở ra.

- Thế còn buổi sớm, tiếng lịch kịch ở nhà bếp không làm rầy cậu quá lắm chứ?

Tôi đỡ lời thêm lần nữa.

- Xin cậu cứ việc phàn nàn, bởi vì có dọn cho cậu một phòng nào khác là chuyện dễ hơn cả...

Ông Floche, không nói gì, gật gù cười cười, mỗi lời vợ đều nhận làm của mình.

Tôi nói:

- Tôi cũng nhận thấy rõ rằng tòa nhà rộng thênh thang; nhưng tôi xin cam đoan là được ở thế này dễ chịu lắm rồi.

Ông cha bảo:

- Ông bà Floche thích chiêu đãi khách quá lắm.

Bà Olympe bưng ra đĩa bánh mì nướng; bà đẩy đĩa vào tới trước mặt cái đứa nhỏ quặp chân mà tôi trông thấy chúi ngã hồi nãy. Ông cha nắm lấy tay nó:

- Casimir, nào! Không còn trẻ con gì nữa đâu; con hãy lại chào ông Lacase như người lớn coi. Đưa tay... Nhìn ngay mặt!...

Kế quay sang tôi như để bào chữa cho nó:

- Chúng tôi chưa quảng giao...

Tính rụt rè của đứa bé làm tôi xốn xang:

- Thưa đây là cháu bà? - Tôi hỏi bà Floche, quên mất những lời ông cha chỉ dẫn cho tôi hôm qua.

- Cháu họ của chúng tôi, - bà đáp, - ít lâu nữa ông sẽ gặp anh rể và chị tôi, là ông bà của cháu.

Bà Verdure giải thích:

- Hồi nãy cháu nó không dám vào vì vấy bùn cả áo quần nghịch với Terno.

Tôi day sang Casimir ôn tồn nói:

- Nghịch đâu nghịch lạ thế nhỉ; tôi đứng nơi cửa sổ khi nó húc vào em... Nó không làm em đau chứ?

Đến lượt ông cha giải thích:

- Nên bảo cho ông Lacase biết rằng ta đâu có sở trường về cái khoản thăng bằng...

Đã hẳn! Tôi dư thấy, cần gì phải báo cáo. Gã linh mục lớn xác này, mắt đục lờ, bỗng nhiên đâm ra dễ ghét đối với tôi.

Thằng nhỏ không trả lời tôi, nhưng khuôn mặt hắn đỏ gấc. Tôi hối tiếc câu mình nói ra và hối tiếc rằng nó có thể cảm nhận một ám chỉ nào đó sự tật nguyền của mình. Ông cha, ăn cháo xong xuôi, rời bàn đứng dậy và lui tới quanh phòng; khi nào ngừng nói, ông bặm chặt môi làm môi trên thành vành, như môi các ông lão hóm hém. Ông dừng lại sau lưng Casimir, và trong khi thằng bé vét sạch bát, thì:

- Nào! Nào, cậu, Avenzoar đang chờ chúng ta!

Thằng bé đứng lên; cả hai bước ra.

Bữa ăn vừa mới xong xuôi, ông Floche ra hiệu cho tôi.

- Ông khách trẻ ra ngoài vườn với tôi và cho tôi ít tin tức về cái thành phố Ba Lê suy tư.

Ngôn ngữ của ông Floche khai hoa ngay từ sớm tinh sương. Không lắng nghe câu trả lời của tôi bao nhiêu, ông hỏi han tôi về Gaston Boissier bạn ông, và nhiều nhà bác học khác có thể đã dạy tôi mà ông vẫn còn giao dịch ngày một thưa; ông hỏi thăm những sở thích về việc nghiên cứu của tôi... Dĩ nhiên tôi không ngỏ cùng ông những dự ước văn nghệ và chỉ để lộ mình ra như là sinh viên Sorbonne; kế đó ông bắt chuyện Quartfourche, ông hầu như chẳng hề nhúc nhích khỏi nơi này từ gần mười lăm năm nay, chuyện khu hoa viên, chuyện tòa lâu đài; ông để dành lại sau câu chuyện về gia đình trước kia cư ngụ tại đây, nhưng đã khởi sự thuật lại cho tôi nghe, nhờ đâu mà ông làm sở hữu chủ những thủ bản của thế kỷ 17 có thể giúp ích cho luận án của tôi... Ông bước

ngắn nhanh, hay đúng hơn, lúc thúc bên tôi; tôi để ý thấy ông mang chiếc quần trễ xuống thấp đến nỗi cái quần chẻ ra nằm ngang giữa đùi chân; trên lưng bàn chân, vải rủ xuống làm thành nhiều nếp, nhưng đàng sau lại nằm lên trên giày, không hiểu nhờ cái mẹo gì mà xếch lên thế; tôi chỉ còn nghe ông bằng một tai lơ đãng, thần trí nặng mỏi theo hơi ấm mềm mại của không khí và một thứ gì như cơn mê của thảo mộc.

Lần theo một lối đi hàng cây giẻ cao lợp vồng trên đầu, chúng tôi đi cho tới gần cuối hoa viên. Nơi đây, có bụi cây vũ diệp che nắng, sẵn chiếc ghế băng, ông Floche mời tôi ngồi xuống. Rồi đột ngột:

- Cha Santal có nói với anh rằng ông anh rể tôi có hơi...?

Ông không nói hết, mà đưa ngón tay trỏ lên trán.

Tôi sững sờ quá không trả lời làm sao được. Ông tiếp:

- Phải, nam tước Saint-Auréol, người anh rể của tôi; chắc cha không nói cho anh cũng như chẳng nói cho tôi... thế mà tôi biết cha nghĩ thầm trong bụng như thế... Còn về phần tôi, cha không bảo anh rằng tôi có hơi...?

- Dạ, thưa ông, làm sao ông lại nghĩ thế?...

Ông thân mật vỗ vào bàn tay tôi, nói:

- Kìa, anh, tôi cho điều đó rất tự nhiên thế thôi. Làm sao được? Ở đây chúng tôi mắc vào một vài thói quen, quen sống kín đáo xa thiên hạ, hơi... ngoài vòng lưu thông. Ở đây chẳng có gì đem lại sự khuây khỏa; nói thế nào nhỉ? Thế này. Anh thật là khả ái đến viếng chúng tôi, - và thấy tôi cố làm một cử chỉ, - tôi xin nhắc lại: Thật khả ái, tối nay tôi sẽ viết thư nói như thế cho Desnos người bạn rất tốt của tôi rõ; nhưng anh thử nói cho tôi nghe anh quan tâm đến cái gì, nghi vấn nào làm anh thắc mắc, vấn đề gì có lợi ích cho anh. Tôi chắc chẳng hiểu được anh.

Tôi trả lời gì được? Tôi lấy đầu mút chiếc "can" khều khều cát...

Ông tiếp lời:

- Anh thấy, ở nơi đây chúng tôi mất tiếp xúc phần nào. Chứ sao, chứ sao, anh đừng cãi; vô ích. Nam tước ông điếc đặc; nhưng ông làm dáng đến nỗi cố tình làm như không điếc; giả vờ như nghe ra chứ không muốn làm cho người ta nói lớn tiếng hơn. Với tôi, về những tư tưởng thời lưu, tôi tự tạo cái cảm ứng điếc đặc như ông nam tước; mà tôi vẫn không lấy làm buồn phiền gì. Thậm chí tôi không buồn gắng sức nghe nói. Mải làm quen với Massillon với Bossuet, cuối cùng tôi tin rằng những vấn đề làm rộn các vĩ nhân ấy là những vấn đề làm tuổi trẻ mình mê say... những vấn đề biết đâu vĩ nhân các người đã không thể hiểu... cũng như tôi đây không thể hiểu những vấn đề làm cho anh ngày nay mê say... Vậy thì anh, bạn đồng nghiệp trong tương lai của tôi, nếu anh vui lòng, tốt hơn hết anh hãy nói với tôi những

công cuộc nghiên cứu của anh, bởi đó cũng là những công cuộc nghiên cứu giống tôi, và anh sẽ bỏ lỗi cho tôi nếu tôi không hỏi gì anh về nhạc sĩ, thi sĩ, về những nhà hùng biện anh ưa thích, tôi cũng không hỏi anh về cái chính thể mà anh cho là hơn cả.

Ông coi giờ nơi chiếc đồng hồ tròn buộc vào một dải đen. Ông đứng lên, nói:

- Thôi mình về. Hễ khi nào đến mười giờ không bắt tay vào việc, tôi tưởng chừng như đánh mất cả một ngày.

Tôi đưa tay cho ông tỳ vào, và đôi khi vì ông mà tôi chậm bước thì ông lại bảo tôi:

- Nhanh! Nhanh! Tứ cũng như hoa, tứ nào thâu hái ban mai là những tứ giữ được cái tươi tắn lâu dài hơn cả.

Thư viện Quartfourche này gồm có hai gian nhà chia đôi bằng mỗi một tấm màn: Một gian bó rọ và cao hẳng lên nhờ ba bực cấp, nơi ông Floche làm việc, tại cái bàn trước

mặt cửa sổ. Không một nhãn cảnh nào; mấy cành du, cành trăn đến dập vào ô kính; trên bàn, cây đèn xưa có bụng dầu, một cái tán màu lục bằng sứ đội lên trên; dưới bàn, một cái túi bông to tướng để thu chân cho ấm; một lò sưởi nhỏ trong góc, trong một góc nữa, chiếc bàn thứ hai đầy tự điển; giữa hai bàn, một cái tủ xếp ngăn bằng những tấm các tông. Gian thứ hai rộng rãi: Sách chêm kín tường lên tới trần nhà; hai cửa sổ, một chiếc bàn lớn ngay giữa gian nhà.

Ông Floche bảo tôi:

- Anh ở nơi này đây.

Và, vì thấy tôi bật kêu lên thành tiếng:

- Không, không; tôi đã quen với chỗ hẹp; nói cho đúng, ở chỗ hẹp tôi cảm thấy thích hơn, tư tưởng tôi như tuồng tập trung lại. Anh cứ chiếm lấy cái bàn lớn đừng ngượng ngùng gì cả; và nếu anh định rồi, để khỏi phiền nhau, mình có thể buông tấm màn xuống.

Tôi nói lại:

- Ồ! Đối với tôi thì không cần; từ trước đến giờ, hễ cần tĩnh mịch để làm việc, tôi không...

Ông ngắt lời tôi nói tiếp:

- Thế thì ta để màn cuốn lên vậy. Phần tôi, tôi cũng rất thích liếc thấy anh chừng chừng. (Và, quả thế, mấy ngày sau, tôi không hề ngẩng đầu lên khỏi giấy tờ sách vở mà không bắt gặp cái nhìn của ông già, ông gật gật đầu cười với tôi hoặc là, ngại rầy rà gì tôi, mau mau quay mặt đi rồi vờ trầm ngâm đọc sách).

Ông lo ngay việc cho tôi dễ dàng sử dụng những sách, những thủ bản khả dĩ giúp ích tôi; phần lớn nằm dính sát trong tủ ngăn các tông của gian nhỏ; số lượng cũng như tầm quan trọng của chúng vượt xa bao nhiêu điều ông Desnos tiên báo cho tôi; rồi đây tôi cần phải một tuần nhật là ít để trích ra những lời chỉ dẫn nào quý báu sẽ tìm thấy trong đó. Cuối cùng ông Floche mở một chiếc tủ rất nhỏ,

cạnh chiếc tủ ngăn các tông, và lấy ra cuốn *Thánh kinh* lừng danh của Bossuet, trong đó Bossuet, phượng hoàng đất Meaux, đã viết lên, đối chiếu với những đoạn kinh dùng làm đoạn văn, ngày tháng những bài thuyết giáo cảm tác từ những đoạn kinh. Tôi ngạc nhiên sao ông Desnos không lợi dụng những chỉ dẫn này đem vào việc mình, còn cuốn sách này thì chỉ lọt vào tay ông Floche ít lâu sau này thôi.

Ông nói tiếp:

- Tôi đã dựng một dự án về Bossuet chứ phải không đâu; và hôm nay tôi cũng khá tự hào chưa cho ai biết, có thể dự án mới giúp cho luận án của anh được hoàn toàn trinh nguyên.

Tôi lại chống chế:

- Thưa giá trị luận án của tôi hoàn toàn là do lòng ân cần của ông. Tối thiểu, xin ông nhận để cho tôi đề tặng, như là chút dấu hiệu lòng biết ơn của tôi?

Ông cười nhẹ thoáng buồn:

- Khi đã quá gần đất xa trời, con người ta sẵn sàng hoan hỷ đối với mọi thứ gì hứa hẹn tồn tại ít nhiều.

Tôi cho là mình thêu dệt thêm vào nữa là điều không hay. Ông tiếp lời:

- Bây giờ nhé, anh sẽ chiếm trọn cái thư viện, và anh chỉ nên nhớ đến sự hiện diện của tôi nếu anh có điều cần biết nào muốn hỏi tôi thôi. Anh đem giấy tờ gì cần thiết đi luôn theo... Chào!

Và khi tôi xuống ba bực cấp quay lại ông mỉm cười, ông đưa tay lên trước mắt vẫy:

- Lát nữa nhé!

***

Tôi mang theo vào gian phòng lớn một số ít giấy tờ sẽ phải là đối tượng cho công việc đầu tiên của tôi. Không cần xê dịch khỏi cái bàn chỗ ngồi, tôi có thể nhận ra ông Floche trong chỗ hóc hẻm của ông: Ông cựa mình một lát; đóng mở mấy ngăn kéo, lôi giấy ra, đút vào lại,

làm mặt bận rộn... Kỳ thật tôi ngờ rằng ông cực kỳ bối rối vì sự có mặt của tôi, nếu không muốn nói là khó chịu, và trong đời sống rất là ngăn nắp kia, một dao động cỏn con nào cũng có cơ phương hại cái quân bình tư tưởng. Sau cùng ông an vị, đút chân hút tới nửa trong cái túi thu chân, không động đậy gì nữa...

Phía tôi, tôi làm ra vẻ để mình cuốn hút vào công việc; nhưng tôi rất lấy làm khó lòng cầm cương ý nghĩ của mình; phương chi tôi chẳng cố công; ý nghĩ tôi quay quanh chốn Quartfourche này, như quanh tòa vọng lâu cổ kính mà phải tìm cho ra lối vào. Phải tinh tế, đó là điều tôi cần tự thuyết dụ. Tôi nhủ thầm, này anh bạn nhà văn, người ta sắp chứng kiến nhà văn nhập cuộc đấy nhé. Mô tả! Miễn đi! Vấn đề không phải vậy, mà phải khám ra cái thực tại dưới lớp mặt ngoài... Trong khoảng thời gian ngắn còn cho phép nán lại Quartfourche, nếu bỏ qua một động tác, một tật quen mà không thể cho ngay lời giải thích tâm lý, lời

giải thích diễn tiến và trọn vẹn, tức là chú mày chẳng thạo nghề.

Lúc bấy giờ tôi lại đưa mắt đến ông Floche; ông hiện ra theo chiều nghiêng; tôi trông thấy cái mũi mềm lớn không nói lên được là cái gì, lông mày rậm, cằm nhẵn nhụi nhích động mãi hoài như đang nhai một miếng gì... và tôi nghĩ rằng không có gì làm cho một khuôn mặt trở nên khó bị thâm nhập cho bằng cái lòng tốt phủ bên ngoài.

Hồi chuông ăn trưa bắt chợt tôi giữa bao nhiêu điều suy nghĩ ấy.

3

Chính ngay trong buổi ăn trưa đó ông Floche, không chuẩn bị ngôn từ, bất đồ đặt tôi đối diện với gia đình Saint-Auréol. Ông cha hồi hôm, đáng lẽ ít ra cũng có thể báo cho tôi biết mới phải. Tôi nhớ lại ngày xưa đã lấy làm kinh dị cũng như thế này, tại Vườn Bách Thảo, lần đầu tiên biết tới con phoenicopterus antiquorum hay hồng hạc mỏ bẹt. Tôi không thể nói ông nam tước hay bà nam tước ai cổ quái hơn ai: Hai người xứng đôi; cũng giống ông bà Floche vậy, giá ở viện bảo tàng người ta đã đem để vào lồng

kính hai người cạnh nhau không do dự; gần bên những "giống mất tích".

Trước mặt họ, thoạt tiên tôi cảm thấy một mối tôn kính không rõ rệt nào đó khiến cho mình, những giây lát đầu tiên, đứng trước những nghệ phẩm hoàn tất hoặc đứng trước những kỳ quan của Thiên nhiên, đâm ra ngẩn ngơ không còn khả năng phân tích. Chậm rãi tôi mới đi tới chỗ phân chất cảm tưởng mình...

Nam tước Narcisse de Saint-Auréol vận quần ngắn, giày có khuyên nên nổi bật hẳn lên, cà vạt vải sa và tấm xây trước. Yết hầu lồi ra, cũng như chiếc cằm, lọt ra ngoài cổ áo và cố ẩn núp dưới một núi vải sa; chiếc hàm hễ nhích động là chiếc cằm cũng hết sức gắng sao để bắt gặp cái mũi, cái mũi nó cũng chiều lòng thuận theo. Một con mắt khép lại bít bưng; khóe môi nhếch lên và bao nhiêu nếp nhăn khuôn mặt cũng hướng lên con mắt kia long lanh sáng thu mình sau gò má và có vẻ bảo:

Coi chừng! Một mình tôi, nhưng đố có cái gì lọt khỏi tôi.

Bà de Saint-Auréol chìm hẳn trong một lớp sóng đăng ten giả. Đôi bàn tay run run, mang đầy nhẫn lớn, lọt sâu vào trong tay áo lay động. Một thứ mũ bằng vải taffetas đen đệm thêm những miếng đăng ten trắng bọc hết cả khuôn mặt; bên dưới cằm, hai đường dải taffetas buộc lại, được đánh trắng vì phấn mà khuôn mặt điểm trang ghê khiếp đã để rơi rớt xuống. Khi tôi vào, bà đứng nghiêng sừng sững trước mặt tôi, hất đầu ngược ra sau, và bằng một giọng mũi khá mạnh không cao không thấp:

- Dì ạ, thiên hạ đã từng xử sự với họ Saint-Auréol khá hơn kia...

Bà ám chỉ ai? Chắc bà dụng ý cho tôi cảm thấy, cho bà em cảm thấy, rằng không phải tôi hiện đang ở tại nhà họ Floche ở đây; vì bà nói tiếp nghiêng đầu sang bên, đon đả, và đưa tay mặt về phía tôi:

- Nam tước với tôi, chúng tôi hân hạnh đón tiếp ông dùng bữa.

Tôi đưa môi chạm chiếc nhẫn, từ cái hôn tay tôi thẳng người dậy đỏ mặt, vì cái thế của tôi ở giữa họ Saint-Auréol và họ Floche tỏ ra làm cho họ lúng túng. Nhưng bà Floche ra vẻ không chú ý gì đến sự xuất hiện của bà chị. Còn ông nam tước hiện hữu của ông như thể là khó hiểu, mặc dù ông khả ái ngọt ngào với tôi. Suốt thời gian tôi ở Quartfourche không làm sao thuyết cho ông gọi tôi bằng cách gì khác chứ đừng gọi bằng ông de Las Cases; điều này khiến ông quả quyết đã lắm lần gặp cha mẹ tôi ở điện Tuileries... nhất là một ông chú của tôi đã có chơi bài piquet với ông:

- A! Con người độc đáo! Mỗi lần hạ bài xuống ăn, ông la thật lớn: Domino!

Lời lẽ nào của ông nam tước cũng đại khái theo tầm mức ấy. Ở bàn ăn, hầu như chỉ có ông là người nói; rồi ngay liền sau bữa ăn, ông khép kín lặng câm như xác ướp.

Lúc chúng tôi rời phòng ăn, bà Floche đến bên tôi, rồi nói nhỏ:

- Xin phép ông Lacase cho tôi nói một câu chuyện nhỏ, được chăng? - Câu chuyện, trông bề ngoài bà không muốn cho ai nghe, vì bà đã bắt đầu kéo tôi về phía vườn cây trái, trong khi nói thật lớn tiếng lên rằng bà muốn chỉ cho tôi coi hàng cây dọc bờ tường.

Khi chắc chắn không ai có thể nghe ngóng được, bà vào chuyện:

- Chuyện thằng cháu tôi... Tôi không muốn, trước mặt ông, ra vẻ chỉ trích cách giáo huấn của cha Santal... Tuy nhiên, ông là người đi sâu vào ngay cội nguồn học thức (lời bà), chắc ông chỉ giáo cho chúng tôi được.

- Xin bà hãy nói; tôi xin tận tâm sốt sắng với bà.

- Là thế này: Tôi sợ rằng đề tài luận đề của cha, với một đứa còn nhỏ quá, có phần đặc biệt.

Tôi bảo, thoáng vẻ lo âu:

- Luận đề gì?

- Luận đề tú tài.

- À! Ra thế, - tôi định bụng từ nay không còn ngạc nhiên gì nữa.

Tôi tiếp lời:

- Đề tài ra sao?

- Này nhé, ông cha ngại rằng những đề tài văn chương hoặc là những đề tài triết lý thuần túy đâm ra chiều đãi cái mơ hồ huyễn hoặc của một bộ óc trẻ đã thiên nặng về cõi mộng... (ít nữa ông cha nghĩ như thế). Thế nên ông đã hối thúc Casimir chọn một đề tài về sử.

- Nhưng, thưa bà, điều ấy có thể đứng vững được lắm chớ. Còn đề tài chọn là đề tài gì?

- Tôi xin lỗi; tôi sợ nhớ cụt mất cái tên: Averrhoès.

- Ông cha chắc hẳn có nhiều lý do chọn lựa đề tài ấy, đề tài thoạt nhìn cũng có vẻ đặc biệt một chút thật đấy.

- Cả hai cùng nhau chọn đấy. Còn những lý do ông cha trưng dẫn ra, tôi sẵn sàng nép mình theo; ông ấy bảo tôi, đề tài đó biểu hiện một lợi ích về giai thoại đặc biệt có khả năng dán chặt sự chú tâm thường khi hơi bềnh bồng của Casimir, với lại (và hình như đây là điều mấy ông giám khảo cho là quan trọng hơn cả) đề tài từ trước đến nay chưa hề được ra.

- Tôi không nhớ đề tài đã được ra thật...

- Và dĩ nhiên muốn kiếm tìm một đề tài chưa hề được ra, buộc phải kiếm tìm phần nào ngoài những lối đi đã cũ mòn.

- Cố nhiên như thế rồi ạ!

- Có điều tôi thú thật với ông, tôi lo ngại... nhưng mà có lẽ tôi lạm dụng chăng?

- Thưa bà, xin bà tin rằng thiện chí của tôi và ước muốn được việc cho bà không bao giờ cạn được.

- Thế thì chuyện nó như thế này: Rồi đây Casimir có năng lực hoàn thành luận đề

khá xuất sắc không, điều này tôi không đặt thành một sự hồ nghi, nhưng tôi sợ rằng, vì thích chuyên biệt... vì cái thích hơi sớm trước tuổi... e cha lơ đễnh phần nào phần giáo huấn tổng quát, thí dụ như môn tính đố, hoặc môn thiên văn...

Tôi thẫn thờ hỏi lại:

- Thế ông Floche nghĩ sao về những cái ấy, thưa bà?

- Ồ! Ông Floche đồng ý với mọi điều cha làm, mọi điều cha nói.

- Còn bố mẹ?

Do dự một chút rồi bà bảo:

- Bố mẹ cháu ủy thác con cho chúng tôi.

Kế đó, dừng bước lại:

- Vì tính mềm mỏng của ông có tác dụng, tôi mong ông, ông Lacase ạ, gợi chuyện để Casimir cho biết; tuy vẫn không có vẻ gì là cật vấn nó trực tiếp... và nhất là không ngay trước

mặt ông cha để ông ta có thể nghi ngại. Tôi chắc chắn có thể may ra ông...

- Tôi rất sẵn sàng, thưa bà. Chắc có lẽ với tôi, tìm cớ để cùng em đi ra ngoài, đối với tôi sẽ không khó gì. Em sẽ đưa tôi đi viếng một nơi nào đó của hoa viên...

- Nó lúc đầu tỏ ra rụt rè chút đỉnh đối với những người chưa quen biết, nhưng bản chất nó cả tin.

- Em và tôi sẽ chóng trở nên thân thiện, tôi tin như thế.

Ít lát sau, bữa ăn dặm lại họp mặt chúng tôi lần nữa:

- Casimir à, cháu nên chỉ cho ông Lacase coi cái hầm đá; bà chắc chắn ông sẽ thích thú.

Rồi tiến đến bên tôi:

- Ông đi nhanh trước khi ông cha xuống, kẻo cha lại muốn theo ông.

Tôi bước ngay ra hoa viên; thằng bé cà nhắc hướng dẫn tôi. Tôi mở đầu:

- Giờ này là giờ giải trí?

Nó không đáp. Tôi lại nói:

- Em không khi nào học tập sau bữa ăn dặm?

- Dạ có chứ; nhưng hôm nay cháu hết bài để chép.

- Em chép gì thế?

- Dạ luận đề.

- Thế à!...

Sau vài mò mẫm tôi hiểu ra rằng luận đề kia là công trình của ông cha, ông cha sai thằng bé sửa sạch và chép lại, thằng bé có chữ viết ngay ngắn. Nó chuyển thành bốn bản trong bốn cuốn tập bìa cứng mà mỗi ngày nó mỗi bôi đầy vài trang. Vả chăng Casimir quả quyết nó rất thích thú "sao chép".

- Nhưng sao lại bốn lần?

- Vì cháu nhớ khó khăn.

- Em có hiểu những điều em viết không?

- Dạ có hiểu. Những khi khác cha giải thích cho cháu; hoặc là cha bảo lớn lên nữa cháu sẽ hiểu.

Ông cha đã biến gọn học trò mình thành một thư ký sao chép. Ông hiểu nhiệm vụ mình theo cách đó sao? Tôi cảm thấy lòng phừng lên và tự đề nghị sẽ không ngớt cùng ông chuyện trò gay cấn. Sự bất bằng tự nhiên thôi thúc bước chân đi; Casimir nhọc mệt bước theo tôi; tôi nhận ra nó vã mồ hôi. Tôi đưa tay, nó giữ lấy bàn tay tôi trong tay nó, khập khiễng cạnh bên tôi trong khi tôi chậm bước.

- Học tập của em chỉ có thế, cái luận đề ấy?

Nó nói ngay:

- Thưa không, đâu phải.

Nhưng càng đẩy đưa câu hỏi xa hơn, tôi hiểu rằng phần khác rút lại chẳng được bao nhiêu; và chắc hẳn cảm nhận sự kinh dị của tôi, nó nói tiếp:

- Cháu đọc sách nhiều.

Như thể thằng nghèo bảo: Tôi có quần áo khác nữa!

- Thế em thích đọc gì?

- Chuyện du lịch đi xa.

Kế đó nó quay nhìn tôi, cái nhìn trong đó nghi vấn nhường chỗ cho lòng tin tưởng:

- Cha đã có ở bên Tàu; ông biết không?...

Và sắc điệu giọng nói của nó, đối với thầy, biểu lộ sự kính phục tôn cẩn không cùng.

Chúng tôi đi tới chỗ hoa viên mà bà Floche gọi là "hầm đá"; hầm bỏ phế đã từ lâu, ở lưng chừng dốc làm thành một thứ bộng lấp đằng sau đám bụi rậm. Chúng tôi ngồi xuống một phiến đá mà mặt trời xuống đã thấp làm cho hâm hấp nóng. Hoa viên dứt ở đây chẳng có bờ rào; chúng tôi đã để lại phía bên trái một con đường chạy xuống chênh chênh có bờ ngăn nhỏ cắt ngang; dốc đổ xuống khá dựng đứng khắp nơi dùng làm bờ chống đỡ thiên nhiên.

Tôi hỏi:

- Casimir, em đã đi xa chưa?

Nó không trả lời, cúi mặt... Dưới chân chúng tôi, lũng nhỏ thu đầy bóng tối; mặt trời đã giáp ngọn đồi khép phong cảnh lại trước mặt chúng tôi. Một khóm cây lật và sồi kết quanh một gò đá vôi chằng chịt những lỗ như một nơi đầy hang thú; cảnh trí ít lãng mạn tương phản với vẻ mềm mại nhất loạt của vùng đất.

Casimir bỗng the thé:

- Ông nhìn mấy con thỏ kia!

Rồi lát sau, đưa tay chỉ đám cây, nó nói tiếp:

- Có hôm cháu với ông cha trèo lên đó.

Đi về, chúng tôi ngang qua bờ ao đầy cây ty tảo. Tôi hứa với Casimir chuẩn bị cho nó một cần câu và bày vẽ cho nó cách câu ếch.

Đêm đầu tiên ấy, kéo dài hơi quá chín giờ, chẳng khác mảy may những đêm về sau, và, tôi nghĩ, cũng không khác bao đêm trước đó, bởi vì các chủ nhân có cái hay là không chan

hòa tình cảm với tôi. Ngay sau bữa ăn, chúng tôi vào phòng khách, nơi này trước đó, trong bữa ăn, Gratien đã nhúm lửa. Một cây đèn lớn, đặt ở mút bàn chạm trổ, rọi sáng luôn cỗ bài jacquet ông nam tước đang đấu với ông cha ở cuối bàn kia cùng với cái bàn tròn nơi mấy bà chơi một ván bài bésigue kiểu Đông phương rộn ràng.

Trước tiên bà de Saint-Auréol bảo:

- Ông Lacase quen với các thú vui Ba Lê chắc sẽ cho trò du hí của chúng tôi hơi nhạt...

Trong khi đó, ông Floche, ở góc bếp lửa, thiu thiu trong chiếc ghế bành rộng; Casimir, khuỷu tay trên bàn, đầu ôm trong tay, môi trễ nhỏ rãi, tiến sâu vào "Vòng quanh Trái đất".

Cho có vẻ và để thủ lễ tôi làm mặt quan thiết tới cuộc bài bésigue của các bà; người ta có thể chơi bài này, giống như chơi bài whist, thiếu mất một tay, nhưng hay hơn cả là chơi tay tư, để được thế bà de Saint-Auréol niềm nở nhận tôi cùng một phe ngay khi tôi tự đề

cử. Mấy buổi tối đầu tiên, bao nhiêu cái vụng về của tôi gây lụy cho phe chúng tôi và đem lại khoái chí cho bà Floche, bà này sau mỗi lần được, tự tiện đưa bàn tay gầy guộc mang găng vỗ nhè nhẹ lên cánh tay tôi. Có những cái gan dạ, những cái đòn ngón, những cái tinh vi. Bà Olympe chơi kỹ, hợp phe. Đầu hội, ghi điểm, ướm thử một lời tố tùy theo bài mình có; cái này dọn chỗ phần nào cho phỉnh gạt; bà de Saint-Auréol mạo hiểm táo tợn, mắt long lanh, lưỡng quyền ửng đỏ và cằm nhích động; khi nào bà thật sự có bài tốt, bà đá chân mạnh vào tôi dưới gầm bàn; bà Olympe lập công đương đầu với bà, nhưng bị chưng hửng theo giọng nói sắc sảo của bà già, bà này không kêu con số mới mà bỗng nhiên kêu lên:

- Verdure, chị dối nhá!

Xong phần đầu, bà Floche rút đồng hồ ra, và như thể đã đến đúng giờ:

- Casimir! Nào, Casimir; đến giờ.

Thằng bé như từ cơn mê thoát ra mệt nhọc, đứng lên, đưa bàn tay mềm nhũn ra cho các ông, đưa trán ra cho các bà, kế đó bước ra kéo xệch một chân.

Trong khi bà de Saint-Auréol mời chúng tôi phục thù, thì hội đầu bài jacquet kết thúc; lúc đó có khi ông Floche thay thế ông anh rể; ông Floche và ông cha, không ông nào kêu bài, phía các ông chỉ nghe có tiếng con xúc xắc lăn trong ống và trên bàn; ông de Saint-Auréol trong chiếc ghế bành rộng đang nói một mình hay hát lẩm nhẩm, và đôi khi, thình lình, thọc mạnh chiếc kẹp gắp xuống xuyên qua ngọn lửa, một cách trịch thượng đến nỗi tung tóe than hồng ra xa; bà Olympe vội chạy lại thu dọn trên tấm thảm cái mà bà de Saint-Auréol gọi một cách thanh đẹp là điệu múa đóm lửa... Rất thường khi ông Floche để cho ông nam tước vướng vào ông cha còn mình thì không rời chiếc ghế bành; từ chỗ tôi, tôi có thể thấy ông không phải ngủ như ông bảo, mà gục đầu trong bóng tối, và đêm đầu tiên nhân ánh lửa

vọt lên bỗng rọi sáng mặt ông, tôi có thể nhận ra ông đang khóc.

Đến chín giờ một khắc, bài bésigue xong, bà Floche tắt đèn, trong khi bà Verdure thắp lên hai ngọn đèn đem đặt ở hai bên cỗ bài jacquet.

- Cha đừng bắt ông thức khuya quá, - bà de Saint-Auréol căn dặn, đập quạt một cái lên vai chồng.

Tôi thiết tưởng là điều lịch nhã, ngay từ đêm đầu tiên, phải vâng theo hiệu lệnh của các bà, để mặc cho mấy ông chơi jacquet mê mẩn và để cho ông Floche trầm tư, ông là người lên ngủ sau hết. Trong phòng trước, mỗi người cầm lấy một chân đèn, các bà cáo biệt tôi kèm theo những cử chỉ trịnh trọng giống như hồi sáng. Tôi vào buồng tôi; chẳng mấy chốc tôi nghe tiếng các ông bước lên. Chẳng mấy chốc tất cả im hơi. Nhưng ánh sáng còn xuyên qua bên dưới đôi cánh cửa một lúc lâu. Nhưng hơn một giờ sau đó, nếu cần việc gì đi ra ngoài hành lang thì có

cơ gặp bà Floche hay bà Verdure ở đó mặc áo ngủ, lo một vài việc sắp xếp cuối cùng. Sau đó nữa, khi ngỡ là tất cả đều tắt ngấm, thì ở ô kính một phòng kín nhỏ không mở ra hành lang nhưng đón ánh sáng từ hành lang, ta có thể trông thấy, nhờ cái bóng lù mù, bà de Saint-Auréol hãy còn loay hoay.

4

Ngày thứ hai của tôi ở Quartfourche giống như ngày đầu một cách thật rõ rệt; giống nhau từng giờ một; nhưng tính hiếu kỳ có được chăng lúc ban đầu đối với công việc của những người trong nhà cũng hoàn toàn xẹp xuống. Mưa rây nhỏ giăng đầy trời từ sáng. Không bách bộ được, chuyện của các bà càng vô vị thêm, thế là tôi dốc hầu hết giờ trong ngày vào công việc. Trao đổi được đâu dăm câu với ông cha là nhiều. Vào lúc sau bữa ăn trưa, ông mời mọc tôi đến hút điếu thuốc cách phòng khách vài bước trong

một thứ như là nhà để xe có cửa kính mà mọi người gọi một cách hơi bay bướm là vườn cam, vì mùa mưa nên có đưa vào đây một ít ghế nhỏ, ghế dài ở vườn.

- Kìa, cậu, - ông cha nói, khi tôi đề cập hơi thiếu bình tĩnh tới vấn đề giáo dục thằng bé, - nếu được đem hết thảy ánh sáng yếu ớt của tôi thắp sáng lên cho Casimir; tôi còn đòi hỏi gì hơn thế nữa; tôi đã phải chịu thua không khỏi tiếc nuối. Lẽ nào, xiêu vẹo như nó, cậu lại chấp nhận tôi cứ nằng nặc đòi nó múa may trên dây đu hay sao? Tôi đã phải mau mau rút ngắn tầm nhắm của tôi. Nếu nó cùng tôi lý tới Averrhoès, là tại vì tôi bận lo một thiên biên khảo về triết học của Aristotle và để khỏi phải cùng với nó ê a một vài cái gì đó không hiểu, tôi lấy làm thích thú, một sự thích thú tâm cảm, lôi kéo nó vào công việc của mình. Đề tài đó hay đề tài nào khác cũng thế thôi; điều quan trọng là bắt Casimir bận bịu ba bốn giờ một ngày; làm sao có thể đừng bẵng nhẵng một chút nào đó nếu nó phải bắt tôi cũng mất

một khoảng thời gian giống như nó? Và chẳng lợi ích gì cho nó, tôi nhận với cậu như thế... Thôi đủ về chuyện đó, nhé.

Nói xong, vứt điếu thuốc để mặc cho tắt ngấm, ông đứng lên trở vào phòng khách.

Thời tiết xấu cản trở tôi đi ra ngoài với Casimir; chúng tôi buộc lòng dời cuộc đi câu đã dự tính đến hôm sau; nhưng đứng trước đứa bé thất vọng, tôi tìm cách tạo cho nó một thú vui nào khác; đặt tay lên bàn cờ, tôi dạy nó chơi trò gà chồn, trò này khiến nó mê say cho tới buổi ăn tối.

Buổi tối khởi đi giống hệt buổi trước; nhưng tôi đã hết nhìn hết nghe ai; một nỗi chán không tên, bắt đầu đè nặng lên tôi.

Ngay liền sau khi ăn, một thứ gì như loạt đạn nổi dậy; bà Verdure hai lần bỏ dở cuộc bài bésigue để đi xem xét trong các phòng trên "thử mưa có tới không". Chúng tôi đành phục thù thiếu mất bà; ván bài thiếu hào hứng. Bên góc bếp lửa, trong chiếc ghế bành thấp gọi một

cách bình dân là "ghế xe", ông Floche, dặt dìu theo tiếng mưa rào, đã thiếp ngủ ngon lành; trong chiếc ghế bành rộng, ông nam tước ngồi đối diện than thở vì phong thấp và làu bàu.

- Chơi jacquet sẽ làm ông khuây khỏa cho xem, - ông cha phí công nói đi nói lại, cuối cùng không có địch thủ bèn rút lui, đem Casimir đi ngủ luôn.

Đến tối hôm đó, một lần nữa một mình trong buồng, một nỗi khắc khoải không sao dẹp tan thắt bóp cả lòng cả xác thân tôi, nỗi chán chường thành ra gần như nỗi kinh hãi. Một bức tường mưa ngăn cách tôi với ngoại vật, xa mọi đam mê, xa cuộc sinh hoạt, giam tôi vào một cơn ác mộng xám xịt, giữa bao kẻ dị thù chẳng có vẻ gì là người cho lắm, những kẻ máu lạnh, màu sắc bạc phai mà trái tim thì đã hết đập từ lâu. Tôi mở va li và cầm cuốn cẩm nang lên: Tàu lửa! Bất cứ giờ giấc nào, ngày hay đêm... nó mang tôi đi thôi! Tôi ngạt thở ở nơi này...

Sự nôn nóng cản trở giấc ngủ hồi lâu.

Khi tôi thức dậy hôm sau, quyết định của tôi có lẽ vẫn không kém chắc chắn, nhưng hình như tôi hết có thể thất thố với người nhà, hết có thể bỏ đi mà không bịa ra thác từ nào chấm dứt chuỗi ngày này. Tôi đã chẳng nói sẽ chậm chân ít nhất là một tuần lễ ở Quartfourche đó sao! Thôi! Thì có hung tin thình lình triệu hồi tôi lên Ba Lê vậy... May tôi có cho địa chỉ; thế nào họ cũng gửi ngược về Quartfourche đầy đủ thư tín của tôi; tôi nghĩ nếu hôm nay không đến tay tôi một phong thư bất kỳ nào có thể cho mình khôn khéo sử dụng thì cũng lạ lắm đó... và tôi lại mong đặt hy vọng vào sự xuất hiện của người đưa thư. Người đưa thư dẫn xác tới sau mười hai giờ trưa một chút, vào giờ tàn bữa ăn; chúng tôi đâu đã rời bàn đứng dậy nếu Delphine không đem tới cho bà Floche xấp thư từ báo chương nghèo nàn mà bà phân phát ra cho thực khách. Hại thay hôm đó nhằm lúc ông cha Santal được khoa trưởng của Pont-l'Évêque mời đi dùng cơm; lối mười

một giờ ông đã kiếu từ ông Floche với tôi, ngay lúc đó tôi không dè rằng như thế ông cha đã thổi giành mất cả xa lẫn mã của tôi rồi còn gì.

Như thế nghĩa là tại bữa ăn trưa, tôi đóng kịch vở hài kịch nhỏ mà tôi đã dự liệu. Bóc ra một phong thư trong những cái bà Floche giao cho tôi, tôi thốt lên nho nhỏ:

- Thôi rồi! Chán thế!...

Và vì giữ ý, mấy người không có ai ghi nhận lời thở than của tôi, tôi làm già thêm:

- Thật là nghịch đời!

Tôi làm ra vẻ ngạc nhiên và khổ tâm, trong khi lại lướt mắt đọc một mảnh giấy vô thưởng vô phạt. Cuối cùng bà Floche ướm lời hỏi han tôi, giọng e dè.

- Có tin gì trái ý thế ông?

Tôi vội vàng đáp:

- Thưa không có gì trầm trọng cho lắm. Nhưng hoài của! Tôi thấy buộc lòng phải trở lên Ba Lê không chậm trễ, do đó mà tôi phật lòng.

Từ đầu bàn tới cuối bàn, nỗi kinh dị chẳng chừa một ai, vượt quá sự mong mỏi của tôi đến độ cảm thấy mình đỏ mặt bối rối. Nỗi kinh dị ấy được biểu lộ trước tiên bằng một sự im lặng ê ẩm, kế đó ông Floche, cuối cùng bằng một giọng nói hơi rung động:

- Có thể nào như thế thật sao, ông bạn trẻ? Còn công việc của anh! Của chúng mình...

Ông không sao nói hết lời. Tôi không tìm được gì đáp lại, không tìm được gì để nói, và cảm thấy, phải, mình cũng xúc động phần nào. Mắt tôi dừng lại trên đỉnh đầu Casimir, nó thì đang cắm mũi vào đĩa, cắt quả táo ra nhiều mảnh nát. Bà Verdure đâm ra đỏ mặt phẫn khích.

Bà Floche vu vơ yếu ớt:

- Tôi thiết tưởng nếu ép cầm giữ ông lại thì đó là một việc làm khiếm nhã.

Bà de Saint-Auréol bẵng nhẵng bảo:

- Cầm giữ vì những trò tiêu khiển của chốn Quartfourche này có thể mua vui đấy ư!

Tôi tìm cách chống chế:

- Thưa bà, xin bà tin cho rằng chẳng có gì...

Nhưng chẳng buồn nghe tôi, bà nam tước đã nói oang oang vào tai chồng ngồi bên cạnh:

- Ông Lacase chưa chi đã muốn bỏ đi đấy!

- Hay! Hay! Xúc động lắm.

Ông lãng tai vừa nói vừa mỉm cười hướng về tôi. Trong khi đó bà Floche hướng về phía bà Verdure:

- Nhưng tính ra làm sao đây...? Con ngựa vừa mới đi với ông cha.

Đến đây tôi nhượng một bước:

- Quý hồ sáng mai tôi có mặt ở Ba Lê vào giờ sớm nhất là được... Nếu cần, chuyến xe lửa đêm nay đã đủ.

- Bảo Gratien lập tức đi xem thử con ngựa của Bouligny dùng được không. Nói rằng phải đưa người đi cho kịp chuyến xe lửa... - và bà quay sang tôi: - Chuyến bảy giờ đã đủ, đúng thế chứ, ông?

- Thưa bà, tôi xin lỗi vì làm bà bận bịu...

Bữa ăn kết thúc trong im lặng. Ngay liền sau đó ông Floche nhỏ người kéo tôi đi, và đến khi chúng tôi chỉ riêng hai người trong hành lang dẫn tới thư viện, thì:

- Nhưng này, anh... bạn... tôi chưa tin nổi... nhưng anh cần phải tìm quen vô số những... Có thể như thế thật chăng? Nghịch đời thật! Nghịch đời chán thật! Thế mà chính tôi đã chờ cho xong xuôi công việc vào đầu của anh để đặt vào tay anh những giấy tờ khác tôi đã lấy ra tối hôm qua; tôi tin tưởng ở giấy tờ này, thú thật như thế, để lưu ý anh một cách mới mẻ và để cầm giữ anh lâu hơn. Thế này tôi phải đưa ra cho anh ngay mới được. Anh lại đây với tôi; anh còn chút thì giờ tới chiều; bởi tại tôi không dám ngỏ lời với anh để anh trở lại chốn này, chứ gì nữa?

Đứng trước sự thất vọng tủi thân của ông, tôi lấy làm xấu hổ cho cách xử sự của mình. Tôi đã làm việc không ngừng nghỉ suốt cả

ngày hôm qua và buổi sáng hôm nay, để đến độ nói cho ngay chẳng còn có gì nhiều cho tôi sàng sảy với mớ giấy lúc đầu ông Floche giao cho tôi; nhưng khi chúng tôi đi vào chốn ẩn cư của ông, là liền đấy, ông rút ra từ đáy ngăn kéo, bằng một động tác bí hiểm, một cái gói bọc vải và buộc dây; một tấm giấy nhãn luồn dưới sợi dây, mang danh mục những giấy tờ, xuất xứ của chúng, như là bảng kê khai.

Ông bảo:

- Anh lấy hết cả gói; không lấy gì làm xuất sắc lắm tất cả những cái ở bên trong nhưng lọc lựa cái gì đáng chú ý thì anh sẽ làm nhanh hơn tôi.

Trong khi ông mở ra rồi đóng lại những ngăn kéo khác và loay hoay bận rộn, tôi bước xuống, vào thư viện cắp theo mớ giấy và trải ra trên chiếc bàn lớn.

Một số giấy tờ thực sự có liên hệ tới công việc của tôi, nhưng số giấy tờ này ít ỏi và có tầm quan trọng kém cỏi; số lớn, do chính tay

ông Floche, nhằm tới tiểu sử của Massillon, và do đó chẳng chạm tới tôi bao nhiêu.

Có thật thế chăng, ông Floche khốn khổ trông cậy vào bấy nhiêu để cầm giữ tôi? Tôi nhìn ông; lúc này ông rút vào cái túi nhồi bông và, với chiếc kim, chăm chăm mở nút một cách tỉ mỉ từng cái lỗ một của món đồ đang chảy ra thứ nhựa sandaraque làm cho bóng giấy. Xong xuôi đâu đó, ông ngẩng đầu lên và bắt gặp tia mắt tôi. Một nụ cười thật thân mật làm ngời sáng con người ông khiến tôi xê lại nói chuyện với ông, và tựa vào thanh sắt làm đà ngang ở lối vào gian phòng nhỏ của ông, tôi nói:

- Ông ạ, sao ông chẳng bao giờ lên Ba Lê? Họ sẽ sung sướng gặp được ông lắm.

- Tuổi tôi xê dịch khó khăn mà lại tốn kém.

- Thế ông không nuối tiếc thị thành lắm hay sao?

Ông nhấc hai bàn tay, bảo:

- Ôi! Trước, tôi những tính nuối tiếc thị thành hơn thế này. Buổi đầu, vẻ tiêu sơ của điền dã hơi có vẻ nghiêm hàn đối với ai ham chuyện trò, rồi thì cũng quen.

- Thế thì ông lập cư ở Quartfourche chẳng phải là vì thích thú riêng?

Ông rút người ra khỏi cái túi nhồi bông, đứng lên, thân tình đặt bàn tay lên áo tôi:

- Tôi có vài người đồng nghiệp ở Viện mà tôi quyến luyến, trong đó có ông Albert Desnos, giáo sư yêu kính của anh; và tôi rất mực tin rằng tôi có cơ hội được chen chân cạnh họ nay mai...

Ông có vẻ muốn nói nhiều hơn; song tôi không dám đặt câu hỏi trực tiếp quá lắm.

- Thế thì chính phu nhân bị chốn điền dã lôi cuốn đến độ này?

- Kh...ông! Tuy nhiên chính vì nhà tôi mà tôi về đây; còn bà bị gọi về đây là vì một biến cố gia đình nho nhỏ.

Ông bước xuống vào văn phòng lớn và chợt nhận ra chồng giấy tôi đã buộc dây lại rồi. Ông nói buồn bã:

- Kìa! Anh đã coi hết cả rồi à. Chắc anh tìm thấy chẳng bao nhiêu thứ dùng được. Biết làm thế nào? Bao nhiêu mẩu vụn nào nhỏ nhất tôi cũng thu lượm, đôi khi tôi tự nhủ mình mất thì giờ đi sưu tầm những cái vặt vãnh; nhưng mà có lẽ cũng cần những người như tôi hầu tránh việc nhỏ nhặt cho những người khác, như anh đây, họ có thể tiện dụng đích đáng. Rồi bao giờ đọc luận án của anh tôi sẽ lấy làm sung sướng tự nhủ rằng công lao tôi đã giúp anh trong muôn một.

Chuông báo hiệu, bữa ăn dặm lên tiếng gọi chúng tôi.

Làm sao tìm cách biết được "biến cố gia đình nho nhỏ" nào đã đủ sức quyết định buộc cặp vợ chồng già? Tôi thầm nghĩ. Ông cha biết câu chuyện chăng? Đáng lẽ thay vì húc đầu vào ông, tôi phải làm cho ông thuần tính. Cần

gì! Bây giờ quá chậm. Dù sao mặc lòng, ông Floche vẫn là một con người phong vận và tôi sẽ giữ kỷ niệm tốt về ông...

Chúng tôi vào đến phòng ăn.

Bà Floche bảo:

- Cháu Casimir nó chẳng dám hỏi ông xem ông có thể dạo vườn một vòng nho nhỏ với nó không; tôi biết nó thích lắm; nhưng có lẽ ông không đủ thì giờ?

Thằng bé đang chúi mặt vào chén sữa nghẹn lời.

- Tôi tính đề nghị với em đưa tôi đi đấy chứ, tôi đã cắt đặt công việc đâu vào đó rồi và sẽ rảnh rang cho đến lúc khởi hành.

Đúng lúc trời ngớt mưa...

Và tôi kéo thằng bé ra hoa viên.

Đến khúc quanh đầu tiên của lối đi, thằng bé cầm bàn tay tôi trong đôi tay nó, ép chặt bàn tay tôi hồi lâu vào khuôn mặt nóng bừng.

- Ông đã bảo sẽ ở lại tám hôm cơ mà...

- Khổ em! Tôi không thể nán lại lâu hơn.

- Ông buồn nản.

- Không! Nhưng tôi phải đi.

- Ông đi đâu?

- Lên Ba Lê. Tôi sẽ trở lại.

Tôi vừa thốt lời đó, nó đã nhìn tôi hồi hộp.

- Thật chứ? Ông hứa?

Câu hỏi của đứa bé này quá tin tưởng làm tôi không đang tâm dối lời:

- Em muốn tôi viết câu đó lên mẩu giấy rồi em giữ?

- Phải đấy! - Nó vừa nói vừa hôn thật mạnh vào tay tôi và biểu lộ vui mừng bằng những cái nhảy nhảy cuồng nhiệt.

- Em biết bây giờ có cái gì dễ yêu không? Thay vì đi câu, ta nên hái hoa tặng bà dì; cả hai chúng ta sẽ mang một bó hoa lớn vào buồng bà dì để gây cho bà ngạc nhiên thú vị.

Tôi đã tự hứa sẽ không rời Quartfourche mà chưa viếng căn buồng của một trong các bà; vì chưng các bà tới lui hoài hủy từ đầu nhà đến cuối nhà, tôi rất ngại lỡ bị phiền hà giữa cuộc dò xét tọc mạch của mình; tôi ỷ vào đứa bé để mình được phép xuất đầu lộ diện; dù có vẻ không mấy tự nhiên việc tôi theo nó xâm nhập buồng bà ngoại nó hay bà dì nó nhưng nhờ viện cớ bó hoa, may tôi sẽ tìn được một cách thủ ý dễ dàng, trường hợp bị bắt gặp.

Nhưng hái hoa ở Quartfourche không dễ như tôi tưởng. Trong toàn khắp hoa viên, Gratien thi hành một lối canh gác ráo riết; không những y chỉ định những hoa nào hái thí đi được, y lại còn đành hanh nhìn ngó cách hái hoa làm sao nữa. Phải kéo cắt hoặc là dao mác và, thêm vào đó, bao nhiêu là thận trọng! Đó là những điều Casimir giải nghĩa cho tôi nghe. Gratien đưa chúng tôi đến mút bồn hoa dahlia tuyệt đẹp, tại đây có thể chiết nhiều bó miễn y đừng xuất hiện mà thôi.

- Phía trên mắt hoa chứ, cậu Casimir; phải nhắc nhở cậu bao nhiêu lần? Cứ khi nào cũng cắt phía trên mắt hoa.

Tôi không dằn lòng nói lớn:

- Nay cuối mùa, hề gì nữa.

Y làu bàu đáp lại là "lúc nào cũng hề chứ" và "đâu có mùa làm bướng". Tôi ghê sợ bọn người càu nhàu lý sự...

Thằng bé đi trước tôi, ôm bó hoa. Đi ngang qua phòng trước, tôi với lấy chiếc bình...

Trong căn buồng, một sự thanh vắng tôn nghiêm ngự trị; mấy lá cửa sổ bịt bùng; cạnh chiếc giường lọt sâu vào một chỗ tường, một cái kệ đọc kinh bằng gỗ đào và nhung lửa lựu bên dưới một chiếc thập giá, bị che mất nửa, là một nhánh hoàng dương mảnh khảnh đeo vào một dải hồng và mắc vào bên dưới cánh chữ thập. Vẻ tĩnh mạc của giờ khắc mời gọi lời cầu nguyện; tôi quên mất mình vào làm gì và quên mất sự tọc mạch hư huyễn đã lôi kéo tôi hồi

đầu vào chốn này; tôi để mặc Casimir trần thiết tùy thích các bông hoa trên tủ, và tôi không còn nhìn ngắm gì nữa hết trong căn buồng: Chính tại nơi này, trong chiếc giường rộng này, tôi nghĩ thầm, bà cụ Floche hiền hòa chẳng bao lâu nữa sẽ kết liễu hơi tàn của mình, xa lánh những luồng sinh lực... Ơi những con thuyền mong mỏi phong ba! Bến này quá lặng lẽ!

Casimir lúc này đã mất kiên nhẫn với hoa; những đọt dahlia nặng trĩu đã thắng nó; cả bó hoa đổ xuống đất. Cuối cùng nó mới bảo:

- Ông giúp cháu với.

Nhưng đang khi tôi ra sức thay thế nó, nó chạy tới mút buồng phía kia đến một cái bàn có ngăn kéo và mở ra.

- Cháu sẽ làm cái mẩu giấy có lời ông hứa trở lại.

Tôi đáp, làm bộ phụ họa theo:

- Đúng rồi. Cháu nhanh lên. Bà dì thấy cháu lục lạo trong tủ bà sẽ giận lắm.

- Ý! Bà dì bận làm bếp; với lại bà chẳng bao giờ la rầy cháu đâu.

Bằng chữ viết công kỷ hơn cả, nó lấp đầy hết một tấm giấy viết thư.

- Bây giờ ông đến ký tên.

Tôi lại gần, cười nói:

- Nhưng này Casimir, cháu đâu cần phải ký tên cháu!

Thằng bé, ý hẳn để cho lời giao kết được nặng cân hơn, và có vẻ buộc luôn lời nó vào trong, đã cho là nên viết cả tên nó ở phía dưới tờ giấy, trên đó tôi đọc thấy:

Ông Lacase hứa năm sau sẽ trở lại Quartfourche.

Casimir de Saint-Auréol.

Trong một lát, nó rất đỗi ngỡ ngàng vì lời nhận xét và tiếng cười của tôi: Nó, nó đã đặt để vào tất cả tâm can! Thế mà tôi không coi trọng nó sao? Nó khóc đến nơi.

- Để tôi ngồi chỗ em ký tên.

Nó đứng lên, rồi khi tôi ký xong tấm giấy, nó nhảy lên vui sướng và hôn tràn cả bàn tay tôi. Tôi định bỏ đi; nó níu tay áo tôi lại và, chồm lên bàn, mân mê một cái lò xo và cho tuột ra một cái ngăn kéo mà nó biết cái bộ phận ngầm, nó nói:

- Cháu sẽ đưa ông xem cái này.

Rồi lục lạo giữa những dải giấy tờ biên nhận, nó chìa ra một tấm hình nhỏ dễ hỏng có lồng khung:

- Ông nhìn này.

Tôi tiến lại cửa sổ.

Câu chuyện tích người anh hùng luống tương tư chỉ vì chân dung nàng công chúa là câu chuyện nào thế?

Chân dung này đây còn gì nữa. Tôi chẳng hiểu gì về hội họa và ít quan tâm đến nghề nghiệp ấy; có lẽ một kẻ sành điệu sẽ cho tấm hình nhỏ kia là kiểu cách: Bên dưới cái nhan

sắc quá dễ dãi, cái cá tính hầu như bị xóa nhòa đi; nhưng riêng nhan sắc đó là thứ nhan sắc không sao quên nổi.

Tôi đã bảo tôi chẳng kể vào đâu những ưu khuyết điểm của bức họa: Người thiếu phụ trước mắt tôi mà tôi chỉ thấy nghiêng, thái dương lấp mất nửa vì một món tóc đen trĩu xuống, con mắt bơ thờ và mơ màng buồn bã, môi hé mở như thở than, chiếc cổ mảnh mai như ngó hoa, người thiếu phụ đó mang cái dung nhan thoát phàm nhất và làm xao xuyến nhất. Mải ngắm nàng, tôi đánh mất ý thức về không gian, về thời khắc; Casimir thoạt tiên bỏ ra xa, trần thiết hoa xong xuôi, trở lại bên tôi, nghiêng mình vào:

- Má đấy... Má đẹp lắm, nhỉ!

Trước mặt đứa bé tôi không tiện cho rằng má nó thật đẹp.

- Má đâu rồi?

- Cháu không biết.

- Sao má không ở đây?

- Ở đây má chán.

- Còn bố em?

Hơi luống cuống, cúi đầu xuống và như thể tủi hổ, nó đáp:

- Bố cháu mất rồi.

Những câu hỏi của tôi làm cực lòng nó; nhưng tôi đã quyết đẩy đi xa hơn.

- Má em phải đến thăm em đôi khi chứ?

- Có chứ ạ! Nhiều khi lắm! - Nó nói quả quyết, đồng thời bỗng nhiên ngước đầu lên. Nó nói thêm, xuống giọng:

- Má đến chuyện trò với bà dì.

- Còn em, má cũng chuyện trò với em nữa chứ?

- Dạ, má lại ban đêm...

Kế đó, buông theo lòng tin cậy (nó đã nắm sẵn bàn tay tôi, vì tôi đã đặt bức chân dung xuống), một cách trìu mến và làm ra vẻ bí mật:

- Lần sau cùng má có đến hôn cháu trong giường.

- Nghĩa là thường bữa má không hôn em?

- Dạ có chứ! Nhiều lắm.

- Thế sao em bảo "lần sau cùng"?

- Tại vì lần đó má khóc.

- Lúc đó có cả bà dì em?

- Dạ không; má vào một mình trong tối, má tưởng cháu ngủ rồi.

- Má có thức em dậy?

- Ồ! Cháu đâu có ngủ. Cháu có ý đợi má.

- Nghĩa là em biết má đã đến đâu đó?

Nó lại cúi mặt xuống, không đáp.

Tôi cố hỏi thêm:

- Làm sao em biết má đã đến đâu đó?

Không có tiếng trả lời. Tôi lại nói:

- Trong tối, làm sao em biết má khóc được?

- Cháu cảm thấy thế.

- Em không đòi má ở lại?

- Dạ có chứ! Má cúi xuống giường; cháu cầm lấy tóc má...

- Thế má nói gì?

- Má cười; má bảo cháu làm xổ tóc má; nhưng má bảo má phải đi thôi.

- Thế nghĩa là má không yêu em?

- Dạ có chứ! Má yêu cháu nhiều lắm, - nó lên giọng, thình lình xê ra và khuôn mặt càng thêm đỏ gay, giọng nói bồng bột đến độ tôi lấy làm ngượng cho câu hỏi của tôi.

Giọng bà Floche lanh lảnh dưới cầu thang:

- Casimir! Casimir! Đi thưa với ông Lacase sửa soạn là vừa. Nửa giờ nữa có xe.

Tôi lao vút ra, dốc xuống cầu thang, bắt kịp bà cụ ở trong phòng trước.

- Thưa bà! Có ai mang thư đi được? Tôi tìm ra một kế tôi tin là sẽ cho phép tôi ở thêm vài ngày nữa với ông bà.

Bà ôm chầm lấy hai bàn tay tôi vào hai bàn tay bà:

- Kìa! Tôi không ngờ nổi! Quý hóa chưa...

Và vì nỗi xúc động không tìm ra gì khác nên lời, bà nhắc lại: Không ngờ nổi!... kế, chạy tới dưới cửa sổ ông Floche:

- Ông bạn ơi! Ông bạn! (bà gọi ông bằng tiếng đó). Ông Lacase chịu ở lại.

Giọng nói yếu ớt vang như quả lạc bị rè, nhưng vẫn đi đến nơi; tôi thấy cửa sổ mở, ông Floche nhoài người ra một lát; tiếp theo, khi đã hiểu ra thì lập tức:

- Tôi xuống! Tôi xuống!

Casimir theo ông; trong một lát tôi phải đương đầu với lời chia mừng của mỗi một người; tưởng chừng tôi là người của gia đình.

Tôi thảo một lá thư vẽ vời gì đó không biết và cho gửi đi một địa chỉ tưởng tượng.

Bà Floche lên tiếng:

- Trong bữa ăn, tôi sợ hơi thất thố khi tôi mời mọc ông quá khẩn khoản; mong rằng, nếu ông nán lại, công việc của ông ở Ba Lê... không đến nỗi chịu thiệt quá lắm, được chăng?

- Hy vọng không hề gì, thưa bà. Tôi cậy một người bạn trông coi việc giúp tôi.

Bà Saint-Auréol hiện đến; bà phe phẩy quạt và xoay quanh trong phòng, reo lên bằng giọng the thé hơn bao giờ hết.

- Khả ái quá! À! Tuyệt vô cùng... Khả ái quá! - Rồi mất hút, và yên tĩnh vãn hồi.

Trước bữa ăn tối một tí thì ông cha từ Pont-I'Évêque trở về; bởi ông không biết tôi rắp tâm ra đi, ông không thể ngạc nhiên biết tôi ở lại.

Ông nói, khá nhã nhặn:

- Cậu Lacase, tôi có đem ở Pont-I'Évêque về mấy tờ nhật báo; với tôi không thích những kể lể của báo chương cho lắm, nhưng tôi nghĩ ở đây cậu thiếu hụt tin tức phần nào và mấy tờ này may ra có lợi ích cho cậu.

Ông lục lạo cái túi áo tu:

- Kìa! Gratien nó đã mang lên trước vào buồng tôi cùng với cái xắc. Cậu đợi một lát, tôi đi kiếm.

- Đừng có thế, thưa cha; tự con lên lấy chứ.

Tôi đi theo đến buồng ông; ông mời tôi vào. Và trong khi ông chải áo và chuẩn bị cho bữa ăn, sau vài lời bông lông tôi bèn hỏi:

- Cha có quen gia đình Saint-Auréol trước khi đến Quartfourche?

- Không, - ông bảo tôi.

- Cha cũng không quen ông Floche?

- Tôi chuyển đột ngột từ truyền giáo qua giáo dục. Bề trên của tôi trước kia có liên lạc với ông Floche, và chỉ định cho tôi những phần vụ hiện giờ tôi đang giữ; trước khi đến đây tôi không quen học trò của tôi cùng như cha mẹ nó.

- Thế nên cha không hiểu những biến cố nào thúc giục ông Floche rời bỏ Ba Lê chừng

mười lăm năm trước đây nhằm lúc ông sắp sửa bước vào Viện Bác Học.

Ông cha làu bàu:

- Mặt trái của vận số.

- Đấy! Ông bà Floche sống bám vào họ Saint-Auréol nơi này chắc!

Ông cha vụt đáp:

- Đâu có, đâu có; chính họ Saint-Auréol bị khánh kiệt hay gần gần như thế; vẫn biết Quartfourche thuộc quyền sở hữu của họ; họ Floche gia tư khá giả sống chung để giúp cho họ; phụ cấp vào sinh hoạt gia đình và có thể mới đỡ cho họ Saint-Auréol bảo toàn Quartfourche, đất này nữa sau về phần Casimir; thiết tưởng đó là tất cả những gì thằng bé có thể mong mỏi...

- Nàng dâu không được chia của cải gì?

- Dâu nào? Mẹ của Casimir không phải là dâu, nàng là con đẻ của ông bà Saint-Auréol.

- Nhưng thế thì, họ của thằng bé?

Ông cha vờ không hiểu gì hết.

- Không phải nó tên Casimir de Saint-Auréol đó sao?

Ông cha nói mát:

- Thế à! Thế thì ta nên giả dụ rằng là cô Saint-Auréol có lấy đâu một người trong họ.

- Xác đáng lắm! - Tôi đáp, hiểu được nửa vời, tuy nhiên do dự kết luận.

Ông đã chải xong áo; một bàn chân trên mép cửa sổ, ông đập mạnh chiếc khăn tay nhiều lượt để chùi giày.

- Thế cha có biết cô... cô Saint-Auréol?

- Tôi có trông thấy hai ba lần; nhưng cô tới đây vội vã thôi.

- Cô sống đâu?

Ông thẳng người dậy, vứt vào góc buồng chiếc khăn tay bụi bặm:

- Thì ra là một cuộc tra vấn nhỉ?... - Kế đó, đi về phòng rửa mặt. - Sắp sửa chuông ăn rồi mà tôi chưa sẵn sàng gì cả!

Đó là một sự xin được yên thân, môi ông bặm lại chắc chắn là còn giữ lại lắm điều để nói, nhưng lúc này không để lọt tiếng gì nữa hết.

5

Bốn hôm sau tôi vẫn còn ở Quartfourche; bớt nôn nao hơn ngày thứ ba, nhưng đờ đẫn hơn. Tôi không bắt chợt được cái gì mới lạ, trong những biến cố thường nhật cũng như trong những câu chuyện của người nhà; tôi đã cảm thấy tính hiếu kỳ chết lần hồi đói lả. Đành phải từ bỏ không khám phá thêm được gì, tôi nghĩ thầm, một lần nữa rục rịch khăn gói. Chung quanh tôi, tất cả đều không chịu mách bảo cho tôi; ông cha giả điếc từ hôm tôi để lộ rằng điều ông

biết giúp ích cho tôi lắm; Casimir càng tỏ ra tin cậy ở tôi, tôi càng cảm thấy lúng túng trước mặt nó; tôi hết dám hạch hỏi nó, vả chăng nó có được những gì đáng nói cho tôi bây giờ tôi biết hết rồi; chẳng có gì hơn cái hôm nó đưa bức chân dung.

À không, có chứ, thằng bé hồn nhiên mách cho tôi biết tên mẹ nó. Có thể tôi đã điên rồ cao hứng đến thế vì một tấm hình mơn trớn e đã xưa mười lăm năm hơn; và giá Isabelle de Saint-Auréol, suốt chuỗi ngày tôi ở tại Quartfourche này, thử xuất hiện chớp nhoáng, mà bây giờ tôi đã biết nàng hay làm thế, e tôi không thể, không dám đặt mình trên lối đi của nàng. Bất tất! Tư tưởng tôi bỗng nhiên bận bịu với nàng mà lọt thoát ra ngoài nỗi chán chê; mấy ngày sau này thoắt qua vèo và tôi bàng hoàng cho tuần nhật đã kết thúc. Trước, không có vấn đề tôi ở nán lại lâu hơn với ông bà Floche và công việc tôi không còn cho tôi lý do lần nữa, thế mà, sáng hôm nay nữa đấy, dạo quanh quất hoa viên mà tiết thu làm cho rộng

thêm và vang dội, tôi gọi thì thầm rồi gọi lớn tiếng hơn, tên: Isabelle!... và cái tên đó thoạt tiên tôi không thích, nay đối với tôi mang mặc vẻ đài các, thấm nhuần cái hấp dẫn bất chính... Isabelle de Saint-Auréol! Isabelle! Tôi tưởng tượng áo trắng nàng trốn mất ở khúc quanh mỗi lối đi; qua đám lá lắt lay, mỗi tia sáng nhắc nhở ánh mắt, nụ cười sầu muộn, và cũng bởi tôi mù mờ chuyện yêu đương, tôi cứ nghĩ rằng mình yêu, và mừng thật đã yêu, tôi cần nghe ngóng lòng mình.

Hoa viên đẹp thế! Và nó chỉnh trang một cách cao khiết đón vẻ sầu muộn của mùa tàn. Tôi đê mê hít thở mùi rêu và lá mục. Mấy cây giẻ lớn màu hung, đã nửa thân trụi lá, vặt cành xuống tới đất; đám bụi cây thắm đỏ rực màu qua cơn mưa; đám cỏ bên cạnh xanh lên màu sắc sảo; có vài cây thủy tiên trong bồn cỏ khuôn viên; dưới kia một chút, trong lũng nhỏ, cánh đồng hồng hào mà ta thoáng thấy từ hầm đá, chỗ này tôi đến ngồi khi mưa ngớt hạt - lại ngồi xuống ngay phiến đá tôi ngồi hôm đầu tiên với

Casimir; chỗ này cũng có lẽ cách đây chẳng bao lâu nàng Saint-Auréol đến ngồi mơ mộng... và tôi tưởng tượng tôi ngồi cạnh bên nàng.

Casimir thường hay theo tôi, nhưng tôi thích bách bộ một mình. Và hầu hết ngày nào mưa cũng bắt chợt tôi trong vườn; ướt mèm, tôi vào hong khô trước ngọn lửa nhà bếp. Bà làm bếp, cũng như Gratien, không ưa tôi; những món tiền đưa trước của tôi bao nhiêu lần vẫn không rứt ra nổi ba câu nói của họ. Con chó cũng thế, dỗ ngọt hay cho ăn ngon không đủ sức khiến nó thành bạn; hầu hết giờ trong ngày, Terno nằm dài trong lò sưởi lớn, và khi tôi lại gần, nó gầm gừ. Casimir, tôi thường hay bắt gặp nó ngồi ngay ở bờ thành bếp lửa, lặt rau hay đọc sách, lúc bấy giờ nó đánh một cái bép, áy náy rằng con chó của nó không tiếp tôi như bạn. Lấy cuốn sách lên khỏi tay đứa bé, tôi lớn tiếng đọc tiếp; còn nó tựa vào tôi; tôi cảm thấy nó lắng nghe tôi hết mình.

Nhưng buổi sáng hôm đó, cơn mưa rơi chầm xuống tôi đột ngột và dữ dội đến nỗi tôi

vô phương nghĩ tới chuyện về lâu đài; tôi chạy đến núp chỗ nào gần nhất; đó là chiếc nhà dù bỏ phế mà ta có thể trông thấy ở mút bên kia hoa viên, gần rào sắt; nhà dù nay xiêu vẹo; tuy nhiên một chiếc phòng đầu khá rộng, tường lát thanh nhã như phòng khách một nhà dù hóng mát; nhưng bao nhiêu gỗ mối mọt chạm khẽ vào là vỡ ra...

Khi tôi vào, đẩy cánh cửa khép không kín, mấy con dơi vờn quanh rồi lao ra ngoài qua cánh cửa sổ vỡ kính. Tôi vẫn tưởng cơn mưa qua mau, nào ngờ giữa lúc kiên gan thì bầu trời sầm tối khắp nơi. Thế này là bị mắc nghẽn còn lâu! Bây giờ mười rưỡi; mười hai giờ mới ăn. Tôi sẽ chờ tới tiếng chuông đầu tiên mà thế nào ở đây cũng nghe ra, tôi nghĩ thầm. Tôi có mang theo thứ cần dùng để viết và bởi chuyện thư tín của tôi bị khất chậm, nên tôi tính chứng tỏ cho mình rằng biết cách lấp đầy một giờ không khó cho bằng biết cách lấp đầy một ngày. Nhưng tâm tưởng tôi không ngớt đưa tôi quay về nỗi phập phồng yêu đương: A!

Giá biết được một hôm nào đó nàng buộc lòng tái hiện chốn này, tôi sẽ thiêu đốt mấy vách tường này bằng những lời tỏ tình say đắm... Rồi một nỗi chán chường đau xót, đẫm lệ từ từ thấm nhập lòng tôi. Tôi ngồi rút vào góc phòng, không tìm ra ghế ngồi, và giống như thằng bé thất lạc, tôi chảy nước mắt.

Tiếng chán chường thật quá yếu để diễn tả bao nỗi khốn đốn bất kham mà tôi hằng nhận chịu; chúng xâm chiếm ta bất ngờ; cái đặc điểm của giờ khắc phô bày bao nỗi ấy ra; giây lát trước đó, tất cả đều vui cười với ta và ta vui cười với tất cả mọi thứ; bỗng đâu một lớp hơi vẩn khói bốc lên từ tâm khảm và len lỏi vào giữa điều ham muốn và đời sống; nó làm thành một lớp ngăn mờ, tách ta rời khỏi ngoại giới với cái nhiệt độ, với tình yêu, màu sắc, sự điều tiết chỉ còn tới với ta xiên lệch dưới hình thức một sự đổi dời vị trí trừu tượng; ta ghi nhận, ta không còn xúc cảm; và sự nỗ lực vô vọng, nhằm chọc thủng lớp ngăn cách trở tâm

hồn dễ bề dẫn dắt ta tới đủ điều tội ác, tới giết người hay tự sát, tới điên loạn...

Trong khi nghe mưa róc rách tôi mơ màng bao nhiêu điều đó. Tôi giữ trong tay con dao mở sẵn để chuốt viết chì, nhưng trang giấy sổ tay vẫn trống không; bây giờ, với mũi dao, tôi cố thử khắc tên nàng lên mảnh gỗ gần bên; chẳng tin tưởng gì, nhưng vì tôi biết bọn tình nhân lóng cóng quen làm thế; lớp gỗ mục cứ rã ra hoài; lỗ thủng hiện ra thay vào chỗ chữ khắc; liền đó, không chú tâm gì nữa, hết việc làm, một nhu cầu phá hoại ngu ngốc, tôi bắt đầu cắt rạch vu vơ. Miếng gỗ bị tôi phá nằm ngay dưới cửa sổ; khung cửa rã ra ở phần trên như thể cả mảng gỗ có thể tuột xuống tuột lên trong đường rãnh hai bên; đó là điều tôi nhận thấy khi con dao tôi cố sức bất thần nâng mảng gỗ lên.

Vài lát sau tôi đã cắt măm mún miếng gỗ. Theo mảng vụn gỗ, một tấm phong bì rơi xuống sàn nhà; lấm lem, mốc meo, tấm

phong bì đã ăn màu tường, đến nỗi thoạt tiên nó không gây kinh ngạc cho mắt tôi; phải, tôi không kinh ngạc khi thấy nó; không có vẻ gì đáng ngạc nhiên vì nó có ở đấy và tôi dửng dưng đến độ không tức tốc tìm cách bóc nó ra. Xấu mặt, xám xịt, lấm bẩn, tôi đã bảo nó giống như miếng vôi rời rã. Tôi cầm nó lên và vì vô công rỗi việc, tôi xé nó ra cũng như máy vậy. Tôi rút ra hai tờ giấy đặc chữ viết lớn không hàng lối, bạc màu, gần nhòa đi đôi nơi. Thư kia đến đây làm cái gì? Tôi nhìn chữ ký và lóa mắt: tên Isabelle dưới mấy tờ giấy đó!

Nàng đã choán thần trí tôi đến độ này... trong một lát tôi có ảo giác nàng viết cho chính tôi:

> Anh ơi, đây là lá thư cuối cùng của em... - Lời nàng. - Đôi lời vội vàng này nữa thôi, vì em biết đêm nay em không thể nói gì thêm với anh; môi em, bên anh, không còn tìm được gì khác ngoài âu yếm. Nhanh lên trong khi còn có thể nói được với anh; anh hãy nghe:

Mười một giờ sớm quá; nửa đêm thì hơn. Anh biết em nóng lòng chết được và đợi chờ khiến em hụt hơi, nhưng muốn em tỉnh trí với anh thì cả nhà phải ngủ hết. Phải, nửa đêm; đừng sớm hơn. Anh đến gặp em tận cửa nhà bếp (men theo bờ tường vườn cây trái lấp vào bóng tối và kế đó có những bụi cây), anh chờ em ở đó chứ đừng ở trước rào sắt, chẳng phải em sợ băng vườn một mình, nhưng vì chiếc xắc mang theo ít áo sẽ nặng lắm và em sẽ không có sức mang nó lâu được.

Đúng vậy, tốt hơn cho xe nằm dưới con đường hẻm, tại đây mình sẽ tìm ra nó dễ dàng. Vì chó ở nông trại có thể sủa và đánh thức, như thế kỹ hơn.

Không phải thế, anh ạ, anh biết mà, không có cách gì cho chúng ta gặp gỡ thêm nữa, cam chịu vậy hẳn nhiên thôi. Anh biết rằng em ở đây tù hãm, và các cụ không còn cho em ra ngoài cũng như không cho phép anh trở về. Trời! Em

vượt ngục... Vâng em sẽ thận trọng mang theo giày để thay, em sẽ mang vào ngay khi hai đứa vào trong xe, vì cỏ vườn ở phía dưới ướt sũng.

Làm sao anh còn có thể hỏi em quyết định và em sẵn sàng chưa? Kìa anh, hàng tháng nay em chuẩn bị và em đã sẵn sàng rồi chứ! Hàng năm em sống trong chờ đợi giây lát này đây! - Và hỏi em rồi đây không tiếc gì sao? - Thế là anh đâu có hiểu rằng em ghê cho tất cả những ai quyến luyến em, tất cả những người quyến luyến em chốn này. Isa hiền lành, Isa ngại ngùng đang lên tiếng đây ư? Anh ơi, yêu ơi, anh đã biến em thành ra gì đây, hỡi tình?...

Em chết ngạt mất ở đây, em tưởng tới cái cõi ngoài khắp khắp hé ra... Em khao khát...

Em suýt quên nói cho anh hay rằng vô phương lấy mấy hạt lam ngọc trong tráp, vì dì em không để chìa khóa trong

buồng nữa rồi; không có chìa khóa nào em thử vừa vặn được với ngăn tủ. Anh chớ trách em; em có chiếc cà rá của mẹ, sợi dây chuyền nhiều màu và hai chiếc nhẫn - chắc chẳng đáng giá nhiều vì mẹ không đeo; nhưng em tưởng sợi dây chuyền đẹp lắm. Còn tiền bạc em sẽ cố sức; nhưng anh cũng nên xoay xở nữa đi.

Cầu nguyện mọi điều cho anh. Hẹn gặp anh sau, em Isa.

Hôm nay 22 tháng Mười, sinh nhật năm hai mươi hai tuổi và một ngày trước buổi thoát ly.

Tôi, nghĩ mà kinh hoàng, giá tôi thêu dệt câu chuyện kia thành tiểu thuyết, tới bốn hay năm trang diễn rộng ra mà ở đây kể cũng nên thổi phồng lên: những suy niệm khi đọc thư xong, những nghi vấn, những bồi hồi... Kỳ thật, như sau một chấn động cực kỳ dữ dội, tôi bị rơi vào một trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Mãi cuối cùng vọng đến tai tôi, xuyên qua những

tiếng xôn xao hỗn tạp của bầu máu trong người, một tiếng chuông, tiếng chuông lặp lại; hồi chuông thứ hai gọi ăn đấy, tôi nghĩ; làm sao tôi không nghe hồi chuông đầu? Tôi lấy đồng hồ ra: mười hai giờ! Vọt ngay ra ngoài, lá thư nóng hổi ép vào tim, tôi lao mình đầu trần dưới mưa dầm.

Ông bà Floche đã khởi sự lo lắng về tôi, và đến khi tôi về tới hổn hển, thì:

- Kìa ông đẫm hết! Ướt đẫm hết rồi còn gì, ông!

Kế đó ông giao hẹn không được ai ngồi vào bàn trước khi tôi thay xong quần áo; và khi tôi trở xuống, họ ân cần hỏi han; tôi buộc lòng thuật lại rằng, bị cầm chân lại trong nhà dù, tôi hoài công chờ mưa ngớt; bây giờ họ xin lỗi hộ cho thời tiết xấu, cho tình trạng thê thảm của đường sá, cho điều gióng hồi chuông thứ nhì có lẽ hơi sớm, hồi chuông thứ nhất không được rõ như thường ngày... Bà Verdure đi kiếm một chiếc khăn quàng và mọi người

năn nỉ tôi quàng lên vai, vì tôi còn ra mồ hôi và dám nhuốm bệnh. Trong khi đó ông cha quan sát tôi không nói tiếng nào, môi mím lại đến độ khinh khỉnh; và tôi cáu đến nỗi, trước con mắt dò xét của ông, tôi cảm thấy mình đỏ mặt và lúng túng như thằng nhỏ phạm lỗi. Tuy nhiên, tôi nghĩ, cần vuốt ve ông, bởi từ giờ về sau tôi có được biết gì là chỉ nhờ có ông ta thôi; chỉ có ông mới có thể làm sáng tỏ cho tôi cái ẩn khúc của câu chuyện tối tăm này mà tính hiếu kỳ thì ít, tình yêu thì nhiều đã bắt đầu hướng tôi đi tới.

Cà phê xong, điếu thuốc tôi mời ông cha dùng làm viện dẫn cuộc đối thoại: Để khỏi phiền bà nam tước, chúng tôi ra ngoài nhà cam hút thuốc.

Bỗng một giọng nói xa gần, ông cha bắt đầu:

- Tôi cứ tưởng cậu phải ở đây có tám hôm thôi.

- Lúc đó tôi kể ngày mà không kể tính hòa ái của chủ nhân.

- Thế còn tài liệu của ông Floche...?

- Thưa đã được lĩnh hội... Nhưng tôi đã tìm ra cái đáng bận tâm hơn.

Tôi chờ đợi một câu hỏi; không có gì. Tôi nóng lòng tiếp lời:

- Cha chắc chắn quen biết tận hóc hẻm những điều ẩn khúc của tòa lâu đài này.

Ông mở to mắt, nhăn trán, làm vẻ ngây ngô khờ khạo.

- Tại sao bà hay cô Saint-Auréol, mẹ đứa học trò của cha, không ở đây với chúng ta để săn sóc cho đứa con tật nguyền và cho cha mẹ già?

Để đóng trò ngạc nhiên cho được khéo léo, ông vứt điếu thuốc rồi xòe hai bàn tay làm thành hai cái dấu ngoặc hai bên khuôn mặt ông. Ông lẩm bẩm:

- Có thể là công việc của cô ta cầm giữ cô lại ở nơi khác... Cậu hỏi gùn ghè gì đấy?

- Hay cha muốn một câu rõ hơn: Bà hay cô Saint-Auréol, mẹ của học trò cha, đã làm gì cái đêm 22 tháng Mười, đêm mà người yêu của cô phải đến đem cô đi?

Ông cha chống nạnh tay vào sườn:

- Ấy! Ấy! Ông tiểu thuyết gia - (trước đây, vì tự phụ, vì lạc lòng, tôi đã từng tâm sự như thế này mà đáng lẽ bao giờ cũng chỉ có tình cảm đậm đà mới khơi dậy thôi. Và từ buổi ông ta biết những kỳ vọng của tôi, ông cợt nhả tôi một cách đã tới độ không chấp nhận nổi). - Cậu không đi nhanh hơi quá một chút đấy chứ?... Và đến lượt tôi, tôi có thể hỏi làm sao cậu rành thế?

- Vì lá thư cô Isabelle de Saint-Auréol viết cho người tình ngày đó, không phải anh chàng nhận được, mà tôi.

Hẳn nhiên tôi phải đáng được đếm kể tới; ông cha lúc này nhác thấy một vết nhỏ trên tay áo ông và bắt đầu lấy mút móng tay chà xát vào đó; ông bắt tay dàn xếp:

- Tôi lấy làm thán phục cho cái điều... rằng hễ con người ta sinh ra làm tiểu thuyết gia, là lập tức tự cho mình đủ mọi quyền hành. Chớ còn kẻ khác sẽ coi đi coi lại trước khi tìm hiểu một lá thư không phải nhằm gửi cho mình.

- Tôi thì lại mong rằng kẻ đó sẽ không tìm hiểu mà làm gì, cha ạ.

Tôi nhìn ông chăm chăm: nhưng ông vẫn gãi gãi, mặt cúi xuống.

- Nhưng tôi không cho rằng người ta đưa bức thư cho cậu đọc.

- Bức thư tình cờ rơi vào tay tôi; phong bì cũ rích, dơ, rách hết nửa, không mang một dấu vết chữ viết gì cả; bóc ra tôi thấy thư của cô Saint-Auréol; nhưng gửi cho ai?... Cha giúp tôi với nào: Tình nhân của cô Saint-Auréol mười bốn năm trước là ai thế?

Ông cha đã đứng lên; ông bắt đầu bước đi từng bước ngắn hết dọc đến ngang khi qua phía sau chiếc ghế tôi lần nữa, ông đứng lại

và hốt nhiên tôi cảm thấy hai bàn tay ông sà xuống vai tôi:

- Cậu cho tôi coi bức thư.

- Cha chịu nói không?

Tôi cảm thấy tay ông bóp siết vào mất kiên nhẫn.

- A! Đừng có điều kiện, tôi xin cậu! Cho tôi coi bức thư... chỉ có thế.

- Để tôi đi lấy. Tôi vừa nói vừa tìm cách xê ra.

- Cậu có trong túi đó mà.

Mắt ông nhắm vào đúng chỗ, như thể áo tôi trong suốt; nhưng ông không lục soát tôi đấy chứ!...

Tôi ngồi thất thế khó phòng bị mà lại phòng bị một gã to lớn mạnh hơn tôi; với lại, rồi đây, làm cách nào cho ông ta quyết định nói? Tôi quay người lại là thấy mặt ông gần sát mặt tôi, một khuôn mặt ú phừng lên, ở đó chợt hằn lên hai gân máu lớn trên trán và mấy

cái bọc mắt xấu xí. Bấy giờ tôi gượng cười sợ thấy hư hết mọi chuyện:

- Thôi cha ạ, cha cũng biết tò mò là cái ra làm sao rồi, thú nhận đi?

Ông lỏng tay ra; tôi đứng lên ngay tức tốc và làm bộ bước ra.

- Nếu cha không có cái vẻ cướp giật thì tôi đã đưa cho coi. - Kế, cầm tay ông. - Nhưng hãy tới cho gần phòng khách, cho tôi còn có thể kêu cầu cứu.

Bằng nỗ lực ý chí mạnh mẽ, tôi giữ được giọng khoái hoạt, nhưng tim tôi đập mạnh.

- Đây, cha đọc trước mặt tôi, - vừa nói tôi vừa rút bức thư trong túi ra; tôi muốn biết một linh mục đọc thư tình bằng mắt như thế nào.

Nhưng, tự chủ trở lại, ông chỉ còn để lộ xúc động qua cái mấp máy giật giật khó nên của bắp thịt nhỏ trên má. Ông đọc, rồi bắt mùi giấy, ngửi ngửi, nhíu mày dữ dội, khác nào đôi mắt lấy làm bất bình cho sự tham lam của

mũi, sau đó gấp tờ giấy trả lại tôi, nói bằng một giọng hơi trịnh trọng.

- Đúng hôm 22 tháng Mười, tử tước Blaise de Gonfreville từ trần, nạn nhân của một tai nạn săn bắn.

- Cha làm tôi rùng mình! - (Trí tưởng tượng của tôi xây dựng tức thì một bi kịch gớm ghê). - Cha nên biết rằng tôi tìm thấy bức thư này đằng sau một tấm ván lát tường ở nhà dù, chắc chắn chàng ta đã đến đấy đón nàng.

Tới đây ông cha cho tôi hay rằng người con trưởng của dòng họ Gonfreville, mà đất đai kề bên đất đai của dòng họ Saint-Auréol, đã được tìm thấy bất động dưới một bờ rào, dáng chừng anh chàng sửa soạn leo qua, thì một cử động vụng về làm nổ cây súng của anh. Tuy nhiên, trong nòng súng không có vỏ đạn. Không ai cho tin tức gì; anh chàng xuất hành một mình và không ai trông thấy anh; nhưng, sáng hôm sau, người ta bắt gặp một con chó của Quartfourche cạnh nhà dù đang liếm một vũng máu.

Ông nói tiếp:

- Lúc đó tôi chưa đến Quartfourche này, nhưng theo tin tức tôi thu lượm, hình như rõ ràng kẻ phạm tội ác là Gratien, có lẽ y đã bắt gặp cô chủ dan díu với tử tước, và có lẽ đã phá bĩnh cái dự định trốn đi của cô (dự định này chính tôi cũng không biết khi chưa đọc thư này); y là một lão bộc dở hơi, lỗ mãng nếu cần, tin rằng có bổn phận không lùi bước trước một cái gì hết để bảo vệ tài sản của chủ.

- Người ta không bắt y là nghĩa làm sao?

- Không ai có cái lợi gì để theo đuổi y, và hai gia đình Gonfreville và Saint-Auréol cũng sợ tai tiếng chung quanh câu chuyện đáng tiếc ấy; bởi, vài tháng sau, cô Saint-Auréol cho ra đời một đứa bé khổ hại. Người ta gán sự mang tật của Casimir cho dụng công của mẹ nó làm sao để che đậy bụng chửa của mình; nhưng Chúa dạy rằng thường thường hình phạt cho bọn đàn ông lại đổ xuống con cái. Cậu hãy đi với tôi đến nhà dù, tôi tò mò muốn thấy nơi cậu tìm ra bức thư.

Bầu trời quang đãng; chúng tôi cùng đi.

Mọi sự đều êm thắm ở lượt đi; ông cha nắm lấy tay tôi; chúng tôi bước đi đều bước và chuyện trò không đụng chạm gì. Nhưng lượt về mọi sự hư hỏng. Có lẽ chúng tôi cả hai vẫn còn kích động ở một mức độ nào đó vì tính cách dị thường của câu chuyện; nhưng mỗi người một cách rất khác nhau; tôi, thoắt hết đề phòng vì chiêu đãi vui vẻ về sau của ông cha để tin tức cho tôi biết, tôi đã quên ngay chiếc áo tu của ông, quên giữ ý, tôi buông thả ra nói với ông như nói với người thường vậy. Sự xích mích khởi sự như sau đây thì phải:

- Rồi ai đây sẽ kể lại cho mình biết, - tôi nói, - đến đó cô Saint-Auréol làm những gì nhỉ! Có lẽ ngày hôm sau cô mới được tin tử tước chết! Nàng trông đợi chàng, và đợi đến bao lâu trong vườn. Không thấy anh chàng đến, nàng nghĩ sao?

Ông cha lặng im, hoàn toàn trơ trơ trước dòng trữ tình tâm lý của tôi, tôi lại nói:

- Cha tưởng tượng người thiếu nữ mảnh mai ấy, lòng nặng yêu đương buồn chán, đầu óc phát điên: Isabelle người con gái đam mê...

- Isabelle, đứa con gái dâm đãng, - ông cha lẩm bẩm.

Tôi tiếp tục như không nghe, nhưng đến lời than vãn tiếp theo đã lấy đà không cự lại:

- Cha thử nghĩ tới bao nhiêu cái phải thất vọng, bao nhiêu cái...

Ông cắt ngang lạnh lùng:

- Nghĩ tới mấy cái đó làm gì? Không việc gì phải hiểu những biến cố ngoài phạm vi khả dụng của chúng.

- Nhưng mà tùy theo mình hiểu ít hay nhiều, những biến cố hữu dụng một cách khác nhau...

- Cậu có ý gì?

- Tôi muốn nói rằng sự hiểu biết biến cố hời hợt không phải luôn luôn phù hợp, mà cũng không phải lắm khi phù hợp với sự hiểu

biết sâu xa mà ta có thu nhận sau này về những biến cố đó; và tôi nói rằng bài học mà ta có thể rút tỉa ra từ đó không phải giống nhau; tốt hơn, ta xem xét trước khi kết luận...

- Cha muốn bảo người tôi chọn viết luận án...

- Anh bướng thế! Với một trí óc như thế thì...

- Này cha, tôi cũng rất muốn biết, chứ không phải chính cái tọc mạch đó xúi cha đi theo tôi giờ này sao, xúi cha lúi húi giây lát trước đây với miếng gỗ thủng, và từ từ xúi cha tìm hiểu tất cả về câu chuyện mà cha đã thuật lại cho tôi sao!...

Bước chân của ông đứt đoạn, giọng nói cụt hơn; ông gõ chiếc gậy xuống đất nóng nảy:

- Đâu phải như cậu tìm kiếm giải thích những lời giải thích, biết được sự kiện là tôi bám vào sự kiện. Những biến cố thảm hại mà tôi nói cho cậu hay có thể dạy cho tôi sự ghê tởm của tội lỗi xác thịt, nếu cần; biến cố đó lên án sự ly hôn và lên án tất cả những gì con

người đã bày ra để cố bào chữa cho hậu quả những lỗi lầm của nó. Thế này đủ rồi nhé!

- Thế này chưa đủ đối với tôi. Sự kiện không là gì cả chừng nào tôi chưa đi sâu vào nguyên ủy. Biết được đời sống thầm kín của Isabelle de Saint-Auréol; biết bằng những lối đi nào có hương vị, lối đi nào ê chề tối tăm...

- Hãy giữ mình, chàng trẻ tuổi! Cậu bắt đầu đâm ra si tình đấy!...

- A! Tôi vẫn chờ đợi điều đó! Vì lớp bên ngoài không đủ cho tôi, vì tôi không bằng lòng với từ ngữ, với cử chỉ suông... Cha chắc chắn không xét lầm người đàn bà đó chứ?

- Con đĩ!

Sự tức giận làm phừng cả trán tôi; tới đây khó lòng lắm tôi mới đè nén nổi.

- Thưa cha, mấy tiếng đó lọt vào mồm cha thật bất ngờ. Hình như Chúa dạy ta dung thứ hơn là nghiêm khắc.

- Từ bao dung tới chiều lòng, chỉ có một bước.

- Ít nhất Chúa sẽ không lên án nàng như cha.

- Trước hết, cái đó, cậu chẳng biết gì đâu. Sau nữa, vì Ngài không tội lỗi nên đối với tội lỗi của người khác mới cho mình được phép bao dung hơn là người mà... tôi muốn nói rằng bọn người tội lỗi chúng ta. Không phải tìm cách bào chữa ít nhiều cho tội lỗi gì hết, phải quay lưng đi mà ghê tởm thế thôi.

- Sau khi ngửi kỹ bức thư như cha đã làm.

- Cậu xấc láo.

Và rời lối đi đột ngột, ông bước hối hả qua một con đường nhỏ băng ngang, còn tuôn ra những câu sắc lạnh giống bọn Parthes, tôi chỉ nhận ra những tiếng: giáo dục mới... sinh viên Sorbonne... tà đạo!

Khi chúng tôi gặp nhau lại ở bữa ăn tối ông cha vẫn giữ vẻ gầm mặt, nhưng khi ra khỏi bàn ăn, ông đến bên tôi cười và đưa tay bắt, tôi cũng cười nắm lấy.

Buổi tối có vẻ tẻ nhạt hơn thường lệ. Ông nam tước hư hử nhè nhẹ ở góc lò sưởi; ông Floche và ông cha đi cờ không nói lên một tiếng. Tôi liếc thấy Casimir dúi đầu vào trong tay rỏ dãi từ từ xuống cuốn sách, chốc chốc nó chậm bằng khăn tay. Tôi chỉ thí vào cuộc bài bésigue cái chú tâm cần thiết để bà đứng chung phe khỏi phải thua quá nhục nhã; bà Floche nhận biết và áy náy cho nỗi chê chán của tôi, bà ra sức cố gắng lắm để khua động cuộc bài đôi chút:

- Nào, Olympe! Đến lượt chị đi. Ngủ à? - Không, không phải giấc ngủ, mà là nỗi chết, tôi đã cảm thấy sự co rút tối ám của nỗi chết làm buốt giá các người; còn tôi đây, một mối bất an, một thứ ghê sợ se thắt mình. Ôi những mùa xuân! Ôi những làn gió bể khơi, những hương mùi đê mê, những nhạc điệu thánh thoát, tất cả mãi mãi sẽ không còn tạt đến nơi này nữa! Tôi thầm nhủ; và tôi nhớ tới nàng, hỡi Isabelle. Từ nấm mồ nào nàng đã biết thoát thân ra! Tới sự sống nào? Đây, trong ánh sáng lặng lờ

của ngọn đèn, tôi hình dung nàng để trĩu vầng trán tái tê xuống ngón tay mảnh dẻ, một món tóc đen chạm mơn trớn cườm tay. Mắt nàng ôi xa xôi! Tiếng thở dài kia kể lể lời than thở nỗi phiền muộn không tên nào thế của thể xác và của tâm hồn, tiếng thở dài mà thể xác tâm hồn không nghe thấy? Và một tiếng thở dài lớn bất đồ thoát ra từ chính người tôi, tiếng thở dài nguyên từ tiếng ngáp, tiếng nấc nghẹn lời, để đến nỗi bà Saint-Auréol vứt con bài cuối cùng xuống bàn la lối:

- Chắc ông Lacase muốn đi ngủ lắm rồi.

Tội nghiệp bà!

Đêm nay tôi gặp phải một giấc mơ phi lý, một giấc mơ lúc đầu chỉ là sự tiếp nối của thực tế.

Đêm chưa dứt, tôi còn ở trong phòng khách, cạnh mấy người, nhưng một nhóm người đông mãi thêm bu lại chung quanh, mặc dù tôi vẫn không thấy người nào mới lạ đến đó; tôi nhận ra Casimir ngồi bàn trước một

trò chơi kiên nhẫn có ba bốn bộ mặt xúm vào. Họ nói nhỏ, nên tôi không phân được câu gì, nhưng tôi hiểu mỗi người nói cho người bên cạnh một điều gì lạ thường và đến lượt người bên cạnh kinh ngạc, sự chăm chú dồn về một điểm, đấy, cạnh bên Casimir, nơi này tôi đột nhiên nhận ra người ngồi vào bàn, (làm sao tôi không nhận ra sớm hơn nhỉ?) Isabelle de Saint-Auréol. Một mình giữa các chiếc áo sẫm màu, nàng mặc toàn màu trắng. Ban đầu nàng hiện ra với tôi yêu kiều, khá giống như tấm hình nhỏ đã bày ra với tôi; nhưng một lát sau tôi chột dạ vì sự bất động của những đường nét nàng, sự nhìn sững của ánh mắt, và tôi chợt hiểu ra điều mà người ta rỉ tai cho nhau nghe: đó không phải là Isabelle chính thật, nhưng là con búp bê tạc hình nàng, mà người ta đặt vào chỗ nàng trong khi con người thật vắng mặt. Bây giờ hình búp bê đối với tôi hiển hiện ra đáng ghê sợ; tôi lấy làm khó chịu đâm lo nghĩ vì cái vẻ ngớ ngẩn kênh kiệu của nó; bảo rằng nó bất động, thế nhưng khi tôi nhìn nó chằm

chặp, tôi thấy nó từ từ bổ nghiêng, nghiêng... nó sắp sửa đổ nhào, thì bà Olympe, từ mút phòng khách phía bên kia lao tới, cúi sát mình chấm đất giở tấm vải lót ở ghế bành và lên dây cái bộ phận máy móc nào không hiểu kêu ken két kỳ dị và đặt lại con người giả cho thẳng thớm, đồng thời truyền vào đôi tay nó một đường múa may kệch cỡm của người máy. Kế đó ai nấy đứng dậy, giờ tắt đèn đã điểm; người ta sẽ để hình nhân Isabelle một mình ở đấy: mỗi người bỏ đi chào nàng theo kiểu người Thổ, ngoại trừ ông nam tước tiến lại trịnh trọng, nâng đầu tóc nàng trọn vào tay và đặt lên đầu nàng hai cái hôn lớn kêu thành tiếng và cười vui vẻ. Đoàn người rời phòng khách xong - và tôi nom thấy đi ra cả một hàng lũ người - khi bóng tối hoàn toàn rồi, tôi trông thấy trong bóng tối, phải, tôi trông thấy búp bê nhợt nhạt, lẩy bẩy và sống dậy. Nàng dậy dàng từ từ, và đích thật là cô Saint-Auréol; nàng lướt tới bên tôi không tiếng động, bất ngờ tôi cảm thấy quanh cổ tôi vòng tay ấm áp của nàng, và

tôi lai tỉnh trong hơi thở âm ỉ của nàng giữa lúc nàng bảo tôi:

- Với họ, em làm ra kẻ vắng mặt, nhưng với anh thì em có mặt đây.

Tôi không dị đoan không sợ sệt, nếu tôi có đốt đèn lên lại, là để đuổi ra khỏi mắt và trí óc tôi hình bóng ám ảnh kia, tôi phải khổ công. Tôi vẫn rình rập đủ tiếng động. Tuy nhiên giá nàng có đó! Tôi cố đọc sách nhưng vô ích: Tôi không thể để tâm vào gì khác; cứ tơ tưởng tới nàng, tôi mới ngủ lại vào buổi sáng.

6

Cứ thế những phấn khích từng chặp của tính hiếu kỳ rơi trầm xuống. Tuy nhiên tôi không thể nào triển lại lâu hơn ngày đi mà tôi đã tuyên bố một lần nữa cho gia chủ, và hôm nay là hôm cuối cùng tôi có cái lý ở Quartfourche. Hôm đó...

Chúng tôi đang ăn trưa. Ai nấy chờ thư tín mà người vợ của Gratien, là Delphine, nhận của bưu tá và thói thường đưa vào cho chúng tôi giây lát trước khi dùng tráng miệng. Thị đưa cho bà Floche, điều đó tôi có nói rồi; kế bà này phân chia thư từ và chia tờ *Tranh luận*

báo cho ông Floche, ông này lủi mất ở phía sau khi chúng tôi đứng lên rời khỏi bàn. Hôm đó, một chiếc phong bì màu hoa cà, bị lọt một nửa vào miếng giấy băng tờ báo, lọt ra ngoài bó thư và sắp sửa bay xuống bàn gần cái đĩa của bà Floche, tôi vừa kịp nhận ra nét chữ lớn vung vẩy đã làm tim tôi đập mạnh hôm trước; bà Floche cũng thế, trông bề ngoài đã nhận ra được nét chữ; bà làm một động tác hấp tấp để lấp phong thư bằng chiếc đĩa; chiếc đĩa đi húc vào một chiếc cốc, cốc vỡ ra vung rượu lên khăn bàn, bấy nhiêu thứ gây huyên náo dữ dội và bà cụ Floche con người tốt bụng lợi dụng sự lộn xộn chung để đút nhẹ phong thư vào găng tay.

- Tôi muốn giết con nhện mà, - bà bảo vụng về như đứa bé chữa lỗi. (Bà gọi không phân biệt những con mọt, con bọ bằng con nhện thỉnh thoảng trong giỏ trái cây chui ra).

- Và tôi đoan chắc là dì giết hụt, - bà Saint-Auréol nói giọng dấm dẳng, đứng lên

và vứt lại chiếc khăn lau không xếp lên bàn. - Dì vào phòng khách theo tôi, tôi bị cơn đau rốn nó hành.

Bữa ăn kết thúc lặng lẽ. Ông Floche không thấy ra cái gì hết, ông Saint-Auréol chẳng hiểu gì; bà Verdure và ông cha gằm mặt ngay xuống đĩa; nếu Casimir không sổ mũi, các người chắc sẽ nhận ra nó khóc...

Trời âm ấm. Người nhà mang cà phê ra ngoài sân đúc nhỏ nhắn làm bực cấp cho phòng khách. Một mình tôi uống với bà Verdure và ông cha; từ phòng khách nơi hai bà lẩn kín, vẳng ra tới chúng tôi những đợt tiếng nói vang vang rồi thôi; các bà đã lên lầu.

Lúc bấy giờ, nếu tôi nhớ không sai là lúc bùng nổ vụ đánh giặc giả về cây-giẻ-gai-có-lá-cây-ngò.

Bà Verdure và ông cha đang giai đoạn lâm chiến. Những trận đánh không được đúng đắn cho lắm và ông cha chỉ việc cười chế giễu; nhưng không có cái gì làm bà Verdure nổi cáu

cho bằng cái giọng khinh miệt của ông lúc bấy giờ; bà luôn luôn để hở và ông cha lại nhắm ngay vào chỗ yếu. Gần như chẳng có ngày nào khỏi bùng nổ giữa hai người một cuộc đấu sức loại đó mà ông cha gọi tên là những "trận đánh giả". Ông muốn cho rằng gái già đó cần được thế để giúp cho sức khỏe; ông cho bà ta leo cây như người ta dẫn con chó đi dạo một vòng. Có lẽ ông không đặt để ác tâm gì vào trong đó, nhưng chắc chắn có sự lém lỉnh và tỏ vẻ khá khiêu khích. Sự thể choán giờ giấc của của cả hai và thêm màu mè cho thường nhật.

Biến cố nhỏ lúc ăn tráng miệng để lại sự giậm giật cho chúng tôi. Tôi tìm sự xao lãng và trong khi ông cha đổ đầy mấy tách, bàn tay tôi bắt gặp trong túi áo một bó lá, cành nhỏ của một cái cây lạ đời mọc cạnh hàng rào sắt ngõ ra vào và tôi đã ngắt hồi sáng để hỏi bà Verdure tên gọi của nó; không phải tôi quá hiếu kỳ muốn biết, nhưng bà lại được mát lòng thấy có người cầu cạnh tới kiến thức của bà.

Vì bà chuyên môn về thực vật học. Có ngày bà hái hoa cỏ, đeo lủng lẳng trên đôi vai khỏe mạnh một chiếc hộp màu lục thảo cho bà cái dáng dấp kỳ quặc của bà chủ quán bình dân.

Còn được thì giờ nào ngoài công việc coi sóc nhà cửa, bà để hết vào tập sưu tầm bách thảo và ống "kính lúp ráp lấy" của bà... Đấy, bà Olympe cầm lấy nhánh cây và không do dự dõng dạc:

- Cái này là cây-giẻ-gai-lá-ngò.

Tôi vu vơ.

- Tên kỳ nhỉ! Nhưng mấy cành lá hình lưỡi giáo này có ăn nhập gì với lá cây...

Ông cha nãy giờ cười cười một cách phải chăng, mới bảo như thể bâng quơ:

- Ở Quartfourche này người ta gọi cây Fagus persicifolia bằng tên đó đó.

Bà Verdure giật mình:

- Tôi không dè cha giỏi thực vật học đến thế.

- Không phải đâu; tôi hiểu chút ít tiếng La-tinh.

Kế, nghiêng sang bên tôi: Các bà này vô tình mắc bẫy chữ nghĩa.

- Persicus, bà ạ, persicus nghĩa là pêcher cây đào, chứ không phải persil cây ngò. Cây Fagus persicifolia mà ông Lacase để ý tới mấy cái lá được gọi rất chính xác là lá hình lưỡi giáo, cây đó là "cây giẻ gai lá đào".

Bà Olympe đâm đỏ mặt tía tai: Sự làm ra vẻ tỉnh khô của ông cha làm cho bà rời rã hoàn toàn.

- Thực vật học chính thống không có đèo bòng những cái thất thường quái gở, - bà Olympe cũng biết tìm cách lên tiếng mà vẫn không quay nhìn về phía ông cha; kế đó cạn tách một hơi, bỏ đi như gió.

Ông cha chúm môi làm phao câu gà, từ đó thoát ra những thứ tiếng tẹc tẹc nhỏ. Tôi khó lòng lắm mới giữ cho khỏi cười.

- Cha e có ác đấy?

- Không đâu! Không đâu... tội cho bà không tập luyện đủ, cần phải quậy cho bà. Bà hiếu chiến lắm, tin tôi đi; hễ ba ngày tôi không châm thì chính bà đến chọc. Ở Quartfourche trò tiêu khiển không nhiều nhõi gì!...

Và đến đây cả hai, không nói năng, chúng tôi bắt đầu nghĩ tới lá thư bữa ăn trưa.

- Cha nhận ra nét chữ đó không? Mãi sau tôi ướm người hỏi.

Ông nhún vai:

- Sớm một chút, muộn một chút, vẫn là lá thư nhận được ở Quartfourche một năm hai lần, sau buổi trả tiền thuê đất, và qua lá thư đó cô nàng báo cho bà Floche, cô nàng đến.

Tôi reo:

- Nàng sắp đến?

- Bình tĩnh! Bình tĩnh, cậu không gặp cô nàng đâu.

- Chứ tại sao tôi không thể gặp?

- Vì cô nàng đến nửa đêm, vì cô nàng ra đi gần như ngay liền lúc đó, vì cô nàng trốn tránh những nhìn ngó và... coi chừng gã Gratien.

Tia mắt ông dò hỏi tôi, tôi không nao núng phân ly; ông nói tiếp bằng giọng cáu tiết:

- Cậu sẽ không đếm kể vào đâu những lời tôi nói với cậu, coi bộ cậu, tôi thấy thế; dù sao cậu đã được cảnh cáo. Đấy! Cậu cứ làm tùy thích; sáng mai cậu cho tôi biết sự thể.

Ông đứng dậy, bỏ tôi lại, khiến tôi vẫn không thể phân tách xem ông tìm cách kìm hãm tính hiếu kỳ của tôi hay trái lại ông đã chẳng lấy làm thích thú kích thích nó dậy chăng.

Cho tới chiều lại, tôi không muốn vẽ vời ra sự bấn loạn của trí óc tôi làm gì, nó bị chi phối hoàn toàn vì sự đợi chờ. Có thể nào tôi yêu Isabelle thật sự? Chắc là không, nhưng thích thú vào tận tim vì một khích động quá mãnh liệt tôi không lầm lạc đâu, tại sao thế nhỉ? Do tính hiếu kỳ của tôi, tôi nhận biết tất cả nhiệt tình run rẩy, sự cuồng náo, sự nóng

nảy của tình yêu. Mấy lời sau cùng của ông cha chỉ giúp hối thúc tôi thêm; Gratien gã có thể làm gì tôi? Thì tôi cũng đã băng qua rừng gai lửa bỏng!

Chắc chắn một cái gì đó bất thường đang soạn sửa. Đêm đó không ai đề nghị chơi gì cả. Ngay sau bữa ăn, bà Saint-Auréoi bắt đầu rên siết về cái mà bà gọi là "cơn bao tử" và rút êm lui, trong khi đó bà Verdure sắm sửa nước nóng hộ bà. Đâu ít lát sau, bà Floche cho Casimir đi ngủ, kế ngay khi thằng bé bỏ đi rồi:

- Chắc ông Lacase cũng muốn bắt chước thế; ông có vẻ buồn ngủ rục rồi đấy.

Và vì tôi không kịp nhanh nhảu đáp lời mời của bà:

- À! Chắc chúng tôi không có ai sẽ kéo dài thức khuya.

Bà Verdure đứng lên đốt mấy chân đèn; ông cha và tôi theo bà: Tôi nom thấy bà Floche nghiêng mình xuống vai chồng đang thiu thiu ở góc lò sưởi trong chiếc ghế xe; ông đứng dậy

tức thì, rồi kéo tay ông nam tước, nam tước để mặc cho làm như thể ông hiểu như thế có nghĩa là gì rồi. Ở đầu cầu thang lầu nhất, nơi đây mỗi người sẵn một chân đèn ai lui về ngả nấy, ông cha bảo tôi, kèm theo nụ cười khó hiểu:

- Chia tay! Ngủ ngon nhé.

Tôi đóng cửa buồng lại; rồi chờ. Mới chín giờ. Tôi nghe bà Floche, rồi bà Verdure lên lầu. Phía đầu cầu thang, tái diễn lời qua tiếng lại khi sôi nổi giữa bà Floche và bà Saint-Auréol, bà này ra lại khỏi buồng, xa chỗ tôi quá làm tôi không phân biệt được lời lẽ; rồi thì những tiếng cửa đóng ập, rồi thôi.

Tôi nằm dài lên giường để dễ nghĩ ngợi hơn. Tôi nghĩ tới lời chúc ngủ ngon giễu cợt mà ông cha nói kèm theo cái bắt tay sau cùng, tôi những muốn biết xem ông, về phía ông, ông có bụng dạ nào ngủ không, hoặc là cái tính hiếu kỳ mà trước mặt tôi ông cam quyết là không có, ông sẽ buông thả cho nó tha hồ không... nhưng mà ông ngủ ở nơi khác trong lâu đài

đối diện với nơi tôi chiếm ngự, và không có cái cớ nào đứng vững kêu gọi tôi sang đó. Nhưng, thử hỏi trong hai chúng tôi ai sẽ trơ trẽn hơn ai, nếu bắt chợt nhau trong hành lang? Trầm ngâm như thế rồi thì xảy đến với tôi một điều không thể nói nổi, một điều phi lý, một điều ngượng mồm: Tôi ngủ quên mất.

Vâng, bị phấn khích thái quá thì có lẽ không đúng cho bằng kiệt quệ theo đợi chờ lại thêm mỏi mê vì đêm qua chẳng lành, tôi ngủ say sưa.

Tiếng lách tách của ngọn nến đã lụi tàn đánh thức tôi dậy; hoặc có lẽ, một sự rung chuyển ầm ĩ của sàn nhà mơ hồ nhận ra trong giấc ngủ; chắc hẳn có ai bước qua trong hành lang. Tôi giật ngồi dậy. Ngọn nến bấy giờ tắt ngấm; tôi ngồi trong tối, mang nhiên vô cùng. Để đốt sáng tôi còn có mấy que diêm; tôi quẹt một cái để coi đồng hồ: gần mười một giờ rưỡi; tôi dỏng tai không còn có tiếng động nào nữa. Tôi mò mẫm về phía cửa và mở ra.

Không, tim tôi không đập thùm thụp; tôi cảm thấy thân mình nhanh nhẹn, nhẹ nhàng như không có trọng lượng; thần trí tỉnh táo minh mẫn, khăng khăng.

Mút kia hành lang, một khung cửa sổ lớn đổ lan tới tôi một vùng ánh sáng không phẳng phiu như của những đêm yên hàn, đàng này ánh sáng chập chờn và bị bạt đi từng lúc, bởi lẽ bầu trời vần vũ và lướt qua mặt trăng, gió lùa đi từng táng mây dày. Tôi bỏ giày ra; tôi tiến tới không gây động... Tôi chẳng cần phải dò ngó kỹ hơn để lọt tới nơi quan sát mà tôi đã dọn sẵn: Ấy là một cái phòng nhỏ bỏ không cạnh phòng bà Floche, nơi chắc hẳn đang diễn ra một cuộc mật đàm, phòng nhỏ này ban đầu trước kia ông Floche ở (nay ông thích ở gần với sách hơn là ở gần vợ); cánh cửa thông, tôi đã cẩn thận cài then để tránh khỏi bị bắt thộp, cánh cửa hơi nao núng và tôi định tâm ngay liền lúc đó có thể nhìn chuồi qua phía dưới khung cửa; muốn đạt tới đó, tôi phải chễm chệ lên một cái tủ mà tôi đã đẩy sẵn lại gần sát.

Lúc này, qua khe hở, chiếu rọi một ít sáng, trần nhà trắng hắt xuống lại giúp tôi định hướng. Ban ngày tôi đã để mọi thứ ra sao thì tôi tìm lại thế. Tôi trườn lên tủ, phóng mắt vào phòng bên.

Isabelle de Saint-Auréol có đó.

Nàng trước mặt tôi, cách mấy bước... Nàng ngồi trên một chiếc ghế thấp mất đẹp, không có lưng tựa, những chiếc ghế tên gọi là "pouf" thì phải, sự có mặt của ghế đó đáng ngạc nhiên phần nào trong cái căn buồng cũ kỹ mà tôi không nhớ có nom thấy chúng khi trước tôi mang hoa vào không. Bà Floche ngồi lún vào chiếc ghế bành lớn trải thảm; một cây đèn để trên chiếc bàn tròn cạnh ghế bành soi sáng cả hai người một cách kín đáo. Isabelle quay lưng lại phía tôi; nàng ngả về trước, gần như úp lên gối bà dì lớn tuổi; nàng ngẩng đầu lên lại ngay. Tôi vẫn ngong ngóng sẽ bắt gặp nàng già hơn; thế mà tôi nhận ra hao hao ở nàng người thiếu nữ ở tấm hình nhỏ; có lẽ

không kém đẹp, dung nhan nàng đã khác vời, hồng trần hơn và gần người hơn; vẻ băng nguyên thần thánh của tấm hình nhỏ nhường chỗ cho sự bải hoải đa tình, và tôi không hiểu vẻ chán chê thế nào đó đã làm nhàu khóe môi mà họa sĩ kia đã từng vẽ đôi môi nàng hé mở. Một tấm áo bành tô lớn để đi xa, một thứ áo mưa, bằng thứ vải khá bình dân có lẽ, trùm kín người nàng, nhưng xếch lên ở một bên để lộ mảnh jupe đen vải taffetas mỏng ánh, trên đó bàn tay đã cởi bỏ găng tay để đong đưa cầm chiếc khăn vò nát, bàn tay trong vẻ tái tê mảnh mai lạ thường. Một chiếc mũ nhỏ bằng dạ và lông vũ có vân, dải taffetas, trùm lên nàng; một món tóc đen nhánh, vắt trên dải mũ và khi nàng cúi đầu xuống, lại trở về trước che mất thái dương. Có thể bảo nàng đang phục tang nếu không có một dải màu xanh bọ quýt vấn quanh cổ. Bà Floche và nàng không nói năng gì; nhưng bằng bàn tay mặt, Isabelle ve vuốt cánh tay, bàn tay của bà Floche và kéo lại phía mình, rồi hôn rối rít lên đó.

Lúc này nàng lay động mái đầu và các món tóc nổi trôi bên trái bên mặt; bấy giờ, hình như lặp lại một câu nào đó, nàng nói:

- Thưa đủ cách, thật tình con đã thử đủ cách, con thề với dì rằng...

- Đừng thề gì hết, tội cho con; dì tin con không phải thế, - bà cụ ngắt lời, đặt tay lên trán nàng. Cả hai nói thật nhỏ như sợ bị nghe thấy.

Bà Floche thẳng lưng dậy, dịu dàng đẩy cháu ra và, chống vào hai tay ghế, đứng lên. Nàng Saint-Auréol cũng đứng lên, và trong khi dì nàng tiến về phía bàn có ngăn kéo, mới hôm kia Casimir lấy ra tấm hình nhỏ, thì nàng bước vài bước về cùng một hướng, dừng lại trước cái bàn có chân quỳ chống đỡ một tấm gương soi lớn và trong khi bà cụ lục lạo trong ngăn kéo thì nàng ướm thử - vào ánh gương chiếu chiếc dải màu ngọc bích mà nàng vấn quanh cổ, nàng lanh lẹ tháo nó đi mất, cuốn lại ở ngón tay... Bà Floche chưa kịp ngoảnh lại thì chiếc dải màu tươi đã mất, Isabelle đã giữ thái

độ trầm tư, đôi bàn tay xuôi xuống và đan lại trước mặt, mắt nhìn mất hút.

Bà cụ Floche khổ hại còn cầm nơi tay xâu chìa khóa, tay kia cầm xấp giấy mỏng manh mà bà đã đi lấy trong ngăn kéo; bà sắp sửa ngồi lại vào ghế thì cánh cửa đối diện với cửa tôi núp bóng mở toang - và tôi suýt hốt hoảng kêu lên. Bà nam tước hiện ra trong khung cửa mở, kiểu cách, áo hở vai, mặt dồi phấn, phục sức đại yến và đầu đội một thứ mũ lông hạc đồ sộ. Bà cố sức cầm giữ khư khư một cây đèn lớn sáu nhánh cháy đủ ngọn, đèn dội lên người bà một lớp ánh sáng lắt lay và đổ lai láng những lệ sáp xuống sàn nhà. Kiệt sức có lẽ, bà bắt đầu chạy lại để đèn lên cái bàn chân quỳ trước mặt tấm gương soi; kế đó nhảy phóc bốn bước ngắn lùi trở lại vị trí ở khung cửa mở, bà lại đi tới trước, bước nhịp nhàng trịnh trọng, đưa vói ra xa về đàng trước bàn tay duỗi ra trĩu đầy những chiếc nhẫn vĩ đại. Đến giữa buồng bà dừng lại, xoay hết người về phía con gái, động

tác luôn luôn thẳng băng, bằng một giọng chát chúa đâm thủng cả tường:

- Lui ra, con vô ân! Tôi không để cho nước mắt cô làm xiêu lòng nữa đâu, còn những thề thốt của cô suốt đời không đi tới tim tôi đâu.

Bấy nhiêu được thốt ra, được hô hoán bằng một giọng kim từ trước đến sau không lên xuống. Isabelle lúc đó nhào xuống chân mẹ, nắm lấy jupe mẹ lay giật làm lộ ra hai chiếc giày escarpin nhỏ xa tanh trắng chướng mắt, cũng lúc nàng cụng trán xuống sàn nhà, nơi này có phủ thảm. Bà Saint-Auréol không một lúc nào để mắt xuống, tiếp tục phóng thẳng về trước những tia mắt sắc ánh lạnh băng như giọng nói:

- Cô đem thống khổ đến cho gia đình cha mẹ chưa vừa sao; cô còn rắp tâm đeo đuổi xa hơn những...

Đến đây bất đồ giọng bà như hụt hẫng; bấy giờ bà quay sang bà Floche đang co ro lấy bấy trong ghế:

- Còn dì nữa, nếu dì còn nhẹ dạ...

Và chữa lại:

- Nếu dì phạm tội nhẹ dạ còn nhượng bộ những van lơn thế này nữa, dù là hôn nó, dù là tiền bạc ít bao nhiêu đi nữa, thì, thật như tôi là chị của dì vậy, tôi từ dì, tôi giao lại nhà cửa cho Chúa, mãn đời tôi không gặp lại dì.

Tôi như thể coi kịch. Nhưng vì họ không biết mình bị dòm ngó, vậy cả hai hình nhân này diễn cho ai? Dáng điệu cử chỉ của người con, tôi thấy cũng thái quá, cũng giả tạo như của người mẹ... Bà mẹ day mặt lại tôi, thế nên tôi nom thấy Isabelle phía lưng, nàng phủ phục, giữ cái thế của nàng Esther cầu khẩn; tôi chợt chú ý đến hai bàn chân nàng, chân mang lụa dũi màu mận, áng chừng như thế và may ra ta còn dò ra được chừng ấy dưới lớp bùn đóng vào giày ủng nhỏ; bên trên, một chiếc bít tất trắng, ở đây chéo jupe ướt, bùn vấy lên, dây ra một đường bẩn... Và bỗng đâu, vang hơn cả lời oang oang của bà cụ, vang dội lên trong

con người tôi tất cả những điều mà những món đồ nghèo nàn kia mách bảo cho tôi hay toàn những phiêu bạt, khốn cùng. Một tiếng nấc nghẹn họng tôi; và tôi tự hứa, khi nào Isa rời nhà, tôi sẽ theo nàng băng vườn.

Lúc này bà Saint-Auréol tiến ba bước lại ghế bà Floche:

- Nào! Đưa mấy tờ đó cho tôi! Dì cho là tôi không thấy được tấm giấy vò nhàu trong găng tay chăng? Dì tưởng tôi đui hay tôi điên? Tôi bảo đưa tiền đó cho tôi!

Và, với điệu bộ bi kịch diễm tình, bà đem mấy tờ giấy bạc vừa đoạt đến gần một ngọn đèn ở cây đèn nhiều ngọn:

- Đốt hết (nến nói rằng bà chẳng thi hành mảy may) còn hơn cho nó một xu.

Bà đút mấy tấm giấy bạc vào túi, trở lại động tác đại ngôn:

- Con vô ân! Con lạc giống! Cà rá chuỗi hột của tôi đi đàng nào rồi, cô liệu mà bày vẽ cho mấy chiếc nhẫn của tôi biết với.

Vừa nói, bằng một cái nhấc tay khéo léo của bàn tay dang thẳng, bà vừa làm rơi hai ba chiếc nhẫn xuống thảm. Như con chó đói vồ xương, Isabelle chụp lấy.

- Bây giờ thì đi đi, chúng ta hết chuyện nói với nhau, và tôi không nhìn nhận cô nữa.

Rồi tới lấy cái chụp tắt đèn trên chiếc tủ đêm, bà tuần tự úp lên từng ngọn của cây đèn nhiều nhánh và bỏ đi.

Căn buồng bây giờ có vẻ tối tăm. Isabelle lúc này đã đứng lên: Nàng đưa mấy ngón tay lên hai bên thái dương, vuốt ra sau mấy món tóc rối bời và sửa ngay ngắn chiếc mũ lại. Hất người một cái, nàng nâng chiếc áo bành tô dậy đã hơi tuột xuống vai, và cúi xuống bà Floche gửi lời từ tạ. Tôi thấy có vẻ như bà cụ lựa lời nói với nàng, nhưng bằng một giọng quá nhỏ tôi không sao phân biệt ra gì. Isabelle không nói một lời, ép bàn tay run rẩy của bà vào môi nàng. Lát sau tôi lao vút đuổi theo nàng trong hành lang.

Lúc xuống thang lầu, một tiếng nói làm tôi dừng chân. Tôi nhận ra giọng của bà Verdure, Isabelle đã bắt gặp bà ở phòng trước, và tôi thoáng thấy cả hai khi chồm ra ngoài thành cầu thang. Bà Olympe Verdure cầm nơi tay một cây đèn nhỏ. Bà nói :

- Cô đi không hôn nó sao? - Và tôi hiểu nó đây là Casimir. - Như thế cô không muốn gặp nó?

- Không, Loly à; tôi vội quá thôi. Nó không nên biết là tôi có lại.

Có một khoảng im lặng, một màn kịch câm mà ban đầu tôi không hiểu rõ. Ngọn đèn chao, chiếu lên những bóng chập chờn. Bà Verdure đi tới, Isabelle lùi lại, cả hai xê dịch vài bước; rồi tôi nghe:

- Thật mà; thật mà; để tưởng nhớ tới tôi. Tôi giữ nó đã từ lâu. Nay tôi già cả, còn để làm gì?

- Loly! Loly ơi! Bà là những gì đẹp đẽ nhất tôi để lại chốn này!

Bà Olympe siết nàng vào vòng tay.

- Ôi! Tội nghiệp! Ướt cả thế này!

- Chỉ có áo ướt thôi... không hề gì. Cho tôi đi gấp.

- Ít nhất cô cầm lấy cái dù.

- Trời hết mưa rồi.

- Đèn vậy? Xe gần sát đây. Chia tay nhé.

- Thôi! Chào cô, khổ cho cô! Lạy Chúa...

Những tiếng sau lấp vào nghẹn ngào. Bà Verdure đứng giây lát nhoài người ra bóng đêm, và một ngụm gió ẩm nước từ bên ngoài lên tới khung cầu thang; sau đó, tôi nghe bà cài then ở cánh cửa đã khép kín lại...

Tôi không thể đi ngang qua trước mặt bà Verdure. Gratien đêm đêm mang theo chìa khóa cửa bếp. Một cửa khác mở ra phía kia của ngôi nhà, nơi này chắc tôi thoát ra dễ dàng, nhưng đi vòng quanh nhiều lắm. Tôi chưa kịp tìm ra nó thì Isabelle dễ thương đã ra

kịp tới xe. A! Giá tôi gọi nàng từ cửa sổ... Tôi chạy về phòng. Trăng bị phủ mờ trở lại; tôi chờ đợi một lát, nghe ngóng tiếng bước chân; một hơi gió ào ạt trỗi dậy, và trong khi Gratien vào ngả bếp, xuyên qua tiếng động cây cối lao xao, tôi nghe xe nàng rời xa.

7

Tôi lên đường rõ chậm, và ngay khi trở lên Ba Lê, nghìn thứ lo toan xô đẩy tôi về sau đưa tư tưởng tôi về nẻo khác. Sự quyết tâm mà tôi đã chọn là quay trở lại Quartfourche mùa hè năm sau làm thuyên giảm những hậm hực đã không biết đẩy đi xa hơn một cuộc phiêu du mà tôi khởi sự lãng quên, thì cuối tháng Một, tôi bỗng nhận được hai tấm phân ưu. Ông bà Floche cả hai đã trút về Chúa linh hồn leo lét hiền lành của mình, cách nhau mấy ngày. Tôi nhận ra ở ngoài phong bì phân ưu nét chữ của bà Verdure;

nhưng tôi lại gửi cho Casimir lời lẽ chia buồn vô vị và tình cảm mến. Hai tuần sau tôi nhận được lá thư này:

Ông Gérard thân mến,

(Thằng bé chưa bao giờ quyết định nổi cái việc gọi tôi bằng Lacase.

- Ông tên gì thế? - Nó có hỏi tôi đúng hôm tôi bắt đầu gọi nó thân mật bằng "tu".

- Casimir, em thừa biết mà; tôi tên là ông Lacase.

- Không phải; không phải tên đó; tên kia cơ? - Nó bác lại).

Ông tốt lắm đã biên thư cho cháu, và thư ông thật thích bởi vì lúc này Quartfourche buồn lắm. Bà của cháu thứ năm rồi phát bệnh và không rời buồng được nữa, thế là mẹ trở lại Quartfourche và ông cha đã ra đi vì làm linh mục ở Breuil. Chính sau đó ông dượng và bà dì

mất. Trước là ông dượng mất, ông ấy yêu ông lắm, rồi thì Chủ nhật sau bà dì đau ba ngày. Mẹ không có mặt đây nữa. Cháu một mình với Loly và Delphine, vợ của Gratien, Gratien yêu cháu lắm; thật buồn vô cùng khi bà dì không muốn bỏ cháu. Nhưng chịu vậy. Thế là bây giờ cháu ngủ trong buồng cạnh Delphine, vì Loly có người em trai gọi về ở Orne. Gratien cũng rất tốt với cháu. Ông chỉ cho cháu giâm cây và ghép cây, thú vị lắm, với lại cháu giúp việc đốn cây.

Ông biết không, mẩu giấy khi ông có viết lời hứa, phải quên nó đi vì không còn có ai nay để đón tiếp ông. Nhưng điều này cũng làm cháu đau buồn lắm không gặp lại ông vì cháu yêu ông nhiều. Nhưng cháu không quên ông.

Bạn nhỏ của ông,

CASIMIR

Cái chết của ông bà Floche, tôi khá thản nhiên, nhưng còn lá thư vụng về trống trải kia dao động người tôi. Tôi không rỗi rảnh lúc này, nhưng tôi thầm hứa, ngay những ngày lễ Phục sinh sẽ dấn thân dò la tới tận Quartfourche. Cần gì việc dưới đó họ không thể đón tiếp tôi? Tôi sẽ xuống Pont-l'Évêque và thuê một chiếc xe. Có cần phải nói thêm rằng cái ý nghĩ biết đâu gặp lại nàng Isabelle huyền diệu tại đó lôi cuốn tôi tới cũng ngang bằng với lòng trắc ẩn cao độ đối với thằng bé. Nhiều đoạn trong thư tôi vẫn không hiểu; tôi lập mạch lạc khó khăn giữa các sự kiện... Sự phát bệnh của bà cụ, việc Isabelle đến Quartfourche, sự ra đi của ông cha, cái chết của hai người già không có cháu gái dự kiến, bà Verdure bỏ đi,... phải coi đó hoàn toàn là một chuỗi ngẫu nhiên những sự kiện hay sao, hay tìm trong đó một liên quan? Casimir không biết đâu, mà ông cha cũng không muốn tin cho tôi. Đành chờ tháng Tư vậy. Ngay ngày rảnh thứ hai, tôi lên đường.

Đến ga Breuil, tôi nhác thấy ông cha Santal sửa soạn lên chuyến tàu của tôi, tôi gọi với.

- Cậu đã về lại chốn này, - ông bảo.

- Quả tình tôi không tưởng trở lại mau thế này.

Ông bước lên ngăn xe của tôi, chỉ có hai chúng tôi.

- Phải! Có chuyện xảy ra từ buổi anh viếng.

- Vâng, tôi có được tin hiện nay cha làm quản xứ ở Breuil.

- Nói cái gì đó, - và ông đưa bàn tay phác một cử chỉ quen thuộc. - cậu nhận được giấy báo tin?

- Tôi cũng đã gửi lời phân ưu ngay cho học trò của cha; chính được nhờ nó sau đó tôi được nhiều tin tức; nhưng nó cho tôi biết thiếu sót. Tôi đã định gửi thư cho cha để hỏi vài chi tiết.

- Nên lắm.

Tôi cười nói tiếp:

- Tôi nghĩ rằng cha không sẵn lòng chỉ dẫn cho tôi.

Nhưng ông cha có lẽ ít quan tâm đến sự kín miệng cho bằng quan tâm đến thì giờ ở lại Quartfourche nên hình như ông sẵn sàng thổ lộ. Ông nói:

- Cậu có tin rằng câu chuyện xảy ra ở đó như thế là khổ không? Bao nhiêu đại lộ sẽ chạy ngang qua đó!

Lúc đầu tôi chẳng hiểu gì hết; sau, câu của Casimir hiện về trí nhớ: "Cháu giúp việc đốn cây...".

Tôi hỏi ngớ ngẩn:

- Tại sao lại làm thế?

- Tại sao à? Thì cậu đi hỏi bọn chủ nợ xem. Song, không phải bọn họ lý tới chuyện đó, và mọi sự làm sau lưng họ. Tài sản đầy rẫy những cầm cố thế nợ. Cô Saint-Auréol hốt được cái gì là hốt.

- Nàng có ở đó?

- Làm như cậu không hay!

- Tôi ngờ ngợ thế thôi chỉ là nhờ mấy chữ của...

- Chính từ khi nàng ở đó, mọi sự mới tệ.

Ông bình tĩnh lại được một lát; nhưng lần này nhu cầu thổ lộ thắng thế; ông cũng chẳng còn chờ tôi hỏi và tôi xét thấy đừng hỏi là phải hơn; ông tiếp lời:

- Làm sao nàng được tin mẹ nàng bị bại liệt? Chính điều đó tôi không thể giải thích. Khi nàng đã biết rằng bà cụ nam tước không rời nổi ghế là nàng về mang theo hành lý, và bà Floche thì không có can đảm đuổi nàng. Lúc đó là lúc tôi bỏ ra đi.

- Cha bỏ Casimir ở lại như thế buồn thật.

- Có thể buồn đấy, nhưng chỗ của tôi không phải là ở cạnh một hạng người... Tôi quên mất cậu đã bênh vực nàng...!

- Tự tiện. Phải, phải; bà Verdure cũng bênh vực nàng. Bà ta bênh vực cô nàng cho tới lúc chứng kiến cái chết của ông bà chủ.

Tôi tán thưởng cho điều ông cha đã cởi bỏ hồ hết cái ngôn ngữ hoa mỹ mà ông đã mặc vào mình hồi ở Quartfourche; ông đã thâu thái cử chỉ và lời nói riêng của mấy ông cha ở các làng Normandie. Ông nói tiếp, đeo đuổi câu chuyện:

- Bà ta cũng cho là kỳ cục thấy cả hai người chết một lượt.

- Có phải là...?

- Tôi không nói sao hết. - và ông phồng môi trên vì thói quen lâu đời, nhưng nói trở lại liền ngay; - Tuy nhiên trong vùng người ta dị nghị. Thấy cô cháu gái thừa hưởng của cải không đẹp mắt. Và cậu thấy đấy, bà Verdure cũng xét thấy tốt hơn là bỏ đi.

- Ai ở lại với Casimir?

- Ấy! Cậu cũng hiểu mẹ nó đâu phải là tất cả cho thằng bé. Thế là nó sống hầu hết thì giờ với vợ chồng Chointreuil, cậu thừa biết: gã làm vườn với vợ gã đấy.

- Gratien?

- Phải, Gratien, y muốn chống đối việc người ta đốn cây trong hoa viên, nhưng không ngăn cản được chút nào. Khốn cùng rồi.

- Nhưng ông bà Floche đâu phải không có tiền.

- Nhưng ăn sạch từ ngày đầu rồi mà cậu. Trong ba cái nông trại ở Quartfourche, bà Floche chiếm hai, hai cái này đã bán lâu cho tá điền rồi. Cái thứ ba, cái nông trại nhỏ thuộc quyền sở hữu của bà nam tước luôn, cái này không còn cho mướn nữa, Gratien trông coi sự gầy lợi, nhưng nó với bao nhiêu cái khác sẽ bán bây giờ.

- Cả Quartfourche sẽ bị bán ư?

- Bán đấu giá nhưng chưa thể thi hành trước cuối hè. Trong khi chờ đợi, tôi xin cậu tin cho rằng cô ả thừa cơ. Cuối cùng cô ả cũng nhượng bộ, nhưng nhổ cho xong phân nửa số cây đã...

- Làm sao tìm ra người để bán cây, nếu nàng không có quyền bán?

- Ôi! Cậu còn trẻ. Khi mà người ta bán giá rẻ mạt, bao giờ cũng tìm ra người mua.

- Viên thừa phát lại nhỏ nhít nào cũng ngăn cấm nổi chứ.

- Thừa phát lại thông đồng với người chạy áp-phe của bọn chủ nợ, tên chạy áp-phe ở luôn lại đó và - ông nghiêng đầu vào tai tôi - hắn ngủ với cô ả, cậu thích biết hết thì đấy.

Không lộ vẻ khích động vì câu sau của ông cha, tôi hỏi:

- Còn các sách với giấy tờ của ông Floche?

- Bất động sản của lâu đài cùng thư viện sẽ là việc bán chác sắp tới; hay nói cho chính xác hơn: sẽ bị tịch biên. Dưới đó, may không có ai ngờ gì về giá trị của một số thư phẩm; bằng không các sách này đã biến mất từ lâu.

- Một tên lưu manh nào có thể xộc tới...

- Bây giờ những cái gì niêm phong đã đặt đâu vào đấy; cậu khỏi lo; chừng nào tổng kê mới dỡ những thứ đó đi.

- Bà nam tước có nói năng gì về các vụ đó?

- Bà chẳng ngờ gì cả; họ mang thức ăn vào buồng cho bà; thậm chí bà còn không biết con gái bà có mặt đó.

- Cha không đả động gì đến ông nam tước?

- Ông chết đã ba tuần nay, ở Caen, trong một ngôi nhà hưu trí, nơi chúng tôi mới xin cho ông được thu nhận.

Chúng tôi tới Pont-l'Évêque. Một ông linh mục đến đón cha Santal, ông này từ giã tôi sau khi chỉ cho tôi một khách sạn và một người cho mướn xe.

Chiếc xe tôi mướn được hôm sau đã đổ tôi xuống ngõ ra vào hoa viên Quartfourche; giao hẹn xe sẽ đến rước tôi sáu giờ sau đó, sau khi ngựa nghỉ ngơi trong chuồng một nông trại.

Tôi bắt gặp cổng sắt hoa viên mở toang, nền đất của lối đi bị nghiến vì chuyên chở.

Tôi vẫn ngỡ tình trạng hoang tàn khủng khiếp mà lại ngạc nhiên một cách mừng rỡ

nhận ra lối vào, đang đâm lộc non, "cây giẻ gai lá đào", người bạn quen biết lớn; tôi không suy nghĩ rằng có lẽ nó còn sống là nhờ gỗ nó quá kém cỏi; đi tới, tôi nhận thấy lưỡi rìu đã chém vào những cây đẹp nhất. Trước khi đi sâu vào hoa viên, tôi muốn thăm lại chiếc nhà dù nhỏ nhắn nơi tôi khám phá ra lá thư của Isabelle, nhưng, phụ giúp cho cái khóa gãy, một ổ khóa đã ghì lấy cái cửa (về sau tôi mới biết rằng thợ đốn củi dồn vào nhà dù kia những dụng cụ và quần áo). Tôi lần về phía lâu đài. Lối đi tôi đang theo thẳng tắp, có bụi cây thấp ven lề; nó không ngả về mặt tiền, mà lại ngả về phía nhà xí, nó dẫn tới nhà bếp và gần đối diện với bếp là hàng rào nhỏ vườn cây mở ra; tôi còn cách khá xa thì bỗng thấy Gratien từ vườn cây bước ra đèo một rổ rau; y nhác thấy tôi nhưng ban đầu không nhận ra tôi; tôi gọi y; y đến tôi, và bộc trực:

- A kìa, ông Lacase! Không ngờ gặp ông giờ phút này, dĩ nhiên!

Y đứng ngây nhìn tôi, gục gặc đầu và không che giấu sự lúng túng do sự có mặt của tôi gây ra; nhưng y tiếp lời, nhỏ nhẹ hơn:

- Dù sao cậu nhỏ sẽ mừng gặp lại ông.

Chúng tôi đi vài ba bước không nói, phía nhà bếp; y ra dấu cho tôi chờ và đi vào để cái rổ.

- Đấy, ông đến chứng kiến những chuyện xảy ra ở Quartfourche, - y nói, vừa trở ra lại với tôi giọng lịch sự hơn.

- Và hình như những chuyện không êm đẹp gì cho lắm?

Tôi nhìn y; cằm y máy động, y đứng không trả lời tôi; thình lình y nắm lấy tay tôi kéo tôi đến bồn cỏ nằm phơi trước thềm cấp phòng khách. Nơi đây tử thi một cây sồi to tướng nằm dài, dưới cây này tôi nhớ đã trú mưa vào mùa thu: vây quanh nó chất chồng thành đống, thành bó những cành của nó mà trước khi triệt hạ nó người ta đã tỉa trụi.

Y bảo tôi:

- Ông biết đáng giá bao nhiêu không, một cây như thế này? Mười hai pistole. Và ông biết bọn họ trả nó bao nhiêu không? Cây này cũng như những cây khác... Một trăm xu.

Tôi không biết rằng trong vùng này gọi bằng pistole những đồng mười quan; nhưng không phải lúc hỏi han giảng giải. Gratien nói bằng một giọng nghẹn ngào. Tôi quay lại y, y đưa lưng bàn tay lên mặt quệt nước mắt hay mồ hôi rồi nắm chặt hai tay:

- Ối! Bọn ăn cướp! Bọn ăn cướp! Khi tôi nghe chúng nện dao nện rìu vào cây, ông ơi, tôi điên lên; tiếng nện lên đầu tôi; tôi muốn kêu cứu tôi! Ăn trộm! Tôi muốn tới phiên tôi đấm đánh; tôi muốn giết. Hôm kia tôi ở nửa ngày dưới hầm, tôi bớt phải nghe... Lúc đầu cậu nhỏ thích nhìn bọn thợ củi làm; khi cây sắp sửa ngã, họ gọi cậu để kéo dây; và rồi thì, khi bọn cướp tràn tới gần nhà, tiếp tục chặt đốn, cậu nhỏ mới bắt đầu thấy kém vui; rồi cậu bảo: Không! Đừng cây này! Chớ

cây kia! - Khổ cậu ơi, tôi bảo cậu cây này hay cây kia, có giành lại cũng chẳng phải cho cậu đâu. Tôi có nói rõ cho cậu rằng cậu không thể ở lại Quartfourche; nhưng cậu còn nhỏ quá; cậu không hiểu rằng cái gì cũng bắt đầu không còn là của cậu nữa. Chỉ mong sao có thể giữ chúng tôi ở lại cái trại nhỏ; tôi sẽ rất vui lòng đem cậu trẻ đến đó với chúng tôi, chắc chắn thế; nhưng có điều biết đâu kẻ nào đó sẽ mua nó đi, và cái tên lưu manh, người ta lại muốn đặt nó đấy tranh chỗ chúng tôi!... Ông thấy không ông, tôi chưa đến nỗi già quá, nhưng tôi muốn chết còn hơn thấy bao nhiêu điều.

- Ai ở trong lâu đài, bây giờ?

- Tôi không muốn biết cái đó. Cậu trẻ ăn với chúng tôi dưới bếp; thế mà hơn. Bà nam tước không ra khỏi buồng nữa rồi; phúc cho bà, tội nghiệp... Chính Delphine dọn bữa ăn mang vào cho bà, đi bằng cầu thang ngả sau, có những người mà vợ tôi nó không muốn

gặp giữa đường. Những ai khác có ai hầu hạ, chúng tôi không nói chuyện cùng.

- Nay mai họ không tính tịch biên bất động sản chứ?

- Lúc đó thì sẽ cố đem bà nam tước ra ngoài trại, chờ người ta đem bán trụi luôn với tòa lâu đài.

- Còn cô... còn người con gái bà? Tôi hỏi ngập ngừng, vì không biết gọi nàng ta ra làm sao.

- Cô có thể tha hồ đi đâu tùy thích; nhưng đừng có đến chúng tôi. Vẫn là tại vì cô, những cái xảy ra.

Giọng y run lên, giận hờn nghiêm trọng đến độ tôi hiểu ra dạo đó con người này có thể đi vào tội ác để che chở danh dự của chủ mình là thế.

- Cô hiện giờ ở trong lâu đài?

- Giờ này, chắc là phải đi dạo trong hoa viên. Ý hẳn cái này chẳng đau đớn gì cho cô; cô nhìn bọn chặt cành tỉa lá; còn có nhiều hôm

cô chuyện vãn với chúng tôi, không xấu hổ. Nhưng khi trời mưa, cô không ra khỏi buồng; đấy, buồng nằm nơi góc; cô đứng sát vào kính nhìn ra vườn đấy. Giá như cái ông của cô không bỏ đi Lisieux trong mười lăm phút thì tôi không ló mặt ra như thế này đâu. Ôi! Đẹp mặt cả đám, ông Lacase ơi, có thể nói thế; chứ gì! Ví phỏng chủ nhân già đáng thương của chúng tôi hiện về để thấy thế này ở nhà mình, các cụ sẽ mau quay về lại nơi an giấc.

- Casimir có ở đâu đây không?

- Tôi tưởng cậu cũng dạo chơi trong hoa viên đấy. Ông muốn tôi gọi cậu cho?

- Thôi, tôi kiếm được. Hẹn chốc nữa nhé. Chắc chắn tôi sẽ gặp Delphine và chú trước khi đi.

Sự tàn phá của bọn thợ củi coi mòi khốc liệt hơn nữa vào thời kỳ này trong năm, lúc mà mọi vật chuẩn bị hồi sinh; lộc non bung ra, và mỗi cành cây bị chặt rỉ rỉ nhựa. Tôi tiến bước chầm chậm, tự tôi không buồn mà dậy lòng

vì tang thương của cảnh vật thì nhiều, có lẽ tôi hơi ngất ngây vì mùi vị mãnh liệt của thảo mộc mà cây cối lâm chung và đất bị cày xới tỏa ra. Tôi không mấy xúc động cho sự tương phản giữa bao nhiêu cái chết kia và cảnh tân xuân; hoa viên cũng phơi mở rộng hơn trong ánh sáng đang tắm gội và nhuộm vàng đồng đều lên cái chết và cái sống; nhưng lúc đó, ở xa, ca điệu bi ai của búa rìu ngập tràn không khí bằng sự nghiêm hàn tịch diệt đang nhịp nhàng thầm kín với những tiếng đập hân hoan của tim tôi, và bức thư tình xưa cũ tôi mang theo, mà tôi đã tự hứa không dùng đến nhưng từng lúc tôi ép vào tim, làm nóng bỏng tim này. Không còn gì có thể ngăn cấm tôi nữa, tôi lại nhủ thầm, và tôi cười thầm cho bước chân tôi hấp tấp tưởng tới Isabelle mà thôi; ý chí chẳng hiệu lực gì ở đây, nhưng là một nguồn lực nội tại sinh động con người tôi. Kỳ diệu thay sự tàn phá lại thêm vào cho vẻ đẹp cảnh vật cái âm sắc man dã, âm sắc này, với một vẻ

sung dật sinh khí thế nào đó, phấn khích thêm cho sự thưởng ngoạn; kỳ diệu thay, những lời bêu rếu của ông cha sao ít hiệu lực ly khai tôi với Isabelle đến thế và tất cả bao nhiêu điều tôi khám phá về nàng tăng trọng thêm lòng ham muốn khó tả... Cái gì khiến nàng còn quyến luyến chốn này đã nhung nhúc kỷ niệm ghê tởm? Quartfourche này mà bán đi, tôi biết, nói cho đúng chẳng có gì còn lại cho nàng hay thuộc về nàng. Sao nàng không lánh xa? Và tôi mơ mộng bắt cóc nàng đi đêm nay trong xe tôi; tôi vội bước, khác nào chạy, thì hốt nhiên, đàng xa trước mặt tôi, tôi thấy nàng. Đúng là nàng, không ngờ vào đâu được, mặc tang phục và đầu trần, ngồi trên một thân cây đốn ngã chắn ngang lối đi. Tim tôi đập mạnh đến nỗi tôi phải dừng lại chốc lát; rồi thì, về phía nàng, tôi chầm chậm tiến lại, kẻ du hành trầm tĩnh thản nhiên.

- Xin lỗi bà... có phải tôi đang ở Quartfourche, đúng chăng?

Cái giỏ nhỏ đựng đồ nữ công để trên thân cây cạnh nàng đầy cuộn chỉ, dụng cụ thêu thùa, những mảnh băng tang cuốn lại, hay xổ ra, và nàng bận để vài miếng lên một chiếc mũ dạ đơn sơ cầm ở tay; một chiếc dải xanh lục có lẽ nàng vừa bứt ra kéo lê xuống đất. Một chiếc áo choàng ngắn ngủn bằng vải đen khoác lên vai, và khi nàng ngẩng đầu, tôi để ý thấy chiếc kim cài thô kệch giữ lấy cái cổ áo kín. Chắc nàng đã thấy tôi từ xa trước rồi, vì giọng nói tôi có vẻ không làm nàng giật mình.

- Ông đến mua đất? - Nàng nói, và giọng nói nàng, mà tôi nhận ra khiến tim tôi đập mạnh. Trán nàng lồ lộ sao mà đẹp thế!

- Thưa không! Tôi đến thăm viếng thôi. Cổng mở và tôi thấy nhiều người đi lại. Nhưng đi vào e đường đột chăng?

- Bây giờ ai muốn cũng có thể vào được!

Nàng thở dài thâm trầm, nhưng sực tỉnh, nàng trở lại với công việc làm như không thể còn gì nữa mà nói với nhau.

Không biết làm cách nào tiếp tục cuộc chuyện trò có lẽ sẽ vô tiền khoáng hậu, sẽ phải có tính cách quyết định, nhưng hình như không phải lúc làm đột ngột; lo toan thận trọng thêm vào, và đầu óc tâm can ngập tràn toàn sự mong chờ cùng câu hỏi mà tôi chưa dám nêu lên, tôi đứng đấy trước mặt nàng, lấy mũi gậy khua đi những mảnh củi vụn, quá lúng túng cũng là quá khiếm nhã và quá vụng về, khiến cuối cùng nàng ngước mắt lên, nhìn xỉa xói vào tôi và tôi tưởng nàng bật cười đến nơi; nhưng nàng chỉ nói thế này, có lẽ vì lúc đó tôi đội chiếc mũ mềm trên mớ tóc dài, và vì không có công việc thiết thực nào làm tôi vội vã:

- Ông là nghệ sĩ?

Tôi mỉm cười đáp:

- Thưa tiếc là không phải, nhưng không sao, tôi biết thưởng thức thơ.

Và không dám nhìn nàng nữa, tôi cảm thấy ánh mắt nàng trùm lấy người tôi. Sự nhạt

nhẽo giả dối của lời qua tiếng lại, tôi thấy nó ghê tởm và tôi khổ tâm chịu đựng.

Tôi lại nói:

- Hoa viên đẹp quá.

Tôi thấy hình như nàng chỉ đòi được chuyện trò và cũng như tôi, chỉ lúng túng biết cách làm sao vào chuyện thôi; vì nàng trở lại kêu ca rằng khổ cho tôi không thể nào xét đoán ngay trong mùa hiện tại cái hoa viên kia có thể biến hóa thế nào vào mùa thu, còn lóng cóng và chưa tỉnh giấc mùa đông.

Ít ra có thể trở thành như vậy, nàng tiếp lời, từ nay nó sẽ còn lại gì sau cái công tác ghê tởm của bọn thợ củi?

Tôi nói lớn:

- Không ngăn họ được sao?

- Ngăn họ! - Nàng lặp lại mỉa mai, nhún vai thật cao; và tôi tưởng chừng nàng để lộ cho tôi thấy chiếc mũ dạ tồi tàn để làm bằng cho cảnh cùng khốn của nàng, nhưng nàng đã

nhấc mũ để lên đầu, mũ lật về sau và để lộ vầng trán; rồi nàng bắt đầu xếp lại những mẩu vải tang như thể soạn sửa đi. Tôi cúi xuống nhặt ở chân nàng cái dải xanh lục, đưa cho nàng. Nàng không lấy, bảo:

- Tôi dùng vào việc gì bây giờ. Ông thấy tôi đang thọ tang.

Liền đó tôi cho nàng hay tôi buồn được tin ông bà Floche mất, sau cùng đến ông nam tước mất; và vì nàng lấy làm ngạc nhiên thấy tôi quen biết song thân nàng, tôi nói cho nàng biết rằng tôi đã sống cùng ông bà mười hai ngày trong tháng Mười vừa qua.

Nàng tiếp lời xăng xái:

- Thế tại sao hồi nãy ông vờ không biết mình ở đâu?

- Tôi không biết làm sao làm quen với cô.

Kế, chưa tỏ lộ quá đáng, tôi bắt đầu kể lại cho nàng nghe sự hiếu kỳ say sưa đến thế nào đã cầm giữ tôi ngày một ngày hai tại

Quartfourche trong hy vọng gặp nàng và (vì tôi không đả động tới cái đêm tôi tò mò nhìn trộm nàng) sau cùng là tôi ân hận trở lên Ba Lê mà không gặp nàng.

- Cái gì khiến ông thích biết tôi lắm thế?

Nàng hết làm ra vẻ bỏ đi. Tôi kéo một bó củi dày dặn lại trước mặt nàng, gần bên nàng, và ngồi xuống, nàng chăm chú, một cách trẻ con, cuộn lại những dải băng tang và tôi không còn bắt gặp tia mắt nàng nữa. Tôi nói với nàng về tấm hình nhỏ và băn khoăn về tấm chân dung đó đã ra sao rồi, chân dung mà tôi yêu, nhưng nàng không biết nó.

- Chắc người ta sẽ tìm thấy nó chừng nào giở các đồ niêm phong... Và nó sẽ được đem bán theo các thứ còn lại, - nàng nói thêm kèm theo nụ cười khô ráo làm tôi mệt bụng. - Có vài xu, ông có thể mua nó, nếu ông còn thích.

Tôi cam quyết là tôi buồn lòng thấy nàng không coi nặng một thứ tình cảm mà diễn

tả suông nó ra thì cục mịch, nhưng tình cảm đã chiếm trọn lòng tôi từ lâu; nhưng bây giờ nàng vô cảm xúc và có thể nhất định không còn nghe chuyện gì về tôi nữa. Thì giờ eo hẹp. Tôi không có được gì để phá vỡ sự im lặng của nàng sao? Bức thư nồng nàn rung động dưới ngón tay tôi. Tôi đã soạn sẵn không hiểu một câu chuyện gì đó và liên hệ xưa kia giữa gia đình tôi và gia đình Gonfreville, nghĩ bụng may ra nó đưa đẩy nàng nói; nhưng lúc này đây tôi chỉ còn cảm thấy có sự phi lý của lời gian dối đó và bắt đầu thuật lại thật đơn giản do sự tình cờ huyền bí nào trong bức thư - và tôi đưa thư cho nàng - lọt vào tay tôi.

- Xin cô đừng xé tờ đó! Đưa lại cho tôi...

Nàng đâm tái mét như chết và giữ lấy giây lát bức thư trải rộng trên gối, không đọc; tia mắt mông lung, mi mắt nhấp nháy, nàng thì thào:

- Quên lấy lại! Làm sao tôi có thể quên bằng bức thư này?

- Có lẽ cô tưởng thư tới tay người đó, người đó đã đến lấy...

Nàng vẫn không nghe tôi. Tôi làm một động tác để lấy lại bức thư nhưng nàng hiểu lầm cử chỉ của tôi:

- Để tôi yên, - nàng la lớn và đẩy tay tôi một cách tàn bạo. Nàng nhổm dậy, muốn trốn thoát. Quỳ dưới chân nàng, tôi giữ nàng lại.

- Xin cô đừng sợ tôi; cô thấy rõ tôi không muốn làm hại gì cô hết. - Và khi nàng ngồi xuống lại hay nói đúng hơn ngã xuống lại mềm nhũn, tôi van nàng đừng phiền trách tôi nếu sự tình cờ đã chọn tôi làm bạn tâm sự bất đắc dĩ của nàng, nhưng van nàng tiếp tục tin tưởng tôi, lòng tin đó tôi thề không phản bội. Ôi! Sao bây giờ nàng không thổ lộ với tôi như với một người bạn đích thực và làm như thể tôi không biết gì về nàng nếu nàng chưa cho tôi hay?

Nước mắt tôi đổ tràn khi nói năng có lẽ có hiệu lực thuyết phục nàng hơn là lời lẽ. Tôi nói tiếp:

- Trời! Tôi biết cái chết khốn nạn như thế nào đã cướp mất ngay đêm ấy người yêu của cô... Nhưng làm sao cô được tin tang tóc đó? Đêm đó cô đợi, sẵn sàng trốn theo, cô nghĩ ngợi gì? Cô làm những gì khi không thấy người tình của cô xuất hiện?

Giọng bi thương, nàng bảo:

- Vì ông biết hết, ông cũng thừa hiểu tôi không việc gì phải đợi chàng, sau khi tôi đã báo trước cho Gratien hay.

Tôi có một linh cảm cực kỳ đột ngột về sự thật kinh tởm khiến những tiếng này vọt ra như hét:

- Sao? Chính cô sai giết người tình?

Bấy giờ, thả rơi xuống đất bức thư và chiếc giỏ làm những đồ vật vụn vặt vung vãi ra, nàng ôm trán gần xuống trong đôi tay và bắt đầu nức nở quên thôi. Tôi nghiêng mình đến nàng và định cầm lấy một bàn tay nàng trong tay tôi.

- Không! Ông là con người bạc bẽo tàn bạo.

Tiếng hét vô ý của tôi cắt nghẽn nguồn thổ lộ của nàng: Bây giờ nàng rắn người lại với tôi; trong lúc đó tôi vẫn ngồi trước mặt, quyết không rời nàng trước khi nàng giải minh tận tường hơn. Cuối cùng cơn nức nở lắng dịu; tôi từ tốn thuyết phục nàng rằng nàng đã nói quá nhiều không thể bình nhiên câm lặng nữa, mà một sự phân phó chân tình cũng sẽ không thể làm nhỏ nàng trước mắt tôi và không có lời thú nhận nào kể từ giờ làm tôi cực lòng cho bằng im lặng của nàng. Khuỷu tay tỳ lên gối, hai bàn tay đan nhau lấp vầng trán, nàng thuật lại cho tôi như sau đây:

Đêm trước cái đêm nàng ấn định để thoát ly, trong nỗi bồng bột yêu đương lúc chong đèn, nàng đã viết bức thư đó; hôm sau, nàng đem thư ra nhà dù, thư đút vào nơi kín đáo mà Blaise de Gonfreville quen thuộc và nàng biết chàng không lâu sẽ đến lấy. Nhưng ngay khi trở về lâu đài, khi trở vào trong căn buồng mà

nàng muốn vĩnh ly, một nỗi khắc khoải không nói được đã xâm chiếm lấy nàng, mối sợ hãi cho tự do mà nàng không biết sẽ như thế nào mà mình đã khát khao man dại, sợ hãi tình nhân mà nàng hãy còn kêu gọi, sợ hãi chính mình và sợ hãi cho điều mình phập phồng liều lĩnh. Phải, quyết định đã xong, phải, nỗi cắn rứt đã bị đè ém, nhục nhã đã uống vào, nhưng bây giờ không có gì cầm giữ nàng nữa hết, đứng trước cánh cửa mở ra thoát ly, bỗng nhiên nàng thiếu mất can đảm. Ý nghĩ trốn thoát đối với nàng trở thành bỉ ổi, không dung thứ nổi; nàng chạy lại nói với Gratien rằng nam tước Gonfreville dự định bắt cóc nàng, rứt nàng ra khỏi mẹ cha ngay đêm nay, rằng sẽ tìm thấy chàng rảo gần chiếc nhà dù nơi rào sắt trước khi trời tối, và phải ngăn chặn trước đừng để chàng đến gần cổng sắt.

Tôi lấy làm ngạc nhiên sao nàng không đi lấy lại bức thư có phải giản tiện hơn không và thay thế bằng một bức thư khác, trong lá thư này giả thử nàng làm cho người yêu nản lòng

bỏ công việc điên rồ như thế. Nhưng những câu tôi hỏi nàng, nàng không ngừng tránh trớ, vừa khóc vừa đáp rằng nàng thừa biết tôi không hiểu nàng nổi đâu và chính nàng cũng không thể giải thích rõ hơn, nhưng thể mà nàng tự cảm thấy đã không đủ sức hắt hủi tình nhân, lại không đủ sức theo chàng; rằng sự sợ hãi, đã làm nàng tê liệt đến độ, việc trở lại nhà dù trở thành một việc làm trên sức nàng; rằng vả chăng, vào giờ đó trong ngày, cha mẹ nàng lo sợ canh giữ nàng, chính vì thế mà nàng buộc phải cầu cứu Gratien.

- Có thể giả thử như chàng xem nặng những lời thoát ra từ cơn mê sảng của tôi được không?... Tôi nghĩ rằng nó sẽ khiến chàng xa lánh mà thôi... Tôi giật bắn người khi một giờ sau nghe một tiếng súng phía rào sắt; nhưng ý nghĩ tôi xua đuổi một giả thuyết rùng rợn và tôi không chịu nghĩ đến; trái lại, từ khi báo cho Gratien, tâm trí rảnh rang tôi cảm thấy như là mừng vui... Nhưng khi đêm đến, nhưng gần

đến giờ đáng ra là giờ tôi trốn, lạ thật! Tôi mặc lòng vẫn bắt đầu chờ đợi, tôi trở lại bắt đầu hy vọng; ít ra, một thứ tin tưởng nào đó, mà tôi biết là không đúng sự thật, xen lẫn vào nỗi thất vọng, tôi không sao nhận thức được rằng sự nhát gan, yếu lòng trong giây lát lại bất đồ làm tiêu ma giấc mộng xưa nay của tôi; tôi không lai tỉnh; phải, như là mê ngủ, tôi bước xuống vườn, rình từng tiếng động, rình từng bóng tối; tôi chờ nữa thêm...

Nàng lại bắt đầu nức nở:

- Không, tôi đã hết chờ, - nàng nói tiếp; - tôi tìm cách dối mình và thương hại cho mình, tôi bắt chước làm kẻ đợi chờ. Tôi ngồi xuống trước bồn cỏ, trên bực cấp thấp nhất của thềm; tim ráo hoảnh không đổ ra một giọt lệ nào nổi; và tôi không nghĩ tới cái gì nữa hết, không biết mình là ai nữa, ở đâu, đến làm cái gì. Trăng vừa soi sáng bồn cỏ đã biến mất; lúc bấy giờ hơi lạnh rùng mình thâm nhập vào người; tôi những muốn sao nó úp chụp

lấy tôi cho kỳ tắt thở. Hôm sau tôi ngã bệnh nặng và người y sĩ được gọi tới tiết lộ cho mẹ tôi là tôi có thai.

Nàng ngừng lại vài lát.

- Bây giờ ông biết những điều ông muốn biết. Nếu tôi kể tiếp, sẽ là chuyện của một người đàn bà khác, ông sẽ không còn nhận ra nàng Isabelle nơi tấm hình nhỏ.

Thế này tôi cũng đã khá khó lòng nhận ra người đàn bà mà trong tưởng tượng của tôi mê đắm. Nàng ngắt câu chuyện bằng những thở than, có thế thật, trách cho số phận, và nàng thương cho thơ mộng và tình cảm luôn luôn thua thiệt ở trên đời; nhưng tôi lấy làm buồn không mảy may nhận ra trong giọng nói hay đẹp của nàng những họa âm nồng nàn của trái tim. Lời nàng ân hận cho riêng nàng thôi? Sao thế nhỉ? Tôi thầm nghĩ, nàng biết yêu lắm đó sao?

Đến đây tôi nhặt nhạnh những vật vụn trong giỏ đổ ra, chúng rơi tứ tán trên mặt đất.

Tôi không còn cảm thấy một ham thích nào nữa để hỏi nàng thêm; vụt chốc hết tò mò về con người nàng và về đời sống nàng, tôi đứng trước mặt nàng như thằng bé đứng trước món đồ chơi nó đập vỡ ra để khám phá cái bí ẩn; và ngay cả vẻ quyến rũ về hình thể mà nàng vẫn còn mang đã hết đánh thức dậy trong thịt da tôi một xáo động nào, luôn cả cái nhấp nháy đa tình của mi mắt nàng nữa mà vừa rồi nó làm tôi rúng động. Chúng tôi trò chuyện về chính cái xác xơ của nàng; và vì tôi hỏi nàng định làm gì, nàng đáp:

- Tôi sẽ tìm cách dạy, dạy đàn dương cầm, hay dạy hát. Tôi có phương pháp hay.

- Kìa! Cô hát?

- Phải; và tôi đàn dương cầm. Trước tôi là học trò của Thalberg... Tôi cũng rất thích thơ.

Và vì tôi không tìm ra gì để nói với nàng.

- Tôi chắc chắn ông có thuộc thơ! Ông không vui lòng đọc cho tôi nghe?

Chán chê, đau lòng cho ý thức tầm thường đó về thi ca đã dứt khoát đuổi tình yêu đó ra khỏi lòng tôi. Tôi đứng lên để cáo từ.

- Sao! Ông bỏ đi rồi sao?

- Đành vậy! Cô cũng cảm thấy rõ là tôi từ giã cô bây giờ phải hơn. Cô thử tưởng tượng, gần song thân cô, mùa thu vừa rồi, tôi đã thiếp đi trong cái hôn mê của Quartfourche, tôi đã si mê một giấc mộng, và tôi vừa tỉnh giấc.

Một hình thù nhỏ, khập khễnh hiện ra ở cuối chỗ rẽ lối đi.

Tôi thấy Casimir thì phải, nó sẽ thích ý gặp lại tôi.

- Nó đến. Ông đợi nó đi.

Thằng bé đến gần bằng những bước nhảy ngắn; nó vác một cái cào trên vai.

- Tôi xin phép đi lại chỗ nó. Nó có thể mất tự nhiên gặp lại tôi ở bên cô. Tôi xin lỗi...

Và vụt từ biệt một cách vụng về nhất, tôi chào lễ phép và đi.

Tôi không gặp lại Isabelle de Saint-Auréol và không được tin gì nữa về nàng. Không, có chứ; khi tôi quay trở lại Quartfourche mùa thu năm sau, Gratien bảo tôi rằng, trước hôm tịch biên bất động sản, nàng bị người đàn ông làm áp-phe bỏ rơi, nàng bỏ trốn theo một gã đánh xe.

Gratien nói tiếp một cách cầu kỳ:

- Ông thấy không, ông Lacase, cô không bao giờ có thể ở một mình, bao giờ cũng cần một kẻ nào đó.

Thư viện Quartfourche bán đi giữa mùa hè. Dù tôi có căn dặn lại, tôi vẫn không được thông báo; và tôi chắc rằng ông chủ nhà sách ở Caen nào đó được mời tới chủ tọa vụ phát mại rất ít bận tâm đến chuyện mời tôi dự hay mời bất cứ một kẻ chơi sách đứng đắn nào khác. Sau đó tôi hốt hoảng bất bình hay tin rằng cuốn *Thánh kinh* đặc biệt bán ra 70 quan cho một tay buôn sách cũ ở trong vùng kế, bán lại liền sau đó 300 quan, không làm sao biết bán

cho ai. Còn những bản thủ sao của thế kỷ 18 thậm chí không được kê khai trong mục bán và phát mại như là giấy cũ.

Ít ra tôi muốn dự vào vụ bán bất động sản, vì tôi tự đề ra cho mình mua vài món vặt vãnh để tưởng niệm ông bà Floche; nhưng được tin quá trễ, tôi đến Pont-l'Évêque; chỉ kịp cho vụ bán trại và địa sản. Quartfourche bán đi với giá rẻ mạt cho một người buôn của cải, Moser-Schmidt, người này chực biến hóa hoa viên ra làm đồng ruộng, kịp đến khi một tay chơi người Mỹ mua lại của gã; tôi hiểu rõ vì sao, chứ còn tên này không trở lại xứ này, và vẫn để hoa viên và lâu đài ở trạng thái các anh có thể trông thấy nó.

Lúc bấy giờ tôi ít tiền của, tôi nghĩ là tham dự cuộc phát mại với tư cách kẻ hiếu kỳ mà thôi, nhưng trong ngày, tôi đã gặp lại Casimir, nên trong khi tôi dự thính những tiếng trả đấu giá, một nỗi bứt rứt thế nào đó xâm chiếm người tôi khi tưởng tới sự cùng khốn của

thằng bé, đến nỗi, bất ngờ, tôi quyết tâm đảm bảo đời sống cho nó dựa vào cái nông trại mà Gratien mong được chiếm giữ. Mấy anh không biết rằng tôi đã trở thành sở hữu chủ của nó à? Gần như không ý thức, tôi đã trả thêm giá cho cao lên; điên thật; nhưng sự mừng vui ủ ê của thằng bé khốn nạn bù lại cho tôi vô kể...

Tôi sắp sửa đi nghỉ lễ Phục sinh và nghỉ hè năm sau trong cái nông trại nhỏ kia, ở với Gratien, cạnh Casimir. Bà cụ Saint-Auréol còn sống; chúng tôi thu xếp thế nào xong thôi để cho bà cụ buồng tốt nhất; bà đâm ra lẫn, nhưng vẫn nhận ra tôi và nhớ suýt soát tên tôi.

- Ông Las Cases có lòng quá! Ông có lòng quá, - bà lặp lại khi thoạt tiên gặp lại tôi. Bởi bà vui thú đinh ninh rằng tôi trở về xứ là chỉ để thăm bà thôi.

- Họ sửa sang lâu đài. Rồi sẽ đẹp lắm! - Bà cụ tâm tình với tôi, như để giải thích cùng tôi cảnh trống trải của bà, hay tự giải thích cho chính bà.

Hôm phát mại bất động sản, họ ban đầu đưa bà ra ở trên thềm cấp của phòng khách, trong chiếc ghế bành lớn có tay ghế; người thừa phát lại được giới thiệu với bà như là một nhà kỹ sư nổi tiếng từ Ba Lê xuống cốt để giám thị công tác dự trù (bà tin dễ dàng tất cả những gì ve vuốt bà), rồi Gratien, Casimir và Delphine mang bà vào trong căn buồng này mà bà buộc lòng không ra khỏi nữa, nhưng bà sống ở đó gần ba năm nữa.

Chính trong vụ hè đầu tiên nghỉ mát ở nông trại của tôi, tôi làm quen với gia đình B., về sau tôi lấy người con gái lớn. Sở đất R., từ khi ông bà nhạc gia của tôi mất, thuộc về phần chúng tôi, các anh thấy, nó không xa Quartfourche lắm; hai hay ba lần mỗi năm tôi trở về trò chuyện với Gratien và Casimir, cả hai trồng trọt rất giỏi cho đất đai và đưa đều đặn cho tôi tiền thuê đất ít ỏi. Chính lát nữa tôi sẽ qua đó sau khi từ giã các anh.

Đêm đã khuya lắm khi Gérard kể xong chuyện. Mà cũng chính đêm đó, James, trước khi ngủ, viết bài ca thứ tư:

Khi người bảo tôi làm khúc bi ca về cõi hoang phế lộng gió kia...

ANDRÉ GIDE

VỠ MỘNG

ISABELLE

Bửu Ý *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP. HCM
Hochiminh City-Literature and Arts Publishing House
88-90 Ký Con - P. Nguyễn Thái Bình - Q.1 - TP. HCM
ĐT: (028) 38216009 - 39142419 - Fax: (028) 39142890
Email: nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn
nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn
Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1
Gian hàng 03 đường sách TP. HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Q.1, TP. HCM
Website và bán hàng trực tuyến: www.nxbvanhoavannghe.org.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám Đốc - Tổng Biên tập
Đinh Thị Phương Thảo

Biên tập: **Nguyễn Thị Kim Phước**
Sửa bản in: **Bảo Bảo**
Bìa: **Hà Thảo**
Trình bày: **Phượng Nguyễn**

PHANBOOK

CÔNG TY TNHH PHAN LỆ & FRIENDS
Khu TMDV - Tòa nhà Gold View A1-06.04.
346 Bến Vân Đồn, P.1, Q.4, TP. HCM
028 36369928 - 0129 9274566;
www.phanbook.vn; info@phanbook.vn

In lần thứ nhất. Số lượng 2.000 cuốn
Khổ 12 x 18cm. Tại Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam
(Lô B5-8, đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp. HCM)
Số ĐK KHXB: 2984-2018/CXBIPH/1-126/VNTPHCM
QĐXB số: 575-QĐ/NXBVHVN ngày 30.10.2018
ISBN: 978-604-68-4923-0
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2018.

Chúng tôi theo Gérard mà không lên tiếng, nghẹn lòng vì vẻ đẹp của nơi chốn, của mùa, của giờ khắc và bởi tại chúng tôi cảm nhận luôn tất cả những gì là hoang phế tang tóc được chôn giấu trong sự trù phú vô hạn này đây.

ANDRÉ GIDE NOBEL VĂN HỌC 1947

Mộng và thực, hư cấu và đời thật đã hòa quyện lấy nhau trong đời sống tâm hồn của một thanh niên lý tưởng và đa cảm.

Lâu đài Quartfoutche cổ xưa như chốn Đào nguyên, tách biệt với cõi nhân gian rộn ràng đã đổ bóng xuống nỗi cô độc của chàng Lacase. Ở đó, mùi vị của thứ tình ái viễn mơ, niềm đam mê đã tự khắc trỗi dậy và cũng tự khắc tàn phai.

Một không khí "hoang phế gió lộng" của thời thanh xuân được André Gide đưa vào trong cuốn tiểu thuyết truyện lồng trong truyện nhuốm u hoài và quyến rũ.

PHANBOOK
Chia sẻ tri thức và giá trị sống

TỔNG PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH PHAN LÊ & FRIENDS
Tòa nhà Gold View, A1- 06 .04
346 Bến Vân Đồn, P.1, Q.4, TP. HCM
028 3636 9928 - 0129 927 4566
phathanh@phanbook.vn
MUA HÀNG ONLINE: phanbook.vn

ISBN: 978-604-68-4923-0
9 786046 849230
Vô mong
8 936144 200261
Giá đ